

ĐOÀN VĂN THÔNG

**BÍ ẨN TRÊN BỘ MẶT
VÀ BÀN TAY**

Diên Khánh, July 28, 2017

**ĐẠI NAM XUẤT BẢN
1991**

LỜI MỞ ĐẦU

Diên Khánh, July 28, 2017

Cho đến nay, khoa tướng số vẫn bị xem là phản khoa học và nhất là khi các nhà bói toán xuất hiện ngày càng nhiều thì khoa Tướng số lại càng trở thành cái đích cho nhiều nơi nhắm tới để chỉ trích.

Tuy nhiên, hiện nay Khoa học đang áp dụng một phương pháp coi như mới mẻ trong ngành Y khoa thì lại quá cũ đối với Nhân tướng học trong Tướng số: đó là xem mặt để định bệnh. Cách đây mấy nghìn năm, khoa Nhân tướng học ra đời mà phương pháp thực hành là quan sát trực tiếp một con người dựa trên những dáng dấp, những hình ảnh có thật. Đó là toàn bộ con người, toàn bộ gương mặt với tóc, tai, trán, mắt, mũi, miệng, sắc da, tiếng nói, dáng đi... từ đó lập luận lấy việc chứng nghiệm riêng mà quy về một lẽ chung. Như thế, vô tình từ ngàn xưa, cổ nhân đã biết sử dụng đến phép Thống kê (!). Đó là một

điều thật đáng thán phục. Chính qua hàng ngàn năm, việc thống kê, đánh giá các đặc điểm mà ta gọi là “Tướng mạo” ấy đã tạo thành những cơ bản của mỗi “hạng người” hay “nhóm người” (phân loại). Nhưng, Nhân tướng học không dừng lại ở đó để kết luận ngay vì Nhân tướng học phát xuất từ Dịch lý, quan niệm mọi sinh vật luôn luôn biến đổi (dịch), vì thế con người cũng luôn luôn biến đổi. Con người là một sinh vật sống, còn phải chịu ảnh hưởng của mọi tác động của môi trường xung quanh (như nhà Sinh vật học Charles Darwin đã nêu lên sau này trong thuyết tiến hóa của mình) và ngay cả nội môi trường nữa (trong cơ thể). Do đó Nhân tướng học còn kết hợp luôn với những đặc điểm khác, đôi khi có tính cách trừu tượng mà họ gọi là khí sắc, là thần khí, mà một số nhà Sinh vật học cho rằng kích thích tổ não thùy, kích thích tổ sinh dục, tuyến nội tiết... là những đặc trưng...

Ngày nay, những kinh nghiệm mà Nhân tướng học thu thập được qua hàng chục thế hệ đã thành một bộ sưu tập khổng lồ vô giá mà nếu chúng ta lưu tâm nghiên cứu một cách đúng đắn từ nguồn gốc, theo khoa học, loại bỏ những gì có vẻ mơ hồ, huyền bí thì chắc chắn Nhân tướng học sẽ có nhiều điều có giá trị đầy thực dụng mà Tướng học Á Đông cũng như Tây phương sẽ đem lại cho chúng ta nhất là về lãnh vực cá tính và bệnh tật. Đó chính là giá trị và công dụng thực tiễn của ngành Tướng học đúng đắn.

Chúng ta sẽ có dịp tìm thấy trong nền Tướng học thế giới những điều hữu ích, thực tế hợp với khoa học nhất là lãnh vực Phản xạ học, theo đó thì da người có những vùng

liên quan một cách phản xạ với các cơ quan nội tạng, điều mà hiện nay khoa học đã hoàn toàn công nhận.

Chúng ta còn biết được rằng Y học cổ truyền Ấn độ quan niệm một cách đúng đắn về sự liên hệ giữa cơ thể và môi trường và cơ thể con người có những biểu hiện ra ngoài về tâm thần, trí tuệ và luôn cả bệnh lý nữa. Ví dụ những người mang tính Yata trội thì da thường khô, tróc vảy, sù sì, cơ thể yếu đuối không quen chịu lạnh, thần kinh yếu, thích lý luận, suy tư... Còn người mang tính Pitta vượt trội thì da thường tiết nhiều mồ hôi nhất là ở hai bàn tay và ở mặt. Người mang tính Kapha trội thì biểu lộ ra ở làn da óng mượt mịn màng v.v...

Những vị Danh sư nổi tiếng về thuốc ngày xưa như Hippocrate cũng đã lưu ý đến vấn đề trên. Ngay như Lý Thời Trân (đời nhà Minh) một thầy thuốc nổi tiếng cũng đã lưu ý đến việc xem gương mặt để định bệnh. Nhà Tướng học Nhất Hạnh đời Đường, Trần Đoàn đời Tống, lại còn nâng lên cấp độ cao hơn khi cho rằng nét tướng bên ngoài phải kết hợp với những phần khác nữa mà đời sau gọi là thần khí. Vấn đề này về sau được Phạm văn Viên trình bày rất rõ trong cuốn Thủy Kính Trập và nhà nghiên cứu Nhân tướng học Hy Trương đã giải thích rõ ràng trong tập sách Nhân tướng học của ông xuất bản năm 1974. Ông Hy Trương đã nêu tên tuổi của nhiều nhà nghiên cứu nổi tiếng về Nhân tướng học như Tề Đông Giả và Thiền sư Nhất Hạnh cùng với Điều Kim Ngao.

Còn về đời nhà Đường thì có Bùi Độ, Trương Hành Giản (đời Nguyên), Viên Liễu Trang (đời Minh), Phạm văn Viên (đời Thanh). Ở Việt nam ta có sư Tuệ Tĩnh

12 những bí ẩn trên bộ mặt và bàn tay

(khoảng thế kỷ XIV) cũng là một vị Danh y kiêm Nhà nghiên cứu về thần sắc trên gương mặt để định bệnh, về sau các thầy thuốc khác cũng phát triển phương thức này, đó là một trong các phương pháp chẩn đoán bệnh lý cổ truyền mà ngày nay vẫn còn tiếp tục phát triển.

Trong khi đó tại Tây phương, các nhà khoa học, các nhà tâm lý và phân tâm học, nhất là các nhà y học từ lâu nghiên cứu về Triết học và Y học Đông phương đã được dịp hiểu thêm những gì mới lạ về Tướng học Đông phương và không ít người đã say mê nghiên cứu về lãnh vực này. Nhiều cuốn sách, nhiều Luận án về các vấn đề Nhân tướng học đã xuất hiện. Không những các nhà khoa học và các nhà nghiên cứu Tây phương lưu ý về các tướng cách ở con người mà họ còn đi sâu hơn vào cá tính và nhất là vào phương diện bệnh lý. Đây là một đề tài hấp dẫn các nhà khoa học Tây phương (Tuy nhiên không hiếm những sách tướng số đây về mơ hồ và vô tội vạ được xuất bản). Một số sách có giá trị và đúng đắn về các đề tài trên đã được nhiều giới hoan nghênh, mặc dầu lý thuyết nêu ra không sâu sắc thâm trầm như lý luận về tướng mạo của Đông phương. Phần lớn các lý luận của Tây phương chỉ chú trọng nhiều về dạng thể, màu sắc và những điểm đặc biệt trên gương mặt và bàn tay để xác định cá tính và bệnh lý mà không đi sâu vào những chi tiết khác ở nội tâm một cách tỉ mỉ như tướng thuật của Đông phương. Điều dễ hiểu là Tây phương thường tách rời và nghiên cứu riêng về từng bộ môn như Cơ thể học, Sinh lý học, Tâm lý học, Bệnh lý học, Đạo đức học, Luận lý học. Trong khi Đông phương thường kết hợp các bộ môn làm một, nhất là khi ứng dụng vào Nhân tướng học. Tuy nhiên, cho đến nay,

nếu đem so sánh số lượng sách, tác phẩm chuyên đề về lãnh vực này thì có lẽ Tây phương lại vượt trội về số lượng và đề tài bởi lẽ, người Tây phương có thể viết về một sợi tóc thành một cuốn sách dài đủ chi tiết về nguồn gốc, cấu tạo, dạng thể, màu sắc, công dụng, hậu quả v.v... Do đó hiện nay Tây phương có đủ các loại sách nghiên cứu từ móng tay đến lông tay, gút ngón tay, bàn tay, chỉ tay, màu sắc bàn tay... Về bộ mặt thì đủ dạng với các bộ vị mắt, mũi, tai, miệng, lông mày, râu tóc, răng v.v... Một số công trình do các Bác sĩ và các Nhà nghiên cứu biên soạn vô cùng công phu, đúng đắn và nếu xét về mặt thực dụng thì đây quả là những công trình nghiên cứu mang tính khoa học vô cùng hữu ích, như công trình nghiên cứu của Tiến sĩ Charlotte Wolfe về móng tay và bàn tay phản ánh bệnh lý. Công trình nghiên cứu của Bác sĩ Josef Ranald về con người qua tướng mạo và sắc diện...

Nhận thức rằng đây là những công trình khoa học nhằm đem lại lợi ích cho đời sống con người, chúng tôi đã mạnh dạn và cố gắng sưu tầm các tài liệu liên quan của các tác giả Đông phương cũng như Tây phương để rút tỉa những tài liệu bổ ích liên quan đến lãnh vực bệnh lý. Đây là những kinh nghiệm thu thập được của các Danh y và những Nhà tướng học, những nhà Tâm lý học nổi tiếng từ cổ đại đến nay. Những kinh nghiệm ấy không ít thì nhiều sẽ phụ giúp cho ngành Y khoa trong việc chẩn đoán bệnh lý cũng như phát hiện kịp thời mầm bệnh để nhanh chóng tiểu trừ hay trị liệu...

Trên chiều hướng đó, chúng tôi biên soạn tập sách này theo phương cách tuần tự trình bày những nét đặc trưng trong khoa Nhân tướng học của cả Đông phương và

14 những bí ẩn trên bộ mặt và bàn tay

Tây phương trong phép chẩn đoán, phát hiện bệnh lý và cá tính. Việc phát hiện cá tính ở đây hoàn toàn dựa vào Khoa suy luận của môn Luận lý học. Theo đó người bị chứng Giáp trạng tuyến hoạt động⁵ nhiều thì sẽ sinh ra bệnh Bướu cổ lộ nhỡn (Basedow) tánh tình sẽ nóng nảy cộc cằn... Hoặc người bị bệnh Bao tử thì người hay bực bội, nhẩn nhó v.v... Trong Tướng học thường đề cập đủ về mọi tướng cách nhưng ở đây chúng tôi chỉ giới hạn ở gương mặt và bàn tay cũng như hướng về hai chủ đích là cá tính và bệnh lý mà thôi.

Chúng tôi hy vọng tập sách này sẽ đóng góp một phần nhỏ trong ngành Y học đồng thời nói lên phần nào sự trung thực, trong sáng và sâu sắc của ngành Tướng học nhất là Tướng học Đông phương, một bộ môn đầy giá trị đã hầu như bị quên lãng và coi thường chỉ vì một số các nhà bói toán đã biến đổi nó thành những dạng thần bí hoang đường chuyên suy đoán tài lợi, giàu nghèo, tình duyên và số mệnh trong khi những ứng dụng thiết thực bổ ích đầy khoa học thì lại cho vào quên lãng.

Tuy nhiên khi viết tập sách này chúng tôi nghĩ rằng tất cả những điều ghi trong sách không nhất thiết là điều chính xác đáng tin cậy. Có nghĩa rằng không thể thấy mình có điểm nào đó giống như trong sách là đã vội kết luận mình phải có cá tánh và bệnh ấy mà còn phải có sự tổng hợp với những dữ kiện khác nữa để phân tích và lý luận mới hy vọng đem lại sự chính xác.

NHÂN TƯỚNG HỌC DƯỚI MẮT CÁC NHÀ KHOA HỌC

Từ lâu khoa Sinh vật học đã cho thấy một điều là mỗi loài sinh vật đều có một đặc tính riêng và ngay trong mỗi loài vẫn có những cá thể khác biệt. Sự khác nhau ấy biểu lộ qua dáng điệu, nét mặt, giọng nói, tiếng kêu, tiếng hú v.v..

Galien người thầy thuốc nổi tiếng ở thế kỷ thứ II trước đã cố gắng phân loại theo các thể cách riêng ở mỗi sinh vật mà trong đó lưu tâm nhất là con người. Về sau ông nhận thấy ở mỗi người còn có thêm những khác biệt nữa đó là tánh khí và ông đã phân tích, tổng hợp các loại tánh khí ở mỗi con người. Vị danh y Hy Lạp là Hippocrate ở thế kỷ thứ V trước Công Nguyên cho rằng: “Do sự lệ thuộc vào bốn chất dịch trong cơ thể con người mà tạo ra tính khí”. Ngày nay, khi môn Sinh lý học đã phát triển đến cao độ thì các nhà Sinh lý học lại cho rằng: “Tính khí con người phụ thuộc vào đặc điểm Sinh lý học của con người đó”.

Điều gây tranh luận nhiều nhất từ xưa đến nay là sự tác động về Sinh lý học ở con người và tánh khí con người có biểu lộ ra bên ngoài cơ thể hay không? Nói khác đi là có sự phản xạ lên da, lên cơ thể bằng màu sắc và đường nét đặc biệt nào không?

Từ ngàn xưa, các nhà nghiên cứu thâm sâu về con

người ở Á Đông thường nhìn dạng thể tướng cách bề ngoài của một người để suy đoán các lãnh vực bệnh lý, tánh tình và thọ yếu. Điều quan trọng là các nhà nghiên cứu này quan niệm rằng “Con người là một sinh vật, vì thế con người” cũng phải chịu cùng quy luật của tự nhiên là luôn luôn biến đổi. Do đó, các tính cách trên con người mà họ gọi là “nét tướng” cũng biến đổi theo và sự biến đổi này còn lệ thuộc vào nội tâm của mỗi người.

Người xưa đã dùng đến một phương pháp mà ngày nay ta thường gọi là phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh... Để có được những kết luận khá chính xác sau khi quan sát tướng cách hay nét tướng của một người, những nhà quan sát phải rút tỉa các tính cách ở con người qua màu sắc, đường nét ở gương mặt, bàn tay và cả dạng thể cùng dáng điệu của người ấy. Những nét tướng này được đem so sánh, tổng hợp và phân tích trước đó với một số lớn người có đồng cảnh ngộ và cùng có tính cách như thế. Đây là phương pháp mà ngày nay ta gọi là Phép thống kê. Tuy nhiên điều quan trọng là con người luôn luôn biến đổi. Vì thế các nhà nghiên cứu về Nhân tướng Á Đông ngày xưa luôn luôn coi trọng đến sự biến đổi này và họ cho rằng con người có hai phần lộ ra rõ là dạng thể, đường nét (hình như cố định) còn một phần nữa thay đổi theo thời gian, mà họ gọi đó là khí sắc.

Hiện nay khoa học công nhận rằng: trên da của con người có những vùng liên quan một cách phản xạ với các cơ quan nội tạng.

Xen-đôn, nhà Sinh học và Tâm lý học Mỹ đã trình bày cho giới khoa học một đề tài vô cùng sâu sắc và lý thú mà

theo đó ông chứng minh được rằng: “Có thể nhìn vào thể trạng bên ngoài của một người mà suy đoán cá tính và bệnh lý của người đó”.

Theo các nhà Sinh lý học hiện nay thì những tác động về sinh lý học của con người có thể biểu lộ ra ngoài da, qua chất bài tiết như phân, nước tiểu, nước miếng, mồ hôi, hơi thở và đôi khi còn thể hiện qua sự biến đổi màu sắc ở da, ở tóc, ở móng mắt, ở móng tay, ở bàn tay, ngón tay v.v...

Chúng ta đều biết rằng, người ta thường phân tích nước tiểu để suy đoán bệnh lý của cơ thể. Các Phi hành gia theo tàu vũ trụ du hành vào không gian đều được giữ lại nước tiểu để phân tích tìm hiểu sự hoạt động của cơ thể ra sao. Thường thì các bệnh nhân trước khi vào phòng mổ thường được tẩy sạch các móng tay (nhất là nữ giới thường có móng tay bôi đỏ) để Bác sĩ giải phẫu có thể theo dõi lượng máu trong cơ thể bệnh nhân qua móng tay. Khi khám bệnh, các Y Bác sĩ cũng thường lật mí mắt dưới để kiểm tra lượng máu trong cơ thể. Mới đây Giáo sư Bác sĩ Evgueni Velkhover (Liên xô) đã nghiên cứu và quan sát mắt của một người để nhận được bệnh của người đó. Trong khi đó hai Bác sĩ người Mỹ là Brown và Gerdes đã công bố một khám phá mới mẻ về việc quan sát tóc người để biết người đó có bệnh hay không. Còn Tiến sĩ Charlotte Wolfe, Giáo sư V. Pardo Costello và Giáo sư da liễu Havard Fox lại cho biết rằng chính móng tay là nơi nói lên nhiều điều coi như bí ẩn trong cơ thể...

Wood Jones, Hollander, Féré là những nhà khoa học nổi tiếng đã để nhiều thời gian nghiên cứu bàn tay và đã cho biết rằng: trên bàn tay có những đường nét và những

điểm mà nếu gạt ra ngoài những lý luận vô lý đầy mơ hồ và mê tín thì chúng ta sẽ có được những dữ kiện đáng tin cậy.

Dù sao thì hiện nay, khoa học vẫn chưa hoàn toàn chấp nhận tất cả những gì mà những nhà Nhân tướng học Đông Tây đã trình bày cũng như những đường nét, chấm phá trên bàn tay quyết định suốt cả cuộc đời. Tuy nhiên vẫn có những điểm mà khoa học ngày nay đã phần nào chấp nhận nhất là về lãnh vực bệnh lý. Điều đáng lưu ý hơn nữa là khoa học ngày một tiến bộ thì có thể có những gì mà hôm nay chúng ta cho rằng mơ hồ mê tín thì đôi khi lại được chứng minh và khi đã được chứng minh thì vấn đề ấy lại trở thành sự thật đầy ích lợi.

ĐẶC ĐIỂM CỦA NHÂN TƯỚNG HỌC

Từ lâu đã có nhiều nhà nghiên cứu về ngành tướng pháp và cũng có nhiều sách thuộc về loại này. Tuy nhiên, phần lớn đều quy tụ vào việc nghiên cứu thiên về bói toán đầy mơ hồ trong đó: gương mặt và bàn tay là hai lãnh vực được các Nhà tướng số lưu ý nhất. Vì thế mà Diện tướng học (tướng mặt) và chỉ tay đã trở thành hai khoa căn bản trong ngành tướng số nhất là ở Trung hoa, Nhật bản và Việt nam.

Ngày xưa Nhân tướng học Á Đông đã được nghiên cứu rất kỹ và họ hãnh diện có thể dùng các khoa này để

ngiên cứu về tánh tình, bệnh tật, tình duyên và cả cuộc đời mỗi người nữa. Thật ra, đây không phải là những bộ môn thần bí viển vông, mơ hồ mà nếu xét thật kỹ và nhìn sự vật qua những lý luận hữu lý đầy khoa học thì con người vẫn rút ra được những điều hữu ích. Vì thật ra Nhân tướng học và Chỉ tay có những giới hạn của nó trong vấn đề nghiên cứu. Chúng ta cần phải tìm thấy ở các bộ môn này những giới hạn đúng đắn với khoa học. Sở dĩ những khoa này bị xem thường và bị cho là mê tín vì qua thời gian, những nhà tướng số đã biến nó theo nhiều cách nhiều hướng để phục vụ cho việc giải đoán vận mạng, cuộc đời mỗi người làm mất đi tính trong sáng, đúng đắn và khoa học của khoa tướng học Á Đông.

Nhà đại văn hào Nga M. Gorky đã thường tả người trong tiểu thuyết của ông, những con người vô cùng sống động mà luôn luôn ông đều mô tả đầy đủ về tướng mạo và sắc diện của họ khiến độc giả khi gấp sách lại vẫn như còn phảng phất, bàng bạc những gương mặt của những nhân vật trong truyện của ông.

Theo Xêndôn, nhà Sinh học và Tâm lý học Hoa kỳ thì con người là một thực thể bao gồm các đặc tính giải phẫu tâm lý và bệnh lý biểu lộ qua ba loại hình thái:

1) Người béo mập, da mịn, cổ ngắn, tay chân ngắn, bụng lớn thường có tính vui vẻ, tự mãn, thực tế, cởi mở, thích ăn nhậu nhưng chậm chạp.

2) Người có xương phát triển lớn, nở nang, vai rộng, mạnh khỏe, thường có hệ thần kinh tốt, tự tin, can đảm, hoạt động, nhanh nhẹn hay ghen tuông.

3) Người mảnh khảnh, vai xuôi, cổ dài, mặt, tay chân

dài, có đời sống thiên về tinh thần, ăn ít, mơ mộng, không thực tế, cọc tính, ít ngủ, thích nghiên cứu sách vở, lý luận...

Từ thời Hippocrate đã có đề ra bốn loại tính khí ở con người:

a) Tính nóng nảy: người không nhất định một việc gì, ít tập trung tư tưởng, thường ăn nói theo kiểu “đao to búa lớn” hay phóng đại, nói thêm. Đây là loại người được xếp vào nhóm Holeric.

b) Tánh lạnh đạm: người thường từ tốn, điềm đạm, chậm rãi, phớt tỉnh, thích suy tư, lý luận. Đây là nhóm Phlegmatic.

c) Tánh hoạt động: người năng nổ, biểu lộ sức lực ra bên ngoài, ham hoạt động, luôn luôn thích nghi với cuộc sống mới nhất là cuộc sống đầy sôi động. Người bình tĩnh, ít chịu suy nghĩ, ngủ nhiều, khỏe. Đây là những người thuộc nhóm Xangvinic.

d) Tánh đa sầu đa cảm: người nhạy cảm, sống nội tâm, thâm trầm kín đáo, rụt rè, hay nghĩ ngợi sâu xa, ít bạn, thường hay hờn tủi, ngủ ít. Đây là người thuộc nhóm Mélencôlic.

Tuy nhiên theo các nhà khoa học và các nhà nghiên cứu thì không hẳn mỗi người đều thuộc vào nhóm như đã nói trên một cách tuyệt đối mà thường pha lẫn nhiều nhóm với những mức độ khác nhau. Ngay cả các nét riêng biệt của Diện tướng (tướng mặt) cũng luôn luôn cần có sự liên hợp các bộ vị mới mong giải đoán được những bí ẩn của mỗi con người. Đây là điều mà các nhà nghiên cứu tướng học Đông cũng như Tây đều thường lưu ý.

Điều quan trọng hơn nữa là:

Các nhà khoa học ngày nay đã nhận thấy một điều đáng quan tâm trong ngành Nhân tướng học Á Đông là có thể rút từ đó ra những đặc điểm, những quan niệm có tính cách nhân bản. Đó là không lệ thuộc vào thần linh và mê tín viển vông mà chỉ căn cứ một cách trực tiếp lên con người qua những đặc điểm cụ thể rõ ràng chứ không mơ hồ hay có tính cách huyền bí.

Nhân tướng học Á Đông thường tổng hợp tất cả những gì phát lộ ra ngoài cơ thể qua sắc diện, đường nét, cử chỉ, âm thanh (tiếng nói, cười) v.v... Như trên đã nói quan niệm Á Đông cho rằng con người luôn luôn biến đổi cũng giống như sự vật (Dịch lý), sự biến đổi ấy là do ở các tác động của môi trường. Môi trường ở đây có thể là thức ăn, là không khí, là vùng mình ở, nghĩa là những gì bên ngoài và cả bên trong cơ thể. Ở đây có một điểm đáng lưu ý nữa là con người hay tâm hồn con người còn tác động ngược lại lên sự vật nữa vì thế mới có câu:

“Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ...”

Nhà sinh vật học người Anh nổi tiếng là Charles Darwin đã vô tình chứng minh cho thuyết trên của Á Đông khi ông nêu thuyết tiến hóa và cho rằng sinh vật sống trong môi trường luôn luôn phải lệ thuộc, biến đổi theo ảnh hưởng của môi trường.

Nhân tướng học là cả một tập hợp của nhiều bộ môn như Tâm lý học (trong đó có luôn cả ý thức và tiềm thức cũng như tính tình con người...) Cơ thể học, Bệnh lý học, Sinh lý học v.v...

Vì thế, mọi việc đều phải luôn luôn căn cứ trên khoa

học để phân tích, tổng hợp mới mong đạt được những kết quả khả quan dù không hẳn là hoàn toàn chính xác. Nhân tướng học Á Đông còn có thêm một đặc điểm khác nữa. Chính đặc điểm này mà như đã nhắc từ trên – đã khiến nó trở nên càng ngày càng có nhiều giá trị ở nhiều lãnh vực – Đó là phải qua sự phân tích tổng hợp so sánh rồi rút ra những điểm đặc biệt tuần tự để tìm những đặc tính căn bản nhất. Phương cách này hiện nay các nhà khoa học đang áp dụng qua máy tính điện tử trên cơ sở xác xuất thống kê. Chắc chắn trong tương lai ngành Nhân tướng học sẽ đem lại nhiều hữu ích thiết thực cho con người đồng thời có cơ loại hẳn những gì có tính cách phản khoa học.

ỨNG DỤNG THỰC TẾ CỦA NHÂN TƯỚNG HỌC

Có nhiều người hơi hợm cho rằng chỉ cần nhìn dáng vẻ diện mạo bên ngoài của một người là biết được tất cả về người đó. Ý nghĩ ấy đã là một trong những nguyên nhân gây nên sự hiểu lầm về Nhân tướng học và khiến các bậc thức giả cho Nhân tướng học đây vẻ viễn vông vô căn cứ. Thật ra, theo các nhà nghiên cứu thâm sâu về khoa xét đoán con người kiểu này từ thời cổ đại thì dáng vẻ diện mạo chỉ là những yếu tố phụ thuộc vì còn có yếu tố khác nữa giá trị hơn, giúp cho việc kết luận chính xác hơn. Những yếu tố mà những nhà Nhân tướng học gọi là thần khí và tâm hồn vì thế Nhân tướng học không phải là môn

học chuyên về quan sát tổng hợp phân tích ngoại mạo cơ thể mà còn hướng về nội tâm của con người nữa, điều này cho thấy các bậc tiền bối Á Đông từ ngàn xưa đã nhận thức rõ sự quan trọng của môn Tâm lý học. Điều mà sau này người Tây phương mới nhận thức và xếp vào một bộ môn học thuật riêng biệt. Tâm lý hiện nay của nhiều người là cho Tâm lý học Tây phương có tánh cách văn minh và thực tiễn và coi thường bộ môn học thuật cổ điển Á Đông về Nhân tướng học vì cho rằng khoa này có lắm sự kiện mơ hồ đôi khi nhuốm đầy mê tín dị đoan. Quả thật, sự nhận định đó quá ư bao gồm và hấp tấp vì người ta đã kéo luôn cả những thầy tướng số bói toán vào chung một mối với Nhân tướng học khiến cho sự trong sáng trung thực của bộ môn này bị lu mờ hoen ố.

Mục đích của tác giả khi viết tập sách này không phải chỉ cốt bênh vực và nêu cao giá trị của một bộ môn học thuật cổ truyền Á Đông mà còn mong được trình bày về một vài khía cạnh đầy tính cách hữu ích và thực tiễn mà Nhân tướng học đã đem lại như cá tính và bệnh tật của con người. Qua đó con người sẽ rút tỉa được những kinh nghiệm thực tế hữu ích trong đời sống bản thân, gia đình và xã hội. Ngoài ra ngành luật pháp hình sự cũng được thêm phần phát triển.

Tác giả cũng không quên kết hợp với tướng học Tây phương để vừa có được sự so sánh giữa hai quan niệm, lại vừa tổng hợp những đặc điểm tinh vi thu thập được của hai phái Đông Tây. Ở đây tác giả tập trung ở hai lãnh vực chính ở con người đó là Bộ Mặt và Bàn Tay. Qua đó, cá tính và bệnh lý con người sẽ lần lượt được biểu lộ. Sở dĩ chỉ chọn hai lãnh vực này là do tác giả muốn nêu lên các ứng

24 những bí ẩn trên bộ mặt và bàn tay

dụng thực tế và hữu ích mà Nhân tướng học đem lại. Hiện nay ở các nước ở phương Tây, Nhân tướng học rất được đề cao. Các nhà khoa học, nhất là các Y Bác sĩ và các nhà Tâm lý học đều say mê nghiên cứu về lãnh vực này. Dĩ nhiên là Nhân tướng học ở đây không mang sắc thái của sự bói toán và đoán vận mạng. Các nhà khoa học và nhân văn hiện nay đã kịp thời nắm lấy Nhân tướng học để ứng dụng vào nhiều lãnh vực, đó là lãnh vực Y khoa và Xã hội, trong đó có lãnh vực Hình sự nữa.

Những bí ẩn trên bộ mặt và bàn tay chỉ là một trong những điều kỳ lạ mà Nhân tướng học đem lại cho khoa học khám phá, thực nghiệm và chứng minh...

PHẦN MỘT

BỘ MẶT

Diên Khánh, July 28, 2017

THEO QUAN NIỆM ĐÔNG PHƯƠNG

Cách đây hàng ngàn năm, các nhà nghiên cứu về Y học như vị danh y nổi tiếng Hippocrate cũng đã lưu ý đến bộ mặt con người và cho đó là tấm gương phản ánh mọi chuyển biến trong cơ thể. Bộ mặt là nơi quy tụ của các giác quan chính.

Từ thời Đông Chu ở Trung quốc, các nhà nghiên cứu về Lý số và Tướng mạo cũng đã lưu tâm nhiều về bộ mặt. Họ chia bộ mặt ra làm mười ba bộ vị. Người xưa thường đánh giá con người qua bộ mặt và các nhà tướng học thường tập chú vào ba phần chính trong bộ mặt (hay khuôn mặt) đó là:

- 1) Thượng đình
- 2) Trung đình

28 những bí ẩn trên bộ mặt và bàn tay

3) Hạ đình

Ba phần ấy tượng trưng cho Trời (Thiên), Người (Nhân) và Đất (Địa). Thượng đình tượng trưng cho trí, Trung đình tượng trưng cho khí lực và Hạ đình tượng trưng cho năng lực hoạt động. Gọi là người có tướng mạo tốt lành khi ba phần ấy cân xứng điều hòa.

Các nhà tướng học Á Đông khi quan sát gương mặt một người nào họ thường quan sát ba phần chính trên để xem sự cân xứng tổng quát, sau đó mới lần lượt quan sát tỉ mỉ mười ba bộ vị trên mặt.

Mười ba bộ vị ấy có tên lần lượt từ đỉnh trán xuống đến cằm như sau:

- 1) Thiên trung
- 2) Thiên đình
- 3) Tư không
- 4) Trung chính
- 5) Ấn đường
- 6) Sơn căn
- 7) Niên thượng
- 8) Thọ thượng
- 9) Chuẩn đầu
- 10) Nhân trung
- 11) Thủy tinh
- 12) Thừa tương
- 13) Địa cát

Về sau, Tướng học chịu ảnh hưởng của một số phương pháp coi tướng chuyên về số mệnh nên lại phân chia bộ mặt ra làm mười hai cung liên hệ đến mạng vận mỗi người.

Chính điểm này mà các Nhà tướng số về sau thường kết hợp việc coi bói với xét đoán tướng mạo và vì các Nhà tướng số còn bày vẽ ra thêm các cách xem bói mới nữa nên Tướng học bị nhiều người gán cho là có vẻ hoang đường, mê tín, viển vông.

Ý NGHĨA TỪNG BỘ VỊ TRÊN KHUÔN MẶT THEO TƯỚNG HỌC Á ĐÔNG

Mục đích của tập sách này là nghiên cứu về cá tính và bệnh lý con người qua bộ mặt và bàn tay theo Y lý Đông Tây. Vì thế chúng tôi không đi sâu vào các phần khác mà chỉ trình bày tổng quát những phần nào xét ra có sự liên hệ ít nhiều mà thôi. Do đó ý nghĩa của từng bộ vị theo tướng học Á Đông cũng chỉ được trình bày sơ lược như sau:

1) **Thiên Trung:** nếu tốt đẹp, đều đặn là người có sức khỏe tốt, tánh khí bình thường. Nếu có sắc ám là xấu.

2) **Thiên Đình:** phần giữa trán dưới Thiên trung nên sáng sủa không nên u ám lồi lõm.

3) **Tư Không:** nên đầy đặn tươi nhuận mới tốt.

4) **Trung Chính:** không khuyết hãm, sáng sủa là người thông minh, ít tật bệnh. Nếu thấp, lõm có vết phá là xấu.

5) **Ấn Đường:** giữa hai lông mày phải nảy nở, rộng rãi, tươi sáng là tốt nếu ngược lại là xấu.

30 những bí ẩn trên bộ mặt và bàn tay

6) **Sơn Căn:** đầu sống mũi (giữa 2 mắt) phải cao, sáng là tốt nếu tối hãm, có lằn phá là bệnh, xấu.

7) **Niên Thượng:** ở ngay dưới Sơn căn luôn luôn phải hồng nhuận khí sắc nếu ám đen tối hãm là bệnh trạng.

8) **Thọ Thượng:** không được nổi u vì xương hay sụn, phải có sắc hồng hay vàng mới tốt.

9) **Chuẩn Đầu:** là phần chót mũi cần phải tròn trịa, láng không nên khô mốc đen ám. Nếu ám khí là có bệnh.

10) **Nhân Trung:** phần lõm nằm từ Chuẩn đầu xuống môi trên. Nên sâu, dài và rõ mới tốt. Nếu cạn, mờ và lệch lạc là xấu.

11) **Thủy Tinh:** thuộc môi và miệng cần phải ngay ngắn, đều đặn hồng nhuận mới tốt.

12) **Thừa Tương:** phần lõm vào giữa cằm và môi dưới, không nên quá cạn hay quá sâu và cũng không được có màu hắc ám.

13) **Địa Cát:** đó là cằm. Phải nảy nở cân xứng, nếu lẹm, khuyết nhọn đều không tốt. Nếu quá nhọn và dài thì lại sống lâu, v.v...

Về mười hai cung trong Tướng học thì bộ mặt được chia ra như sau:

1) **Cung Mạng:** giúp quan sát phỏng đoán tổng quát cuộc đời một người.

2) **Cung Quan Lộc:** ở ngay giữa trán. Quan sát cung này để suy đoán về nghiệp vụ trong xã hội.

3) **Cung Tài Bạch:** nằm ở mũi. Quan sát để nhận định về tiền tài của cải.

4) **Cung Điền Trạch:** nằm ở mắt và vùng từ mắt tới chân mày. Xem về nhà cửa, ruộng vườn.

5) **Cung Huynh Đệ:** ở cặp lông mày. Xem cung này để đoán định anh em.

6) **Cung Tử Tức:** ở dưới hai mắt gọi là Lệ đường. Quan sát cung này để suy nghiệm về con cái.

7) **Cung Nô Bộc:** ở vùng địa các (Cằm). Xem cung này để biết về người thân quen, người ăn ở trong nhà.

8) **Cung Thê Thiếp:** ở phía đuôi mắt. Quan sát cung này để đoán định về hạnh phúc vợ chồng.

9) **Cung Tật Ach:** ở khu vực sống mũi. Quan sát cung này để biết về tật bệnh. Nếu khu vực Sơn căn cao ngay ngắn và sáng sủa là sức khỏe tốt, ít bị bệnh. Nếu thấp, lệch, u ám có vết phá là có bệnh tật liên miên, yếu tướng. Nếu có màu sắc xạm đen ở cung này là bệnh đang phát. Nếu đồng thời mắt, tóc, lông mày và Ấn đường đều mờ xạm thì coi chừng bệnh quá nặng.

10) **Cung Thiên Di:** ở ngay hai bên góc trán. Xem cung này để suy đoán sự liên hệ di chuyển đi xa.

11) **Cung Phúc Đức:** ở hai bên má và phía trên phần cuối của hai lông mày. Xem phần này để biết sự phúc đức và công danh phú quý.

12) **Cung Tướng Mạo:** cung này coi như bao gồm trọn khuôn mặt. Quan sát cung này là coi như tổng hợp tất cả để rồi phân tích và suy luận về các bộ vị nổi bật trong bộ mặt để so sánh và kết luận.

Trên đây là những gì có tính cách sơ lược về bộ mặt theo quan niệm Á Đông. Chúng ta hãy tìm hiểu sơ qua vài quan niệm về bộ mặt của tướng học Tây phương để từ đó có một căn bản tổng quát trước khi xét lần lượt các phần chính yếu về các đặc điểm ở khuôn mặt.

GIẢI THÍCH VỀ BỘ MẶT THEO MỘT SỐ NHÀ NGHIÊN CỨU ÂU TÂY

HÌNH THÁI HỌC VÀ ĐIỆN MẠO HỌC

Theo một số nhà nghiên cứu Âu Tây về Hình thái học và Tướng mạo học xưa nay thì sự nghiên cứu Bộ mặt người rất được lưu ý về nhiều mặt. Theo Pierre Abraham thì có hai phương pháp nghiên cứu về bộ mặt người. Hai phương pháp này khác biệt nhau về nguồn gốc, quá trình, mục đích... Một phương pháp gây sự chú ý cho các thầy thuốc và cả đến những nhà Xã hội học, Tâm lý học. Họ cố gắng xếp loại những con người thành một số kiểu mẫu nào đó mà theo đó người ta có thể tìm cùng một lối “xử thế có tính vật lý”, một thứ phản ứng đối với môi trường – Một thái độ chung, đó là một phương pháp tập hợp mà Goethe (nhà Thi sĩ nổi danh của nước Đức) đã gọi là Hình thái học. Còn phương pháp thứ hai, trước tiên là mối quan hệ với những nhà Tâm lý học và Sinh lý học. Sau đó là với những người thầy thuốc, những Sử gia, nhà Xã hội học, nhà Phê bình. Đây là phương pháp phân tích từng được biết từ thời Aristote dưới tên là Điện mạo học (Physiognomonie) hay là một số khuynh hướng thường xuyên của tinh thần.

I. Hình Thái Học (La Morphologie):

Phương pháp thứ nhất là tổng hợp của Hình thái học dẫn tới một số mẫu điển hình mà bảng kê khai tùy vào

mức độ tiến bộ của khoa học về con người và đánh dấu một giai đoạn nhất thời của những khoa học đó.

Đầu thế kỷ XX, một bên là những nhà Tâm thần học còn một bên là những nhà Y học. Họ đều đi đến những mẫu, đáp ứng và bổ túc cho nhau. Ví dụ: theo nhóm Schizoide và Cycloide của Kretschmer thì thường phân ra ba kiểu:

a) Kiểu lực sĩ hay Nhóm lực sĩ là nhóm người có cơ thể cường tráng, mặt thuôn, dài.

b) Kiểu suy nhược hay Vô lực: có bộ mặt tam giác, xanh, gầy và xương xẩu. Mũi dài, nhọn, da mỏng và căng thẳng.

c) Kiểu dày (type Pycnique) mặt đầy mỡ.

Kiểu mặt phẳng và tròn của Sigaud, Mac-Auliffe, Thoore mà nhiều nhóm nghiên cứu gọi là mặt lồi và mặt lõm, mà Bác sĩ Corman gọi là mặt co rút và mặt nở.

Kế đến là bốn kiểu tính khí: có loại thuộc về hô hấp, tiến hóa, có loại thuộc về cơ và có loại thuộc về trí óc của Sigaud, Mac-Auliffe và Thoore phù hợp với tính khí, thường được mô tả ở Ý và ở Liên xô với những tên khác.

Bốn cá tính và hình thái đó có thể áp dụng trong thực tế. Pierre Abraham đã tìm được một số những tương đồng tâm lý và đã trình bày xếp loại với những sự dè dặt cần thiết cho những ai chuyên môn hướng nghiệp hay hướng dẫn giáo dục trong ngành Sư phạm.

Trong thực tế, mỗi loại mỗi kiểu là lý tưởng cũng như lý tưởng tất cả những tính khí gọi là Venusien hay Jupitérien, tính khí "khiết" hay "ấm". Tính khí huyết hay mặt...

Những người mà chúng ta thường gặp ít khi có một trong những tính khí đó có tánh cách thuần túy mà thường thì một người có nhiều tính khí, trong đó cần nhận rõ là tính khí nào ưu thế nhất.

Sự sắp xếp của Hình thái học cho ta những chỉ dẫn thực tế hữu ích trong phạm vi chẩn đoán Y khoa Tâm lý và Xã hội.

II. Diện Mạo Học (La Physiognomonie):

Sự nghiên cứu về diện mạo là một phương tiện về lâu về dài cung cấp những tài liệu cho một bộ môn khoa học mà người ta nhận thấy nằm giữa Sinh lý học và Tâm lý học.

Những tư liệu đó cho phép những sự phối hợp bằng những phép tính cộng trừ nhân chia, nó có khả năng trở thành những số lượng dùng để tính toán được. Để trình bày, ta thường hạn chế bộ mặt của người ở cái đầu mà thôi. Tuy nhiên sự giới hạn đó chỉ là tạm thời. Đầu và nhất là bộ mặt chỉ là trường hợp đặc biệt của một tổng hợp là cơ thể con người. Có lẽ *khôn mặt cung cấp một số nhận xét đáng lưu ý vì rất nhiều giác quan đã qui tụ nơi đó*. Ví dụ: thị giác, khứu giác, vị giác, thính giác. Mặc dầu vậy, nếu ta quên thân thể là nguồn gốc của phần lớn các cảm giác bên trong, là trạm chuyển tiếp hầu hết những hoạt động bên ngoài.

Khi sự nghiên cứu đã lưu ý như vậy thì ta có thể tìm được gì ở con người? Phải chăng tính khí ở trong toàn thể ấy? Không! Một cách khiêm tốn là ta tìm một số dấu hiệu đặc biệt về tính cách một cá nhân tiếp xúc ra sao với ngoại cảnh? Những thể thức của sự tiếp xúc đó định hướng cho

tất cả một chuỗi dây chuyền, hiện tượng tinh thần quan hệ với lối hiểu biết riêng của con người đó.

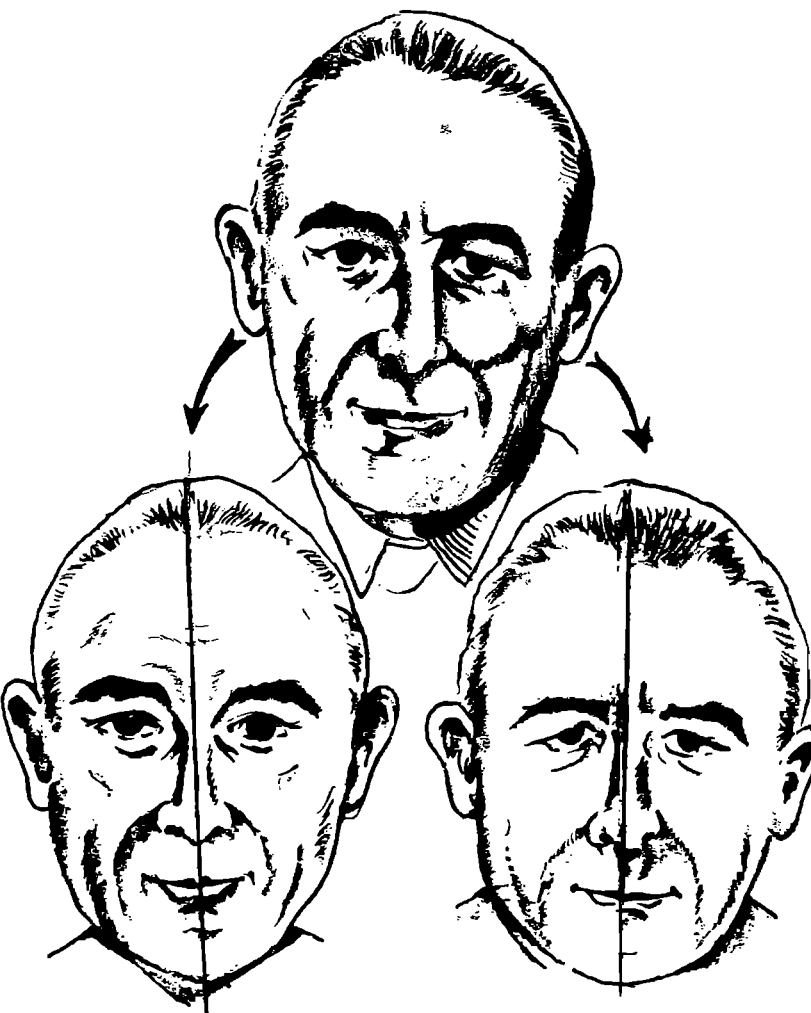
Nghiên cứu bộ mặt con người giúp ta biết về tiến trình nhận thức như đã diễn ra nơi cá nhân được quan sát.

SỰ BẤT CÂN XỨNG VỀ PHÍA BÊN (LA DISSYMMÉTRIE LATÉRALE)

Đây là một vấn đề quan trọng mà các nhà nghiên cứu về bộ mặt ở Âu Tây lưu tâm. Thật ra sự bất cân xứng ở bộ mặt mỗi con người đã được các nhà nghiên cứu Đông phương để ý từ lâu và ngay trong thuyết Âm Dương cũng cho thấy trong bộ mặt của con người vẫn có phía âm và phía dương. Không bao giờ chúng ta gặp được một gương mặt có sự đối xứng tuyệt đối cả, nghĩa là trên một gương mặt một người nếu ta tưởng tượng có một đường phân chia chạy từ đỉnh đầu xuống cằm chia đều hai mắt, hai má, hai lỗ mũi và phần miệng ra hai phía thì rõ ràng sẽ thấy hai mắt không đều nhau, mũi miệng má và tai cũng vậy.

Theo Pierre Abraham thì với vấn đề trên nhà nghiên cứu này không đi sâu vào chi tiết của những phương pháp nhưng ông đặt dưới mắt của các độc giả một trong những giai đoạn mà suốt thời kỳ nghiên cứu đã đem lại nhiều chứng minh đáng lưu tâm.

Muốn nhìn kỹ bộ mặt một người ta cần phải cách ly trên những hình ảnh và dùng những tấm che cho thích



TỪ MỘT GUỒNG MẶT BẤT CÂN XỨNG CÓ THỂ CHUYỂN QUA CÂN XỨNG
THÍ DỤ TỪ J. J. BERNARD (NHÀ VIẾT KỊCH NỔI TIẾNG).
HÌNH VẼ LẠI TỪ TÀI LIỆU CỦA PIERRE ABRAHAM TRONG
Encyclopédie fr.wikipedia.org Tome VIII.

hợp. Nhưng, bộ mặt liên tục mà ta sẽ so sánh với nhau (nhiều hình ảnh từ một người) hay với phần hình ảnh tương tự (ví dụ sưu tầm về hình ảnh mũi, tai, miệng, mắt, cằm...). Đặc biệt là cách hai nửa của một bộ mặt cho chúng ta thấy tất cả hay hầu hết những bộ mặt đều bất cân xứng.

Sự nghiên cứu về các điểm bất cân xứng đã cho một số kết quả sau đây:

1) Nửa bên trái của gương mặt một người liên quan với những gì tổng hợp các biểu hiệu bên ngoài của cá nhân.

2) Nửa bên mặt liên quan với những gì tổng hợp các biểu hiệu ở bên trong của cá nhân.

Ta có thể khám phá thêm một số cá tính khác nữa ở mỗi con người bằng cách biến đổi những hoàn cảnh mà ta chụp từng phần trên gương mặt. Ví dụ: Bên trái là đời sống quan hệ, là nhân cách thâm sâu. Bên trái còn tập hợp những cảm giác. Bên mặt xem như là người thợ của lựa lọc một cách âm thầm bí mật những cảm giác đó.

Bên trái là con người xã hội.

Bên mặt là con người nội tâm.

Để hiểu rõ hơn về sự khác biệt của biểu hiệu hai bên đó, ta có thể lấy một nửa mặt của một người rồi chụp lại nửa mặt ấy để làm sao ghép thành một bộ mặt. Như thế ta có nửa bộ mặt gấp đôi (ghép hai nửa thành một bộ mặt). Bộ mặt này có nhiều "xa lạ" và có khi không ra người. Các nhà nghiên cứu đã cho rằng hình ảnh lạ đó phù hợp với sự rút gọn cá nhân nơi nhân cách hoàn toàn xã hội hay hoàn toàn nội tâm có nghĩa là cho cân bằng sự sống của một cá

nhân, là lệ thuộc nơi sự đo lường hay phối hợp vừa phải hoặc đúng đắn của hai nhân cách đó.

Vì thế, chúng ta cần phải chú ý, đồng thời, xen kẽ hai phần trong số những phần khác làm thành con người.

– Một phần là đầy những sự tiếp xúc với bên ngoài.

– Một phần là đầy sự liên lạc với bên trong.

Cả hai phần đó dẫn đến ở mỗi người chúng ta những cuộc sống song hành của chúng. Cũng do đó mà người ta không nên cố gắng phối hợp những phần của chúng ta như vậy để mau trở thành sự hợp nhất – Bề ngoài xem ra có vẻ đa dạng nhưng thực ra con người vẫn chỉ là một.

KHUÔN MẶT VÀ NHỮNG MẪU NGƯỜI CĂN BẢN THEO QUAN NIỆM TÂY PHƯƠNG

Bác sĩ Josef Ranald cho rằng tất cả những người sống trên quả đất đều nằm trong bốn mẫu người căn bản. Bốn mẫu người căn bản này có được là do ông đã nghiên cứu kỹ trên tinh thần khoa học qua cá tánh, vóc dáng, diện mạo của con người.

1. Người Trầm Tĩnh, Điềm Dạm: (hình 1)

Thường chậm chạp. Đầu to phía dưới, cổ ngắn mập, da thường mét, tóc thưa và nhuyển, mắt nhỏ, con ngươi lớn, chót mũi nhọn, môi dày.

Đây là loại người thiếu hoạt động, sức khỏe yếu. Ăn ít,

giấc ngủ khó khăn, dễ bị đau bao tử hay lao phổi và thường chết sớm.

2. Người Hoạt Động: (hình 2)

Người nở bề ngang từ gương mặt đến bàn tay, thân mình. Sắc mặt luôn hồng hào mạnh khỏe. Lông mày thường quất lên phía cuối. Miệng lớn, cằm bạnh, môi dày (ngón tay ngắn, nóng, bàn tay vuông và nhiều thịt...).

Đây là mẫu người ham hoạt động, vui tính, ăn nói to lớn, sôi nổi, thích rượu, gái và ăn uống. Thường nói khoác và ham ganh đua.

3. Người Suy Tư: (hình 3)

Mẫu người suy tư này khác với mẫu người trầm tĩnh, điềm đạm trên. Người suy tư thường cao, ốm, lưng đôi khi khom, vai hẹp. Da mỏng tái nhợt, khô khan. Trán rộng, cao. Tóc thưa, môi mỏng, miệng nhỏ, cằm nhọn (bàn tay gân guốc có gút ở các ngón).

Mẫu người suy tư ít vận động, nên khả năng chịu đựng về thể chất kém. Hay đau ốm nhưng lại sống dai. Nhiều ham muốn về tình dục nhưng khả năng tình dục lại yếu. Ăn ít, ngủ ít. Thích đọc sách, lý luận và hay tranh luận nhưng giữ lập trường của mình, hay ghen tuông, nghi ngờ. Thường do dự trong công việc. Mẫu người này thường gặp ở các Phòng thí nghiệm khảo cứu hay các nhà tu. Người suy tư thường có học và học cao. Tuy nhiên khi người suy tư yếu kém về trí thức thì họ rất dễ ngã theo các tật xấu của xã hội.

4. Người Thực Hiện: (hình 2)

Mẫu người thực hiện khác với mẫu người hoạt động.

Nghĩa là cơ thể không nở bề ngang hoàn toàn như người hoạt động. Ở đây, mẫu người thực hiện có đôi vai rộng nhưng háng hẹp. Đầu cân đối, cổ to dài gân guốc chắc thịt. Lông mày ngang, rậm. Mắt đen, sâu, có thần. Môi mỏng, khít, miệng rộng cằm to. Trái tai to, tóc rậm, đen...

Đây là mẫu người hăng say trong công việc, giàu ý chí, thực tế và thông minh. Tuy nhiên người thực hiện có nhiều tham vọng nên thường hay muốn khuynh loát đổi phương, nóng nảy và kiêu căng.

Mẫu người thực hiện thường thấy ở các cơ sở, xí nghiệp như Giám đốc, Quản lý. Họ là những người thích “đứng đầu” nên phần lớn thường xuất hiện ở chính trường.

Ngoài bốn mẫu người căn bản trên, Bác sĩ J. Ranald còn phân tích tỉ mỉ năm loại khuôn mặt nữa để bổ sung vào cho bốn mẫu người căn bản. Năm loại khuôn mặt ấy như sau:

1. Khuôn mặt có bề ngang lớn hay khuôn mặt rộng:

Cho thấy người có khuôn mặt này có sức khỏe tốt, thông minh lanh lợi, ăn nhiều, ham thú vui vật chất, vui tính, can đảm, hoạt bát.

2. Khuôn mặt hẹp:

Đây là khuôn mặt của người có cá tính thích suy tư. Có khả năng trở thành kịch sĩ, văn nhân thi sĩ. Khuôn mặt cao và hẹp thường gặp ở những người hay khiêm nhường nhưng luôn luôn đầy mưu chước. Khi giận ai họ không dùng võ lực vì cơ thể yếu đuối, nhưng họ dùng trí để chống trả và rất kiên trì. Họ là người tự ái cao, dễ bị kích thích, thường mơ mộng và mê tín. Yêu ai thì yêu say đắm.

3. Khuôn mặt tròn:

Người có khuôn mặt tròn có nhiều cá tánh giống người có khuôn mặt rộng. Tuy nhiên người có khuôn mặt tròn thường không nhất quyết trong công việc hay chần chờ do dự. Đặc biệt là dễ cảm xúc và thương người, dễ ngã lòng khi nghe lời van xin cầu khẩn. Người mặt tròn có óc sáng tạo khá vì thế nếu có điều kiện họ sẽ tiến thân rất mau trên đường học vấn. Người có khuôn mặt tròn nhờ có vẻ hiền hậu, vui vẻ dễ mến nên được nhiều người cảm tình.

4. Khuôn mặt vuông:

Đây là khuôn mặt của người đầy cương quyết, ương ngạnh, cứng rắn đến lì lợm. Đây là mẫu người thích dùng luật lệ để làm việc. Luôn luôn nóng nảy, can đảm, quyết định vấn đề nhanh chóng. Mẫu người này thường gặp ở các hàng tướng lãnh, những người có chức vị trong xã hội. Tuy nhiên còn có một mẫu người có khuôn mặt vuông nhưng có vầng trán hẹp thì theo J. Ranald đó là mẫu người cần cù nhẫn nại làm việc để mong được lợi nhuận.

5. Khuôn mặt tam giác:

Đây là khuôn mặt của những người trí thức và có tài sáng tạo. Thích tìm tòi, sưu tầm, sáng tác. Người có khuôn mặt tam giác thường mê hiện tượng huyền bí, thích lý luận, nhưng rất nóng tính, dễ giận hờn và ganh ghét.

C) Bộ mặt con người và bệnh lý:

Ngày nay Y học ngày càng phát triển thì các nhà nghiên cứu về bệnh lý càng thấy rõ sự biểu hiện của bệnh lý qua gương mặt con người đôi khi rất rõ nét. Sự nghiên cứu dạng thể, những nét đặc biệt trên gương mặt những người mang những loại bệnh khác nhau đã giúp các nhà Y

học tổng hợp phân tích, phân loại những dạng mặt riêng biệt mà qua đó người thầy thuốc có thể dựa trên khí sắc, sự lệch lạc các cấu tạo của tóc, tai, mắt, mũi, miệng, màu da v.v... để xác định bệnh lý. Các loại bệnh nội tiết là một trong những thí dụ rõ ràng nhất để chứng minh cho sự kiện trên.

MỘT SỐ BỆNH LÝ BIỂU LỘ QUA GƯƠNG MẶT

CÁC BỆNH NỘI TIẾT

Theo các nhà khoa học Liên xô như O.V Kecbicôp, M.V Cockina, R.A Natgiarôp và A.V Xnhegiônhepxki thì các bệnh Nội tiết gồm các bệnh Basedow (bướu cổ lộ nhỡn), bệnh phù niêm, bệnh loạn dưỡng, bệnh Addison, bệnh Itxencô, bệnh to cực v.v...

– *Bệnh Basedow*: thường làm khí sắc thay đổi, thường trầm cảm, giận dữ và có khi lại tỏ vẻ hưng cảm, bồn chồn hấp tấp.

– *Bệnh phù niêm*: lại làm giảm khí sắc.

– *Bệnh Addison*: khí sắc giảm kèm theo suy nhược đờ đẫn, rã rời đôi khi khí sắc tăng nhưng vẫn không ham hoạt động.

– *Bệnh Itxencô*: khí sắc biến đổi kéo dài.

– *Bệnh loạn dưỡng*: biểu hiện ở mắt đờ đẫn, u ám, ngớ ngẩn của bệnh tâm thần.

– *Bệnh to cục*: nét mặt thờ ơ lãnh đạm, hoạt động yếu, bàng quan ngày càng lớn.

CÁC TRIỆU CHỨNG VỀ XÚC CẢM

Các triệu chứng về xúc cảm thường biểu hiện ở khuôn mặt.

– *Khoái cảm*: hay còn gọi là xúc cảm hưng cảm, thường có sự phát sinh, tăng cường về khí sắc, người bệnh cảm thấy vui vẻ và lộ nét vui ra ở mặt. Các nhà Tâm thần học gọi đây là sự tăng khí sắc (*Hyperthymia*).

– *Chứng loạn cảm (dysphoria)*: thường kèm theo các cử chỉ dữ tợn và nét mặt giận dữ.

– *Chứng loạn khí sắc (dysthymia)*: khí sắc giảm, suy sụp, buồn rầu chán nản.

– *Trạng thái bối rối* hay còn gọi là *xúc cảm bồn khoăn*: nét mặt đầy vẻ lo âu bối rối, sợ sệt, người bệnh thường nói: “Cái gì đang xảy ra thế? Có gì xảy ra với tôi?” (hình 1).

– *Kích động thanh xuân*: do hưng phấn tăng cao đôi khi cảm động chuyển thành đùa nghịch có tính cách tếu, biểu lộ qua nét mặt và cử chỉ giống như trẻ con. (xem hình 2)

– *Hưng cảm giận dữ*: thể hiện qua gương mặt với mắt trợn trừng, mũi nhăn và miệng gầm gừ như thú dữ (hình 3)

– *Hội chứng trầm cảm*: khí sắc giảm sút, buồn rầu (loạn khí sắc), vận động bị ức chế, mất lơ đãng, miệng mếu như muốn khóc đôi khi rên rỉ, vật vờ. (hình 4)

– *Chứng liệt tuần tiến (thể cởi mở)*: người bị chứng này thường cảm thấy hưng phấn, cảm thấy mình “có giá” và trở nên tự cao tự đại rất lỗ lã, thường bát to, nói lớn như ra lệnh, dáng dấp oai phong lẫm liệt như tướng soái trên sân khấu. (hình 5)

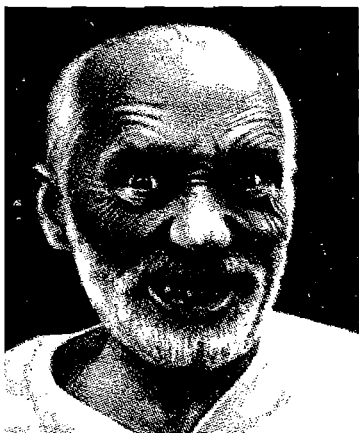


Hình 1: Tâm trạng bối rối lo sợ thể hiện qua gương mặt. (Chứng rối loạn ý thức tự thân)



Hình 2: Kích động thanh xuân biểu lộ qua nét mặt và cử chỉ giống như trẻ con.

Diên Khánh, July 28, 2017



Hình 3: Khí sắc nâng cao, hưng cảm giận dữ thể hiện qua gương mặt với những nét nhăn hằn sâu.



Hình 4: Hội chứng trầm cảm cũng biểu lộ qua khuôn mặt với khí sắc lo âu buồn bã



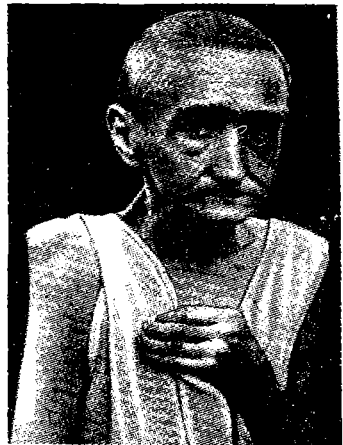
Hình 5: Chứng Liệt tuần tiến (thể cõi mơ) thể hiện trên gương mặt nét khoai cảm phấn chấn.



Hình 6: Gương mặt và cử chỉ của người mắc chứng Trầm cảm trước tuổi già (u sầu thoái triển) khí sắc giảm, nét mặt lo âu.



Hình 7: Mé sảng tuổi già.



Hình 8: Mất trí tuổi già đơn thuần.

CHÚNG LOẠN TÂM THẦN TUỔI GIÀ

Đôi khi chúng loạn tâm thần tuổi già cũng biểu lộ rõ trên gương mặt:

– Chúng trầm cảm trước tuổi già thể hiện qua cử chỉ và nét mặt u sầu luôn luôn như muốn phân trần với tất cả mọi thứ. (hình 6)

– Chúng mê sảng tuổi già và mất trí tuổi già cũng thường lộ qua nét mặt trầm ngâm tư lự, âu sầu, cay đắng. (hình 7 và 8)

– Loạn tâm thần trước tuổi già thường đắm chiêu nhìn về một hướng trầm ngâm, khắc khổ. Nếu là loạn tâm thần trước tuổi già ở thể ác tính thì mất đồ ngẫu, miệng ngậm sít sao và gân và nét nhăn tập trung ở cổ và mặt.

– Bệnh mất trí tuổi già thấy rõ qua các gương mặt trì độn, ngớ ngẩn, mất đồ dẫn, lông mày xuôi lệch về phía hai thái dương, thường gương mặt bị kéo dài, lệch. (h. 11, 12 & 13)

CÁC CHỨNG RỐI LOẠN THỂ CHẤT VÀ THẦN KINH

Đôi khi nhìn gương mặt một người có thể suy đoán được người đó bị rối loạn thể chất hay rối loạn thần kinh nhờ các đặc điểm nổi bật. Ví dụ: trong các bệnh về Thiếu năng tâm thần thể đầu nhỏ thường biểu lộ rất rõ các đặc tính sau: (hình 9)

– Đầu nhỏ, trớt, trán thấp, tóc lan xuống trán. Phần mặt bự hơn, đầu cằm to, miệng rộng, mũi lớn, thân hình có khi rất to lớn có khi rất nhỏ bé. Nhìn chung gương mặt có nét dị kỳ ngớ ngẩn như con trẻ.



Hình 10: Người thuộc thể bệnh nhân cách với gương mặt giận dữ bất bình.



Hình 11: Loạn tâm thần trước tuổi già ở thể ác tính với đôi mắt ngầu đỏ.



Hình 12: Nét mặt mất trí tuổi già, bị biến chứng do vữa xơ động mạch.



Hình 13: Bệnh mất trí tuổi già (Alzheimer) với nét mặt kéo dài và tóp lại.



béo phì, trán thấp.

– *Bệnh Langdon – Down*: người bệnh thường có khuôn mặt tròn, đầu dẹt, mũi to, tẹt, mắt xếch, hai má đỏ. (Đặc biệt hai mắt dang xa nhau và có những nếp xòe ở khóe mắt như cánh quạt hay đuôi cá) miệng há để lưỡi thò ra ngoài, răng thưa. Nhìn chung gương mặt có vẻ buồn cười. Những người này thường đần độn ngớ ngẩn.

– *Bệnh Thiếu năng tâm thần do giang mai bẩm sinh*:

Thấy rõ nhất ở răng cửa có vết sứt hình bán nguyệt (hàm trên), răng không đều, góc mép miệng có những vết sẹo nhỏ màu trắng. Quanh cổ có một mảng da màu trắng (lencoderma). Tóc rụng từng chỗ. Chỉ cần một trong các đặc tính trên hợp thêm với chúng đần độn là có thể kết luận là bị giang mai bẩm sinh.

– *Thể bệnh nhân cách*.

Thể bệnh nhân cách thường gặp những người nghiện rượu, nghiện ma túy. Những người bệnh nhân cách thường hay phát khùng, dễ bị kích thích, dễ nổi giận dỗi khi có những hành động rất độc ác và những phản ứng sôi

nổi khó lường trước được. Nhưng sau khi mọi việc xảy ra, người bệnh nhân cách lại không cho mình là có lỗi và đổ lỗi cho người khác. (xem hình 10)

– *Bệnh đái đường:*

Thể hiện nhất ở hai mắt sâu, hàm trên lồi, cằm thộn, răng dài và rộng, hay giận dữ, cáu tức, bực bội.

– *Bệnh phong thấp:*

Mặt mất sự cân đối (hai mắt không ngang nhau, răng không ngang hàng, người già trước tuổi).

– *Bệnh đau tử cung:*

Sắc vàng như thoa mỡ và quầng đen ở quanh mắt. Môi xanh mét.

– *Bệnh đau thận:*

Mi mắt nặng, lồi, phù. Mắt sưng, da tái.

– *Bệnh phong ngứa:*

Sưng phù mắt (kèm theo ngứa) nổi mề đay.

– *Bệnh thiếu máu:*

Da và niêm mạc (môi, miệng, mắt) xanh mét (và những triệu chứng khác). Tóc ít, lật mí mắt lên thấy trắng.

– *Bệnh thiếu sinh tố A:* mắt khô (màng mắt) mất bóng láng. Hai bên khóe mắt xuất hiện những chấm vảy trắng gọi là chấm Bitốt.

– *Bệnh bướu cổ:*

Mất lồi, bực bội, khó chịu, hay cáu kỉnh, mặt đỏ mề hôi (luôn cả mình).

– *Bệnh gan:*

Da vàng, các niêm mạc cũng vàng, trán và lòng bàn

50 những bí ẩn trên bộ mặt và bàn tay

tay cũng vậy (xuất hiện có khi chỉ hai tuần rồi lặn nhưng không phải là dấu hiệu biến bệnh).

– *Bệnh tê liệt mặt: (do dây thần kinh số VII bị tê liệt)*

Mắt luôn luôn mở, da mặt phẳng láng, miệng méo không khép được nên nước miếng chảy ra ngoài. Nước mắt cũng luôn luôn chảy ra. Nửa mặt hầu như liệt hẳn.

– *Bệnh dư máu:*

Sọ lớn, quai hàm nặng nề, lớn, hai mắt thường xa nhau.

– *Bệnh động mạch cứng:*

Hai bên thái dương nổi rõ những đường mạch máu. Mắt mở lớn như lồi và thường chớp, da mặt ẩm đậm thê lương.

DIỆN TƯỢNG

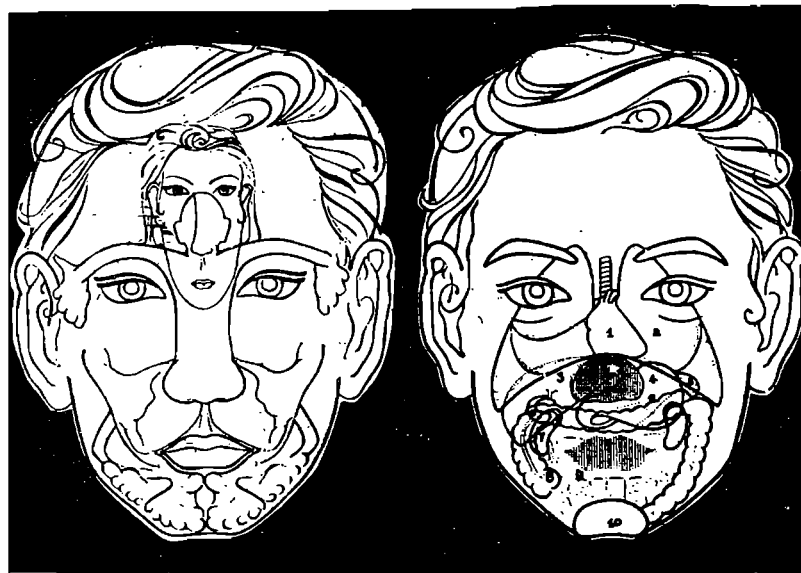
Tưởng cũng nên nhắc lại một người đã dày công nghiên cứu về bộ mặt, về sự quan hệ trực tiếp giữa vùng mặt và các bộ phận của cơ thể. Đó là Bác sĩ Bùi Quốc Châu một người Việt nam đã nổi tiếng thế giới qua chuyên đề nghiên cứu về bộ mặt con người.

Bác sĩ Bùi Quốc Châu cho rằng: “Có lẽ ít ai ngờ đến bộ mặt, cái phần thông thường và lộ rõ nhất của con người lại chứa đựng nhiều bí ẩn có liên quan một cách mật thiết đến tâm và sinh lý con người...”.

Theo Bác sĩ Bùi Quốc Châu thì bộ mặt là nơi biểu hiện cho sức khỏe cũng như là nơi để phòng ngừa bệnh tật cho con người và cũng là nơi chữa bệnh nếu biết rõ phương pháp để chữa. Phương pháp đó được ông gọi là phương pháp chẩn đoán và trị bệnh còn gọi là Diện chẩn – Điều khiển liệu pháp. Phương pháp này qua thực tế đã giúp tìm

52 những bí ẩn trên bộ mặt và bàn tay

ra bệnh và chữa một số bệnh có kết quả rất khả quan: phương pháp chỉ cần dùng tay để xoa hay ấn vào những điểm trên gương mặt. Cũng theo Bác sĩ Bùi Quốc Châu thì trên mặt có những điểm, những vùng liên hệ với các bộ phận trong cơ thể. Khi muốn kích thích sự tiêu hóa chẳng hạn, chỉ cần dùng tay xoa nhẹ vùng má cạnh cánh mũi trái vì vùng này liên hệ đến bộ máy tiêu hóa, hoặc phụ nữ thường bị chứng đau bụng kinh, chỉ cần dùng ba ngón tay trỏ, giữa và áp út ấn chặt một lúc vào nếp nhăn nơi ụ cằm (dưới bờ môi dưới) là cơn đau sẽ hết ngay. Ở đây ta thấy, các nhà nghiên cứu về gương mặt phần lớn để biết tánh tình hoặc các nhà bói toán suy diễn đến họa phúc, còn phép Diện chẩn của Bác sĩ Bùi Quốc Châu không phải nhằm việc “Trông mặt mà bắt hình dong”, mà là trông mặt để bắt bệnh. Thật ra qua gương mặt một người để đoán định bệnh người đó là một việc làm đã có từ lâu đời. Ngay từ thời đại Hippocrate, Nhà nghiên cứu Y học cùng là vị Lương y nổi tiếng của cổ Hy Lạp trước Thiên Chúa giáng sinh này đã lưu ý đến vấn đề này đầu tiên trong những bài dạy Y khoa của tiên sinh, đó là phải quan sát những biến chuyển của bệnh để rồi chiêm nghiệm. Trong đó vấn đề quan sát sự biến đổi sắc mặt. Theo tiên sinh thì sở dĩ con người bị bệnh là do các thể dịch trong cơ thể bị nhiễu loạn, hư hỏng mà ra. Sự nhiễu loạn ấy có thể phát lộ ra ngoài qua gương mặt. Về sau, các nhà Y học khác cũng lưu ý đến phép định bệnh loại này đồng thời với sự quan sát bàn tay và móng tay nữa. Phép định bệnh trong cơ thể ở bề ngoài đã phát sinh từ đó.



HÌNH VẼ CHO THẤY SỰ LIÊN HỆ GIỮA CÁC VÙNG MẶT VỚI CÁC BỘ PHẬN TRONG CƠ THỂ. HÌNH BÊN MẶT CHỈ RÕ CÁC CƠ QUAN LIÊN HỆ:

1- Tim 2- Phổi 3- Gan 4- Bao tử 5- Lá lách 6- Mặt 7- Thận 8- Ruột già 9- Ruột non 10- Bàng quan 11- Lá mía

SUY ĐOÁN BỆNH LÝ QUA BỘ MẶT

Từ ngàn xưa, các nhà Nhân tướng học Á Đông thường suy đoán bệnh lý qua tướng cách con người, nhất là bộ mặt và bàn tay. Ngày nay các nhà Y học Tây phương cũng đã ghi nhận nhiều điểm rất sát với thực tế trong phép suy đoán bệnh lý.

Sau đây là một số thí dụ:

I. Bệnh Tim Mạch, Máu Huyết:

– Phần sống mũi giữa hai mắt hẹp (Sơn căn hẹp) khí sắc xanh đen hắc ám nếu phụ trợ thêm bằng đôi chân mày tỏa phủ xuống thì bệnh nặng. Trên bàn tay đường Trí và Tâm gần nhau ở giữa là hay khó thở.

– Phần nằm giữa hai chân mày (Ấn đường) có những đường văn, người hay hồi hộp. Sơn căn có sắc xanh. Chân mày thô phần bao trùm thái dương và hai mắt có sắc u ám thì bệnh tim ở giai đoạn nên chữa trị sớm. Nếu da mặt xanh, vàng, tóc râu ngả màu đỏ, rụng là bị mất máu.

– Tóc ít, rụng, lông mày mọc không đều, gò má đỏ, móng tay có màu ngả sang bầm tím máu độc trong người. Nếu là phụ nữ thì kinh nguyệt không đều.

– Da mặt luôn luôn có màu xám bạc, vàng vọt, cần phải tìm thầy thuốc ngay, nếu không, khó cầm cự quá ba mươi tuổi.

– Trên bàn tay, đường tâm đạo ngoằn ngoèo, đậm nét,

có chỉ như dây xích là bị bệnh tim. Dễ thổ huyết ở những người có Sơn căn lộ, cơ thể ốm o nhỏ nhắn, mặt có sắc xanh.

II. Bệnh Phổi:

– Hay đưa đầu, mặt về phía trước, lưng cong, người ốm, khô khè, ho, hay nóng lạnh, mắt lộ, trông trắng có pha sắc vàng.

– Da mặt xám, nám, thần sắc hôn ám, trì trệ, má hóp, miệng nhiều nếp nhăn, mũi nhọn tìm xuống miệng, lưng dẹp.

– Nếu trán có sắc đen, da mặt nám, sắc tai hôn ám, đôi môi không thẳng, lệch lạc có màu xám đen là cơ thể đang ở giai đoạn ho nặng, có thể ho ra máu.

– Nếu giọng nói khô khè hợp với môi có sắc ám đen là do bởi phế hàn sinh ra.

– Nếu dưới hai mắt thấy sắc da màu trắng ngả sang vàng, da mặt như sưng lên thì đó là biểu hiệu của chứng đàm thấp – Nên trị liệu cho dứt bệnh – Nếu có quá nhiều đàm thì mắt sẽ lồi, trông trắng mắt có sắc vàng.

III. Bệnh Thận:

Gương mặt hôn ám, nhất là trán và tai có sắc xám đen nên tiết độ việc ái ân. Nếu trông mắt như ám khói nên lưu ý hơn về bệnh thận (suy thận). Tránh việc tình dục quá độ. Nếu mắt có vẻ như sâu hoắm, u ám thì thận khô.

IV. Bệnh Về Đường Sinh Dục:

– Bệnh Di tinh và Huyết tinh (tinh khí tự nhiên xuất khi nghe hay thấy hình ảnh khiêu dâm – Huyết tinh là bệnh nặng nhất) thường biểu hiệu ra ở gương mặt buồn bã, lo âu, chán nản, không thích ồn ào, đông người, thích sống cô đơn. Da mặt lúc nào cũng xanh mét, mắt phờ phạc, có

khi da mặt có màu xanh vàng, có lúc lại tươi, đỏ hồng nhưng chỉ phút chốc.

– Bệnh Liệt dương biểu hiện ở màu sắc xám xịt như tro trên gương mặt giống màu sương khói. Đôi mắt lơ lơ, đục, không có thần.

– Bệnh Huyết trắng: Dễ thấy nhất ở màu sắc da mặt hiện trắng, vàng, tối tăm nên đề phòng có thể băng huyết.

– Âm hư: Rõ nhất là màu sắc gương mặt thay đổi bất thường, khi xám khi xanh. Đôi mắt lơ lơ hôn ám, da khô cằn, môi thâm đen, da thịt lạnh toát.

V. Bệnh Về Đường Tiêu Hóa:

– Đại tiện ra máu: hiện rõ màu sắc mờ, hôn ám trên sống mũi (ở Niên thượng và Thọ thượng). Nếu có bệnh ở tỳ vị thì sắc mặt xanh vàng, cơ thể gầy yếu, tinh thần suy nhược, đôi môi xám xịt hay trắng bệch, cổ họng khô khè, bụng như bị đầy hơi, ăn vào khó tiêu hóa.

VI. Bệnh Gan:

Cổ nổi gân xanh. Tròng mắt vàng hay có pha đỏ. Tánh hay cáu giận. Hay ra mồ hôi trộm.

VII. Bệnh Cổ Trướng:

Sắc mặt vàng xám có khi biến ra trắng bệch. Phần mũi ở giữa hai mắt (Sơn căn) như thấp, sụp xuống, nhỏ. Đôi mắt như thụt sâu vào trong.

VIII. Bệnh Thương Hàn:

Khi nóng lạnh có thể suy từ sự biến đổi màu sắc từ vàng sang đen (vàng: nhiệt, đen: hàn). Gương mặt phẳng phát màu xám tro biến đen, vàng. Nét mặt buồn.

NHỮNG SUY ĐOÁN KHÁC ĐỂ BIẾT CƠ THỂ CÓ THỂ SẮP BỊ BỆNH

Theo các nhà nghiên cứu Á Đông thì màu sắc trên gương mặt hay ở mỗi bộ vị trên gương mặt thường nói lên được bệnh trạng sắp xảy ra. Sau đây là vài thí dụ đáng ghi nhớ:

a) Nếu soi gương thấy có màu ám khói, đen tối dưới con mắt phải thì nên cẩn thận, kiểm soát lại xem bản thân đang đau gì hoặc sắp bị bệnh. Nếu có triệu chứng gì về bệnh lý cũng nên chữa chạy trước để có thể giảm thiểu hay tránh được bệnh. Màu sắc hôn ám ấy là biểu hiệu của sự kiện cơ thể đang có trục trặc hoặc bị tác động bởi những gì của ngoại môi trường như khí hậu, thức ăn... và cơ thể đang ra sức chống lại hoặc màu sắc ấy là kết quả của sự tác động lên cơ thể gây nên một phản ứng biểu lộ ra ngoài mặt bằng sắc khí.

Nhân tướng học Á Đông còn đi xa hơn nữa khi cho rằng khi thấy hiện tượng này trên gương mặt mình thì cũng phải đề phòng cả bệnh tật hay điều không hay có thể sắp xảy ra cho con cái.

b) Nếu thấy phần giữa trán (Thiên đình) có màu xám xanh thì nên cẩn thận kéo bị Ôn dịch (Bệnh dịch).

c) Nếu thấy ở Sơn căn có màu u ám như khói phủ xám xịt là biểu hiệu cho thấy cơ thể sắp bị bệnh. Tùy theo khí sắc xuất hiện lan ra hay thu hẹp lại mà định được bệnh nặng hay nhẹ. Ví dụ: nếu màu xám tro lan rộng xuống

sống mũi cũng như lan cả vào hai bên vị trí của mắt thì bệnh nặng lâu lành. d) Nói tóm lại, theo Nhân tướng học Á Đông thì phần sống mũi nhất là Niên thượng, Niên thọ ngay trên sống mũi mà có màu tươi sáng là cơ thể khỏe mạnh, không có bệnh.

e) Ở vùng Niên thượng (trên sống mũi, dưới Sơn căn) có màu sắc ám đen, xám xịt như ám khói thì người thân trong gia đình có bệnh – Nhân tướng học ngày xưa cho rằng: nếu trên Niên thượng có nốt ruồi đen thì phải cẩn thận nhất là giao du với phụ nữ sẽ bị bệnh kín.

f) Dưới Thọ thượng là Chuẩn đầu (chót mũi) – Chuẩn đầu mà khô héo, gầy guộc, u ám là dấu hiệu có bệnh. (Thọ thượng ở ngay dưới Niên thượng)

Về sức khỏe: nếu quan sát ở phần cuối hai đuôi mắt, (Thái dương) gọi là Gian môn thấy không có tí vết, không xám xịt, không có vạch xéo, cắt, nhăn nhú... thì chứng tỏ cơ thể mạnh khỏe nhất là vấn đề tình dục. Tuy nhiên phần thịt ở Gian môn quá nổi cao lên là con người quá tham dục.

g) Nếu Sơn căn, Niên thượng, Thọ thượng nảy nở, ngay ngắn thì sức khỏe tốt, ít bị tật bệnh. Nếu nhăn nhú có đường cắt ngang dọc, xám, đen, u ám, méo lệch, thấp thì cơ thể thường hay bị bệnh.

h) Nếu trên trán có những vết nhăn rời rạc không liên kết nhau thì đây là biểu tượng của một cơ thể yếu đuối, bạc nhược.

i) Nếu nếp nhăn nổi tiếp và cong lên ở hai bên giống dạng một con chim đang bay thì đây là biểu tượng của một người phớt tình đối với nhiều vấn đề. Nhất là vấn đề tình yêu, ân ái.

SỰ LIÊN HỆ GIỮA BỆNH LÝ VÀ TÍNH TÌNH

Các nhà Tâm lý học và các nhà Chiêm tinh, bói toán Tây phương thường áp dụng các ảnh hưởng của bệnh lý trên tánh tình con người để suy đoán tình cảm, cuộc đời và tương lai của mỗi người.

Theo các nhà Y học thì bệnh lý luôn luôn ảnh hưởng đến tánh tình. Sau đây là vài kết quả mà giới Y khoa đã ghi nhận được:

1) Tánh ganh ghét phát sinh phần lớn từ bệnh gan, bệnh cúm, lúc kinh nguyệt, thai nghén v.v... Tánh giận hờn do chứng thần kinh giao cảm.

2) Bệnh Đái đường thường gây nên sự bức bối, tức tối. Các chứng về tuyến giáp trạng bị kích thích hay chứng Thống phong, động kinh cũng có ảnh hưởng như trên.

3) Bệnh về tỳ tạng, lá lách thường làm lo lắng âu sầu vô cớ.

4) Bệnh bao tử thường gây bức bối, gắt gỏng...

5) Bệnh lao phổi, bệnh loạn thần kinh, ngộ độc, trường nhiếp hộ tuyến thường gây nên tánh khích dâm.

6) Chứng tuyến thượng thận kém phát triển sẽ khiến người trở nên lười biếng, bệ rạc, nhu nhược và bất lực...

7) Chứng khó tiêu, chứng sưng khớp xương trong thời kỳ sơ khởi thường gây nên tánh tự phụ, phách lối hung

hăng. Ngoài ra khi chứng khó tiêu sắp phát triển mạnh thì cơ thể đòi hỏi phải ăn uống thật nhiều.

8) Chúng cạnh thi thường phát sinh lo lắng.

Ngoài ra, các nhà nghiên cứu cũng ghi nhận được một số đặc điểm liên quan giữa sắc diện và tính tình con người.

Những Giá Trị Về Sắc Diện Của Một Số Người Liên Quan Đến Tính Tình.

– Da hồng hào, bóng láng: người nhạy cảm, khỏe mạnh, hoạt bát vui vẻ.

– Da tái: người trầm tĩnh.

– Da mét: người yếu đuối, cô độc, ít hoạt động.

– Da hồng sậm hay đỏ gay: nóng nảy, sôi nổi, thực tế, dễ bị kích động.

– Da vàng (đùng nhăm dân tộc da vàng): người hay chua chát, ghen, hờn.

Giới Y học đã mô tả khuôn mặt của những người có khả năng trường thọ sau nhiều kết quả thống kê như sau:

– Khuôn mặt người có khả năng sống lâu có đôi mắt sáng, lông nheo dài, trán chìm, nhiều thịt, cằm nhô ra, mũi rộng, miệng lớn. Tóc cứng dài và suông màu sậm. Tai to, trái tai nhiều thịt và phần dưới trái tai phải ở dưới chót mũi. Răng tốt. Đầu không quá lớn. Sọ rộng ở phần lỗ tai. Theo Bác sĩ J. Ranald thì sọ càng rộng càng tốt và cổ phải to, không dài quá mà cũng không ngắn quá mới được xếp vào những đặc điểm của sự trường thọ. Cho đến nay điều mô tả trên vẫn được các nhà Y học tiếp tục quan sát và làm thống kê. Ở Hoa Kỳ nhiều công tác nghiên cứu về lãnh vực này đã được công bố nhiều lần và cho thấy tỷ lệ những

người sống lâu có các đặc điểm trên rất cao ở các lần thống kê so sánh, Ở Pháp, Anh, Liên xô và Ý cũng đã tiến hành những cuộc nghiên cứu loại này và kết quả cho thấy rằng các điểm đã nêu trên phần lớn đều có ở những người sống trên 85 tuổi hay 90 tuổi.

Cũng theo Bác sĩ Josef Ranald thì ngoài các đặc điểm nêu trên, ở những người bị bệnh thần kinh, những người khác thường, những người cuồng loạn... thường có bộ mặt với những nét đặc biệt sau đây:

1) Mặt không đều bên to bên nhỏ hay méo mó.

2) Trán vồ, có góc cạnh, hóp một đường ở giữa từ trước ra sau.

3) Hai mắt không đều hàng: bên cao bên thấp – hai con ngươi khác màu sắc.

4) Miệng nửa kín nửa hở.

5) Mũi có sóng mũi gãy ở chót mũi làm cho mũi sụp xuống.

6) Thường nhếch môi, trợn mắt, gật đầu hay nhếch mày.

Ngoài ra còn có những đặc điểm khác nổi bật ở gương mặt những người bị ảnh hưởng của những sự lệch lạc về tuyến nội tiết trong cơ thể.

Hai Bác sĩ Léopold Lévi và Gilbert Robin đã tổng kết một số khuôn mặt như sau:

Khuôn Mặt Của Người Có Tuyến Giáp Trạng (ở cổ) Bị Kích Thích:

Nhiều tóc, quần chớ không thẳng. Mắt rộng có khi lồi. Lông mày rậm và dài. Mũi dài, hẹp. Môi mỏng. Cổ dài.

Đầu sói lúc còn trẻ. Khuôn mặt nhỏ gầy. Vì tuyến giáp trạng bị kích thích nên người này thường hấp tấp trong lời nói và cả trong việc làm.

Khuôn Mặt Của Người Có Tuyến Giáp Trạng Hoạt Động Kém:

Đây là khuôn mặt của những người mập nhiều mỡ, lảng. Dù lớn tuổi nhưng gương mặt lại giống trẻ con. Mắt sâu và đờ đẫn. Người thuộc nhóm này thường ít hoạt động.

Khuôn Mặt Của Người Có Tuyến Sinh Dục Hoạt Động Mạnh:

Người sẽ có đầu to nhờ sọ nảy nở. Tóc nhiều nhưng sói đầu sớm. Da mặt luôn luôn hồng hào. Người thuộc nhóm này rất mạnh về đường sinh dục.

Khuôn Mặt Của Người Có Tuyến Dinh Dục Kém Hoạt Động:

Những người có tuyến sinh dục kém phát triển thường có khuôn mặt nhỏ, ốm, tóc nhiều (lông trên cơ thể ít, mình ngắn, chân dài và to, móng lớn nhưng tiếng nói lại giống con nít). Những người này thường nhút nhát bạc nhược nhưng khá thông minh. Diên Khánh, July 28, 2017

Khuôn Mặt Của Người Có Tuyến Thượng Thận Phát Triển Mạnh:

Mặt luôn luôn ửng hồng, lông mày rậm, tóc ít, mượt. Người có nhiều lông. Những người này thường rất khỏe mạnh, vui vẻ.

Khuôn Mặt Của Người Có Tuyến Thượng Thận Kém Phát Triển:

Người sẽ có khuôn mặt ồm, da ngăm đen, khô (tay chân có ngón thật dài và có mắt gút). Những người này thường kém nghị lực, hay quên.

Khuôn Mặt Người Bị Bệnh Lao:

Mặt dài. Hai lông mày thường như nhũ lại vì khoảng cách quá hẹp. Mắt lõm sâu. Cổ dài quá mức (theo J. Ranald thì người đàn ông bình thường có cổ cao 150mm nhưng bị lao nặng sẽ gầy và cao đến 180mm. Ở nữ giới cũng vậy, cổ phái nữ thường là 140mm, nhưng nếu bị lao nặng, cổ sẽ dài đến 160mm).

Khuôn Mặt Của Người Bị Bệnh Đái Đường:

Mắt sâu. Hàm trên lồi, răng dài và rộng.

Khuôn Mặt Đau Tim:

Môi tái tím, má nổi gân xám, cổ nở vì tĩnh mạch cổ nở. Cánh mũi tóp lại.

Khuôn Mặt Phong Thấp:

Hai mắt không ngang nhau, răng không đều hàng.

Khuôn Mặt Ung Thư:

Đầu to, mặt tròn rộng, mắt mờ đục (tay chân nặng nề, mũi to, hàm dưới tròn nhô ra).

Khuôn Mặt Ung Sang Dạ Dày:

Hai mắt dang xa nhau. Mặt ồm có góc cạnh. Da mặt mét. Cằm nhỏ, nhọn răng cong vào phía trong.

Khuôn Mặt Đau Ruột:

Đầu to, hai màng tang hóp, mũi ửng hồng. Sắc mặt thay đổi sau mỗi bữa ăn. Đặc biệt nhất là có nếp nhăn dài từ cánh mũi chạy dọc xuống môi và má.

Ngoài ra, trong cuốn “Những tuyến nội tiết và cá tánh” của Bác sĩ Léopold Lévi còn nhắc đến những người bị bệnh liên hệ đến não thùy như sau:

a) Người bị chứng niêm dịch phát triển mạnh thường có đầu lớn, vành trên của mắt lồi ra nên gương mặt có dạng trương căng kỳ dị. Mũi dài, to, trán nhẵn, hàm dưới bạnh và nhô ra trước, môi dưới dày. Mắt sâu, tóc ít và cứng. Da mét. Sọ nở phía sau.

b) Người bị chứng niêm dịch kém phát triển: Sọ nhỏ, mặt mập, mũi nhỏ, ngắn. Hàm dưới tóp nhưng hàm trên lại nhô ra. Miệng nhỏ. Hai mắt ở gần nhau hơi xếch, sáng nhưng nhỏ. Da mặt trắng.

CÁ TÍNH CỦA NHỮNG NGƯỜI BỊ BỆNH THUỘC TUYẾN NỘI TIẾT

Theo Bác sĩ Gibert Robin, Josef Ranald, Nicolas Pende và Léopold Levi thì những người bị bệnh nội tiết thường kéo theo những cá tánh rất rõ ràng. Sau đây là một số cá tánh mà giới Y khoa chấp nhận là đúng ở các lãnh vực bệnh lý này.

1) Người có tuyến giáp trạng hoạt động mạnh: thường có cá tánh hay nóng giận bất thường, hấp tấp, lo lắng, ồn ào, nói nhiều, than vãn hay múa tay khoa chân khi nói chuyện, sổ sàng, vội vã, mau giận nhưng cũng mau vui và mau tha thứ.

2) **Người có tuyến giáp trạng kém hoạt động:** thường kém hoạt động, kiên nhẫn, tỉ mỉ, trì chí, sống nội tâm, ăn nói từ từ, chậm rãi, công việc chậm chạp rù rờ, hay bàn bất cứ vấn đề gì.

3) **Người có tuyến sinh dục phát triển mạnh:** thường vui vẻ hăng hái yêu đời, sôi nổi nhất là tình dục rất mạnh.

4) **Người có tuyến sinh dục kém hoạt động:** thường rụt rè, nhu nhược không hăng say bạo dạn, chậm chạp lúc hành động, yếu sinh lý và ít ham về đường sinh dục. Người luôn luôn hướng về nghiên cứu, thông minh và chăm chỉ về vấn đề học hành.

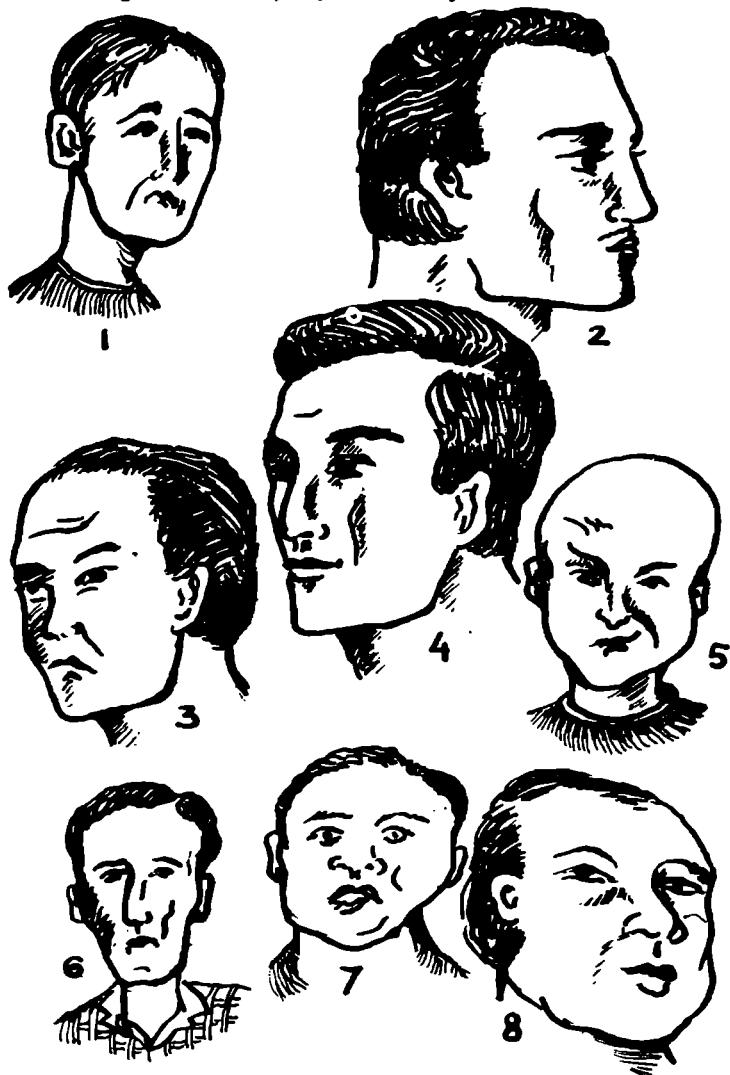
5) **Người có tuyến thượng thận phát triển mạnh:** rất hăng hái, lạc quan, tự cao tự đại, thường tính chuyện cao siêu vá trời lấp biển, hoạch định nhiều thứ lớn lao, bao đồng, ôm đồm hay nóng tính và sẵn sàng gây hấn đối chất với bất cứ ai chê bai hay chống đối lại họ.

6) **Người có tuyến thượng thận phát triển kém:** thiếu nghị lực và kiên trì, hay bỏ cuộc, chán nản, bàn hư mọi việc, không năng nổ, trí nhớ kém. Tuy nhiên lại có khiếu về mỹ thuật.

7) **Người có não thùy phát triển mạnh:** tự phụ, háo thắng, ích kỷ, nhẩn tâm, can đảm và thích phiêu lưu.

8) **Người có não thùy kém phát triển:** tánh tình bất nhất, hay lo lắng phân vân, thường dễ tự ái, nhác lười, kém trí nhớ.

66 những bí ẩn trên bộ mặt và bàn tay



1. Người bị quan sầu muộn. 2. Người háo thắng. 3. Người ganh tị.
4. Người sống lâu. 5. Gương mặt suy vì cường si. 6. Người có bệnh lao.
7. Người có tuyến giáp yếu. 8. Người dư thừa niêm dịch mặt phù.

KHÍ SẮC

THEO QUAN NIỆM Á ĐÔNG

Con người khi đau ốm bệnh hoạn, vui tươi, tức giận, thẹn thùng đều lộ ra ở gương mặt nhất là về màu sắc mà Y lý Đông phương thường gọi là khí sắc được định nghĩa sơ lược như sau:

Khí sắc biểu lộ của khí chất từ bên trong cơ thể. Con người đau ốm thì khí sắc bạc nhược trì trệ và tiêu tụy. Lo sợ thì tái xanh, trắng bệch. Tức giận thì mặt đỏ rần hay có khi xanh, tái đi... Đọc truyện Tào thời Đông Châu Liệt Quốc ta vẫn còn nhớ đoạn Kinh Kha và Tần Vũ Dương mạo hiểm đến yết kiến bạo chúa Tần Thủy Hoàng mượn cơ dâng bản đồ và chiếc đầu của Phàn Ô Kỳ. Mặc dầu Tần Vũ Dương nổi tiếng là một dũng sĩ có sức mạnh nhưng lại mất bình tĩnh khi bệ kiến Tần Thủy Hoàng đến độ bạo

chúa thấy mặt họ Tân tái xanh phải ngạc nhiên và hỏi: Sứ thần vì sao mặt lại biến sắc?

Chính sự mất bình tĩnh ấy đã kéo theo sự thất bại khi Kinh Kha ra tay giết Tần Thủy Hoàng. Tướng cũng nên lưu ý rằng người xưa thường rất chú trọng đến khí sắc. Vì thế ngay từ lúc chuẩn bị tìm người phụ lực với Kinh Kha để mưu sát bạo chúa. Thái tử Đan (người nước Yên) tổ chức một buổi tiệc lớn để tìm kẻ vũ dũng song toàn. Khi tân khách đã đông đủ ở sảnh đường thì Điền Quang, một người có mắt tinh đời chuyên nhìn người qua sắc diện đã nói với Thái tử Đan như sau:

– “Thái tử xem đây, toàn là một lũ vô tài bất tướng, khí dũng không đều. Như Tống Ý thì lúc giận mặt xám xanh, Hạ Phù lúc giận mặt đỏ tía. Còn Tần Vũ Dương khi giận mặt lại trắng bệch, thất sắc... Chỉ là những hạng vô dụng khi kề cận với hiểm nguy. Chỉ có Kinh Kha khi giận, sắc mặt không hề biến đổi. Chính đó là kẻ can đảm, bình tĩnh, cương quyết và đầy sức khỏe vậy”.

Đông phương cho rằng: huyết khí lưu trong cơ thể, nó là sông ngòi của cơ thể. Theo nguyên tắc tướng pháp thì huyết mạch nên thông chứ không nên lộ, nên chuyển chứ không nên bày. Chỉ khi nào vì bệnh tật làm nhiều loạn đổi thay màu sắc khí huyết thì khi đó huyết sắc mới có cơ để lộ ra ngoài qua làn da nhất là ở mặt. Khi đó ta sẽ kết luận được là người ấy đang thọ bệnh.

DỰA VÀO KHÍ SẮC ĐỂ ĐOÁN BỆNH VÀ CHỮA BỆNH

Sách tướng mệnh xưa thường có lưu ý nhiều về phép đoán bệnh và chữa bệnh qua khí sắc. Do đó các nhà Y học

ngày xưa thường dựa vào huyết sắc để xác định bệnh tật, sự thọ yếu, tánh tình, tài năng và họ còn suy ra cả cuộc đời của người ấy nữa.

Khí sắc là sức sống của bộ vị, xem khí sắc là xem nguồn sống của cơ thể, là xem huyết khí, xem thử bộ máy cơ thể có trục trặc hay không? Trời sắp mưa, bão thì mây đen kéo khiến bầu trời u ám. Người sắp bệnh thì sắc mặt cũng u ám hay biến đổi màu sắc. Người đau gan, túi mật thường có sắc da vàng.

Y học cổ truyền Việt Nam cũng đã ứng dụng từ lâu sự liên hệ giữa khí sắc và bệnh lý để chẩn bệnh. Năm Quý Mùi 1883, vua Tự Đức ngộ bệnh. Ngự y lúc bấy giờ là ông Nguyễn Duy (người làng Gia Lê Chánh – Thừa Thiên) được lệnh vào nội cung, đến bên Long sàng để thăm mạch cho vua. Khi nhìn thấy mặt vua, Ngự y Nguyễn Duy cả kinh nhìn quân Đại thần Tôn Thất Thuyết và quỳ lạy, lắc đầu:

– Hoàng thượng sắp băng rồi!

Tôn Thất Thuyết giận lắm, sai quân lôi Nguyễn Duy ra ngoài rồi quát bảo:

– Tại sao ngươi dám nói lời xàm bậy trước thánh thể? Nguyễn Duy run sợ nói:

– Thần phải nói dù biết là có tội. Vì sắc diện Thánh thượng đã báo cho biết là Thánh thượng sắp băng hà...

Tôn Thất Thuyết vẫn còn tức giận, sai quân lôi Nguyễn Duy ra pháp trường xử trảm. Chỉ vài giờ sau vua Tự Đức mất. Câu chuyện có thật trên đã được tác giả Nguyễn Đắc Xuân viết theo Bửu Kế và lời kể của chính gia đình Ngự y Nguyễn Duy cho thấy Y lý cổ truyền của dân tộc ta ngày xưa cũng rất tài giỏi. Đôi khi các vị danh y

cũng chỉ cần nhìn sắc khí người bệnh mà hiểu rõ được tình trạng bệnh nhân như thế nào.

Sách tướng Lý Hành Chân cho rằng: Con người khác với thực vật ở chỗ là không có rễ để hút nhựa nuôi cơ thể nhưng con người lại nhờ có nguyên khí nuôi dưỡng. Khí có tốt thì thần mới sáng, sắc mới thanh nhuận được.

Ở Trung quốc từ xưa, các danh y cũng thường nhìn khí sắc để đoán bệnh trạng. Thầy Đường Tử Long là một danh y tại Hán khẩu. Một hôm có việc ghé nhà người bạn chơi. Khi đi qua một căn phòng của một gia đình ở cạnh nhà bạn, ông thấy một người đàn ông bước ra cửa. Nhìn người ấy ông định ngăn lại để nói điều gì nhưng lại thôi. Sau đó ông gọi con trai của người bạn lại chỗ vắng mà bảo rằng:

– Người mới đi ra đó có bệnh đang chuyển nặng sắp chết đến nơi vì thần khí u ám lắm. Vậy cháu hãy giúp người ta, đi tìm người nhà gọi ông ấy về để kịp gặp người thân trước khi chết kéo quá muộn.

Con trai người bạn nghe thầy Đường Tử Long nói vậy liền vội vàng chạy đi tìm người nhà mời ông ấy về.

Quả nhiên đến chiều, người ấy đang ngồi ăn cơm thì tự nhiên kêu chóng mặt nhức đầu rồi té xuống đất. Người nhà thất kinh vực lên đặt lên giường lo chạy chữa nhưng đến tối hôm sau thì ông ấy chết.

Xem câu chuyện trên chúng ta thấy đây không phải là chuyện mê tín dị đoan vô căn cứ. Vì như đã trình bày ở trước, sự biểu lộ màu sắc qua da mặt khi cơ thể có sự nhiễu loạn là điều mà hiện nay các nhà y học đều đã công nhận chỉ có điều là những danh y tài ba kiểu như Nguyễn Duy hay Đường Tử Long thật hiếm có.

Khí Sắc Và Dịch Lý:

Ngày xưa các y gia nổi tiếng thường kết hợp tướng mệnh với y dịch trong Dịch lý để có được những phương pháp xét đoán bệnh lý và trị bệnh rất hiệu nghiệm. Theo họ thì sắc là tinh hoa của khí nên *sắc muốn đẹp thì phải có khí tốt*. Cái khí sắc ở đây không phải là không khí mà ta thở theo nghĩa thường tình mà Y dịch gọi là khí *Hậu Thiên* mà cái khí sắc ở đây chính là khí *Tiên Thiên* hay còn gọi là *Nguyên Khí* (1).

Nguyên khí ấy tốt là do khi bào thai còn trong bụng mẹ “*hấp thụ được tính linh âm dương ngũ hành*”. Tính linh ấy có thể so sánh với một máy nhận bắt các làn sóng điện.

Theo Y dịch thì sắc có năm màu: Đen, đỏ, vàng, xanh và trắng. Mỗi màu lại hợp với Ngũ hành: đen thuộc Thủy, đỏ thuộc Hỏa, vàng thuộc Thổ, trắng thuộc Kim và xanh thuộc Mộc. Khoa học Á Đông lại có thất sắc (bảy màu) đó là:

1. Hắc: đen
2. Xích: đỏ
3. Lục: xanh
4. Bạch: trắng
5. Hoàng: vàng
6. Bích: biếc
7. Tử: tím

Nhưng các nhà nghiên cứu về khoa Âm dương Ngũ

(1) *Tiên thiên âm dương là khí âm dương tiếp nhận của cha mẹ khi còn ở trong bụng mẹ. Còn Hậu thiên âm dương là khí hấp nhận từ bên ngoài để bồi dưỡng cho cơ thể sau khi sinh ra.*

hành chỉ phối hợp năm sắc với Ngũ hành mà thôi chớ không đưa cả bảy sắc vào Ngũ hành.

*** Sự Liên Hệ Giữa Thần, Khí Sắc:**

Ngoài ra, sắc có thể dạng lớn như hạt gạo, bằng ngón tay cái nhưng có khi rất khó nhận ra vì phảng phất như đám mây tan tỏa lơ lờ. Nếu nổi trên da là gọi là sắc, còn nếu ẩn dưới da gọi là khí. Thần, khí, sắc luôn luôn liên hệ chặt chẽ với nhau. Vì thế mới có câu:

“Hữu thần tất hữu khí

Hữu khí tất hữu sắc”.

Do đó khi xem bệnh một người mà thấy thần sắc không có, khí lại tán tỏa đi thì bệnh đã quá ngặt nghèo vô phương cứu chữa mà chuyện Ngự y Nguyễn Duy chẩn bệnh cho vua Tự Đức là một thí dụ điển hình.

*** Lý Luận Của Y Học Cổ Truyền Về Đoán Bệnh Theo Khí Sắc:**

Theo Y học cổ truyền thì khi thấy da: da mặt sắc đen xám là cơ thể đang phát bệnh (nên hiểu chữ đen xám này khác với sắc dân da đen hay người bị đen da vì nắng).

– Sắc mặt trắng bệch là bệnh phổi đang trên đà phát triển (vì theo lý luận của Y học cổ truyền thì phổi thuộc Kim, Kim sắc trắng).

– Sắc mặt đỏ (tự nhiên chớ không phải vì do đi nắng, vì uống rượu, vì ngồi gần bếp lửa, vì giận v.v...) là bệnh tim (lý luận của Y học cổ truyền kết hợp với âm dương ngũ hành thì sắc đỏ thuộc hỏa).

– Sắc mặt màu vàng do bệnh ở lá lách (Tì) vì lá lách thuộc Thổ. Thổ có sắc vàng v.v...

Đông y khi xem mạch thường kết hợp luôn với khí sắc để suy đoán bệnh lý vì họ quan niệm mạch từ trong cơ thể đi ra.

– Nếu mặt đỏ, mạch hồng (1), mình nóng, ngực ran là nhiệt đã xâm nhập vô tim.

– Nếu mặt trắng bệch, mạch sắc, ho là phổi bị bệnh và có kèm táo bón.

– Nếu mặt xám xanh, mặt huyền, mắt đau, bực bội là đau gan và phong thấp.

– Nếu mặt xám đen, mạch trầm (2), tai như ù có kèm theo di tính là thận bị tổn thương.

– Nếu mặt vàng, mạch hoãn, chân tay nhức mỏi không muốn cử động là bệnh ở tì và phong thấp đang phát.

Ngoài ra màu sắc còn được căn cứ vào để phân biệt bệnh nặng hay bệnh nhẹ, tăng thêm hay giảm bớt. Đông y cho rằng:

Mùa Xuân: người bệnh có da mặt xanh là chưa phải nguy kịch lắm vì hợp mùa. Mùa Hạ: nếu da mặt người bệnh ngả màu đỏ là thuận mùa.

Cũng vậy mùa Thu da mặt người bệnh sắc trắng: không nguy lắm và mùa Đông da mặt người bệnh sắc đen cũng thuận thời mà thôi, không đến nỗi nào.

Những người bệnh có khí sắc trắng bệch vào mùa

(1) Mạch hồng: thuộc dương mạch. Dương mạch gồm các mạch: động, hồng, huyền, khẩn, phù, sắc, trường, thực, xúc.

(2) Mạch trầm: thuộc âm mạch gồm có các mạch: cách, đại, hoãn, hoãn, hư, kết, nhu, nhược, phục, sắc, tán, tế, trầm, tri, vi.

74 những bí ẩn trên bộ mặt và bàn tay

Xuân, sắc đỏ vào Thu, sắc vàng vào Đông... là bệnh nặng vì không hợp mùa.

Ngay cả những người không bị bệnh nhưng khi có sắc xuất hiện nhằm vào mùa không thuận hợp chứng tỏ người đó cơ thể đang bị nhiễu loạn, và sắp bị bệnh.

Dưới đây là Bảng tóm tắt:

Khí sắc	Xanh	Trắng	Đỏ	Đen	Vàng
Ngũ hành	Mộc	Kim	Hỏa	Thủy	Thổ
Ngũ tạng	Gan	Phổi	Tim	Thận	Tỳ
Khai khiếu	Mắt	Mũi	Lưỡi	Tai	Môi miệng
Khí	Phong	Táo	Nhiệt	Hàn	Thấp
Mùa	Xuân	Thu	Hạ	Đông	Tứ quý
Tác động vào	Gân	Da, lông	Huyết mạch	Xương tủy	Thịt

* Vài Vấn Đề Liên Quan:

Ngoài các phần đã trình bày ở trên, còn có một phần rất lý thú và quan trọng mà chỉ những người có cặp mắt tinh anh với nhiều kinh nghiệm mới có khả năng thực hiện. Đó là vấn đề đoán bệnh tật qua các đốm, điểm, vết của khí sắc xuất hiện trên gương mặt. Việc xem khí sắc

không phải là dễ và điều đáng lưu ý là nên quan sát vào buổi sáng sớm lúc người được quan sát chưa ăn uống gì.

Ngày nay, nhất là phái nữ, việc dùng kem, phấn sáp để tô điểm mặt mày đã khiến cho việc xét đoán khí sắc trở nên khó khăn hơn. Những người mới tập xét đoán khí sắc vì thế thường dễ bị sai lạc rất nhiều và phép đoán khí sắc đôi khi còn trở thành trò bói toán cầu may gây nguy hại cho người khác do tự kỷ ám thị.

Các nhà chuyên môn về xét đoán khí sắc ngày xưa đã nêu ra nhiều đặc điểm về khí sắc mà theo họ đó là những đặc điểm căn bản rút tĩa từ các kinh nghiệm trải qua hàng nghìn năm của những bậc thầy về khoa tướng mạo và sắc diện. Sau đây là vài đặc điểm chính:

1. Trên khuôn mặt, hai mắt là quan trọng vì đó là biểu hiệu cho tinh thần. Tinh có khỏe thì thần mới sáng. Con trai nên có đôi mắt sáng vì nam cần có tinh thần là chủ. Còn nữ giới cần có khí huyết tốt lành để có sắc tươi nhuận.

2. Người nào quanh miệng mà khí sắc cho thấy như có sắc xanh bao phủ thì người ấy đang phát bệnh. Nếu đã có bệnh rồi thì bệnh rất nặng.

3. Nếu có sắc xanh vất ngang trán là người có bệnh nặng đang phát sinh. Nếu đã bệnh rồi thì sắp chết.

4. Người bệnh có da mặt đen xám như tro than hoặc trắng bệch là sắp lìa đời.

5. Nếu trán u ám người bệnh sẽ nguy.

6. Vệt đen xám hiện ra dưới môi dưới thường do đau thận.

7. Sắc xanh ở sống mũi nằm giữa hai lông mày (Sơn căn) là có bệnh.

THEO QUAN NIỆM TÂY PHƯƠNG.

Mặc dầu người Tây phương đi sau trong vấn đề nghiên cứu về khí sắc so với Á Đông, tuy nhiên cũng có nhiều nét đặc sắc. Nhiều nhà nghiên cứu Tây phương đã bước vào lãnh vực tướng mạo và sắc diện trong đó không hiếm những nhà khoa học và thần linh học. Dĩ nhiên cũng có lắm nhà bói toán xuất hiện và phát triển các khoa này thành những khoa bói toán phức tạp có khi kết hợp cả Đông Tây kim cổ.

Theo các nhà khoa học và các nhà sinh vật học thì màu da sở dĩ có là do sự hiện diện của ít hay nhiều sắc tố màu nâu Melanin ở dưới da khiến da có màu sẫm hay nhạt. Màu da ngay trong một chủng tộc đôi khi cũng khác nhau. Đó là chưa kể ngay trong cùng một huyết thống, gia đình, màu da cũng có thể khác nhau. Theo các nhà sinh vật học thì màu da thay đổi theo tuổi. Lúc mới sinh da sẫm màu. Sau đó da bớt sẫm và trở nên sáng dần khi tuổi lớn nhưng về già da sậm lại mà ta gọi là da *đời mới*. Riêng sắc tố dưới da có công dụng là bảo vệ da để tránh các tia tử ngoại của ánh sáng mặt trời. Do đó ra nắng thường bị đen: Những người ở vùng ít nhận ánh sáng mặt trời (vùng cực, ôn đới...) da trắng sáng để có thể hấp thụ được nhiều ánh sáng hơn, màu da thường thay đổi theo tình trạng sức khỏe và bệnh tật, người khỏe mạnh da hồng hào vì mặt da mịn và mạch máu dưới da nổi rõ. Một số người mắc bệnh nội tiết, da bị đen sẫm lại. Khi nghiên cứu về khí sắc, các nhà

khoa học đã lưu ý đến vấn đề màu da và sắc tố của các chủng tộc người để khỏi bị nhầm lẫn. Bác sĩ Josef Ranald người Áo đã tránh không dùng chữ khí sắc mà dùng chữ sắc diện khi ông viết cuốn “Con người qua tướng mạo và sắc diện”. Theo ông, màu da mà ông ghi nhận được là màu da của mỗi cá tánh, là sắc thái ở người đó chứ không phải nói da đen sậm là chỉ người da đen, da vàng là chỉ người châu Á... ở đây màu da liên hệ với tánh tình và bệnh lý.

Y LÝ TÂY PHƯƠNG VỀ ĐOÁN BỆNH THEO KHÍ SẮC

Theo các nhà khoa học Âu Tây thì sắc mặt mà y lý Đông phương thường gọi là khí sắc luôn luôn chịu ảnh hưởng của thời tiết (Đây có lẽ là sự nhận định và lý luận rút tĩa từ học thuyết tiến hóa của Darwin về sự liên hệ giữa môi trường và sinh vật cũng như ảnh hưởng của các thuyết do các nhà y học cổ đại đề xướng).

Chính bác sĩ Josef Ranald đã khẳng định rằng: Sắc mặt hòa nhịp với khí sắc của thời tiết thì cơ thể sẽ được mạnh khỏe, còn nếu sắc mặt đối khác với khí sắc thời tiết là chúng tỏ có sự rối loạn nào đó trong cơ thể. Theo ông thì mùa Xuân sắc xanh, mùa Hạ sắc Hồng, mùa Thu sắc trắng và mùa Đông sắc sậm (điều này cho thấy các nhà nghiên cứu Tây phương đã chịu ảnh hưởng của lý luận về sắc khí và dịch lý của Á Đông rồi). Màu sắc xuất hiện và biến đổi trên gương mặt mỗi người thường là ở hai vị trí chính (theo Ranald) là trán và cằm. Nếu màu sắc xuất hiện trên gương mặt không phù hợp với màu của bốn mùa đã nêu thì chúng tỏ cơ thể đang có bệnh.

SẮC DIỆN LIÊN QUAN ĐẾN BỆNH LÝ:

Theo bác sĩ Josef Ranald thì sắc diện phản ánh bệnh lý rất rõ ở mỗi người. Sau đây là những điểm chính:

1) Da mặt vàng sẫm, đặc biệt rõ ở quanh môi, trán và lòng bàn tay: người bị đau gan.

2) Da mặt xám như chì: người bị bệnh ngạnh kết.

3) Da mặt ửng đỏ: người bị huyết áp tăng. Nếu hồng hào ở mi mắt, môi mũi thì Chứng sung huyết.

4) Da mặt xanh xao, mỏng có điểm những đốm màu hồng thường thấy ở người thiếu máu, lao, suy nhược...

5) Da mặt ửng đỏ hay hồng sẫm, hai má có gân xám nổi lên, môi tái bầm đôi khi da mặt còn có màu xám nhạt là những đặc điểm của người bị chứng đau tim nặng.

6) Da mặt người đàn bà bị đau tử cung thường có sắc vàng như trính mỡ, quanh mắt có quầng thâm và môi tái xanh.

7) Da mặt người đau gan có làn da vàng hay bánh mật phụ thêm trông mắt vàng nhạt.

8) Những người đàn bà có triệu chứng cần thai thường có sự thay đổi màu sắc bất thường của trán, mang tang, gò má và cổ.

9) Người sắp chết da mặt lạnh, màu chì còn làn da trán căng ra.

Một số các nhà nghiên cứu khác như V. Pardo Costello, Havard Fox, Hollander... Còn cho thấy:

– Da mặt trắng bệch do bệnh bạch tạng (da không còn sắc tố Mêlanin nữa).

– Da vàng như nghệ là do chứng gan cứng, sưng gan,

tắc ống mật hay sạn mật. Da như vậy do xung khắc nhóm máu hay bị bệnh Giang mai bẩm sinh. Còn phải lưu ý ăn nhiều thức ăn có chất Carôten như gấc, đủ đủ cũng làm da vàng như nghệ.

– Da mặt thường tái xanh, hay đổi sắc kết hợp với lộ cổ hầu là người yếu tướng.

Cho đến nay, các nhà nghiên cứu về Nhân tướng Tây phương đang lưu tâm nghiên cứu về sắc khí và hy vọng sẽ khám phá ra được nhiều điều hữu ích trong lãnh vực suy đoán bệnh lý và tinh thần của con người.

ĐẦU

Khi nghiên cứu bộ mặt con người, các nhà Nhân tướng xưa cũng như nay không thể tách rời phần đầu là phần mang bộ não, kho tàng của tri thức con người. Ở Tây phương việc nghiên cứu bộ não ngày càng phát triển, do đó mới phát sinh ra ngành Não tướng học, một ngành nghiên cứu tỉ mỉ về hình thái các khu vực và sự phát triển của hộp sọ. Các nhà nghiên cứu Đông phương trái lại lưu tâm nhiều về một phần ở đầu mà thôi, nhưng biểu lộ rõ qua trán mà họ gọi là phần mặt của thượng đỉnh. Xét theo lãnh vực óc não thì Đông phương cho trán là phần bảo vệ tiền não bộ. Chỉ cần xét đến dạng thể của trán là có thể biết được sự phát triển hay giảm thiểu của bộ não con người rồi.

NGHIÊN CỨU ĐẦU THEO QUAN NIỆM TÂY PHƯƠNG

Các nhà nghiên cứu Tây phương phân chia đầu hay nói đúng nghĩa hơn là hộp sọ ra làm nhiều dạng thể. Mỗi dạng nói lên một đặc tính của mỗi con người. Tùy theo sự phát triển mà có những mẫu sau:

1- Mẫu đầu hay sọ của người thực tế:

Đây là mẫu người có hộp sọ có dạng hình vòng cung đều chạy đều từ đỉnh đầu xuống hai mép tai.

2- Mẫu đầu hay sọ của người nhiều mơ mộng tưởng tượng:

Đây là mẫu người có hộp sọ phát triển ở phía đỉnh của đầu.

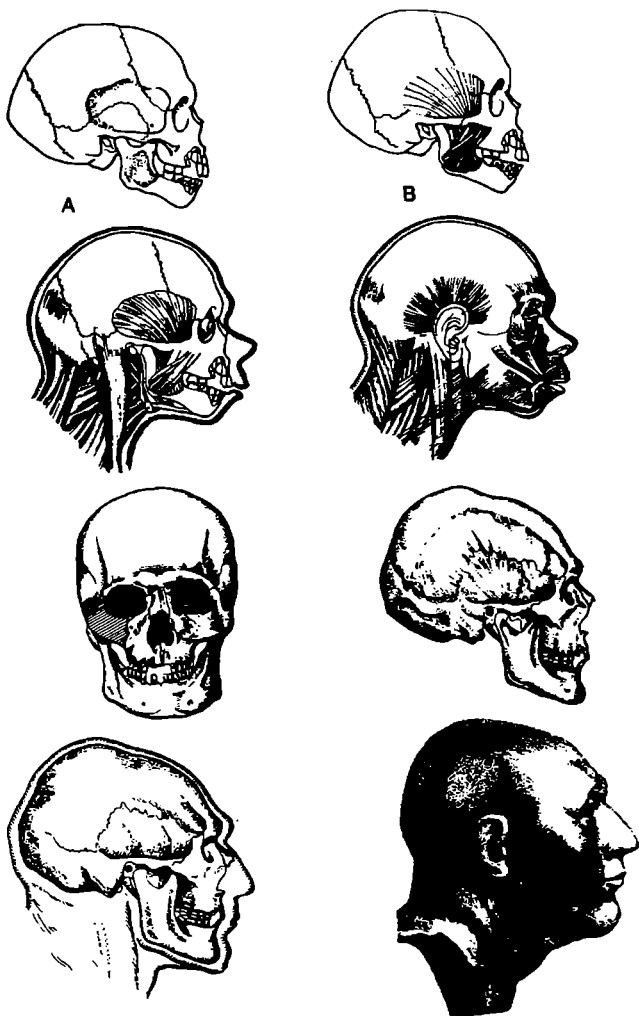
3- Mẫu đầu hay sọ của người đam mê đầy tham vọng:

Mẫu người này có hộp sọ phát triển cả hai bên mang tai và phía đỉnh đầu.

Thật ra, sự quan sát dạng thể hộp sọ thật khó khăn vì sọ thường bị tóc che phủ làm sự suy đoán cơ thể sai lệch. Cách hay nhất và dễ nhận xét nhất là nên nhìn đầu người ở một bên mà ta gọi là nhìn nghiêng.

1- Sọ cao:

Theo bác sĩ Josef Ranald thì sọ cao đúng nghĩa phải có kích thước như sau: trung bình là 125mm tính dọc từ đỉnh đầu xuống ngang lỗ của tai. Người mẫu sọ cao là người có óc suy đoán giỏi. Có thể dự tính, dự báo hoặc đoán trước



Nhà "Điêu khắc xuất sắc" của Liên xô là M.M Geraximov đã dựa vào cấu trúc của các phần ở bộ mặt để tái hiện gương mặt một chú bé Neandectan ở hang Tesc-Tas.

được nhiều việc như nhà đoán số. Tuy nhiên nếu chiều cao này tăng nhiều hơn nữa thì đây lại là mẫu sọ của những người dễ bị bệnh tâm thần.

2- Sọ thấp:

Có chiều cao như đã đo theo cách trên khoảng 110mm trở xuống thì đây là mẫu sọ của người ham hoạt động, nóng tính.

3- Sọ dài:

Theo bác sĩ Josef Ranald thì người có mẫu sọ dài khoảng 185mm (đo từ Sơn căn: vùng giữa sống mũi ngay giữa hai mắt ra đến giữa ót, thường là người nhiều tình cảm, thường dễ bộc lộ ra ngoài những xúc cảm của mình.

4- Sọ ngắn:

Người có mẫu sọ ngắn khoảng 170mm là người có tánh khí nóng nảy, hấp tấp, thành thật.

Nếu xét về các phần đỉnh đầu, trán và ót của đầu, khi nhìn nghiêng sẽ có được những mẫu sọ như sau:

a) Mẫu sọ nhọn cao ở đỉnh đầu nhưng lại hơi lõm vào ở phía sau ót: đây là mẫu sọ của người trung thành.

b) Mẫu sọ như thẳng đứng ở phía sau: đây là mẫu sọ của người luôn luôn ganh tị, không muốn thua kém ai, tự cao tự đại, phách lối.

c) Mẫu sọ nảy nở ở phần trán và phần sau đầu là mẫu sọ của người vị tha, đầy lòng nhân đạo, sẵn sàng giúp đỡ người một cách tự nguyện, không vụ lợi. Đây là mẫu người rất cao thượng.

TRÁN

QUAN NIỆN CỦA ĐÔNG PHƯƠNG VÀ TÂY PHƯƠNG VỀ TRÁN

Đối với tướng học Á Đông: trán gọi là Nam nhạc và còn gọi là Quan lộc cung vì theo quan niệm xưa thì trán là phần bao bọc não bộ phần quan trọng của tri thức. Các nhà Nhân tướng cho rằng:

- Rộng bề ngang, kiến thức rộng mà không thâm sâu.
- Người trán cao và rộng là người tài tử.
- Trán vuông người thực tế và trí thức thường là các nhà khoa học, chuyên viên kinh tế.
- Trán thấp hẹp, tóc mọc lan xuống trán là kiến thức yếu kém, chỉ chú trọng vật chất mà thôi.

Theo tướng Á Đông thì có bốn loại trán không tốt:

1. Trán quá thấp.
2. Trán lệch.
3. Trán lồi lõm không đều.
4. Trán nhỏ hẹp.

Cũng theo tướng Á Đông thì chỉ quan sát trán ở những người tuổi từ 15 đến 22 tuổi.

Tây phương cũng quan niệm như Đông phương khi nghiên cứu về phần trán ở mỗi người. Theo họ trán là nguồn gốc của tài năng của trí tuệ, sự thông minh. Theo bác sĩ Josef Ranald có bảy kiểu trán chính:

a) *Trán cao*: biểu dương sự thông minh sáng tạo nhìn xa thấy rộng luôn luôn hướng tới một lý tưởng cao siêu và muốn lập nên một lý thuyết siêu việt.

b) *Trán rộng*: người có nhiều sáng kiến cũng giống mẫu người trán cao. Tuy nhiên người trán rộng nhớ dai vô địch và giỏi tổng kết suy luận.

c) *Trán thấp*: Người ít lo xa, chỉ biết thực tế và vật chất, trí nhớ kém.

d) *Trán hẹp*: Biết suy nghĩ thiệt hơn, biết nêu ý kiến hay, lạ nhưng không thực hiện được vì trí nhớ và sự thông minh yếu kém.

e) *Trán hình thang*: Thích mơ mộng, có óc nghệ sĩ và sáng tạo.

f) *Trán hình bầu*: Giống mẫu người có trán hình thang nhưng ở đây sự mơ mộng, tưởng tượng vô cùng dồi dào dễ dẫn họ đến những tưởng tượng mơ hồ hay mê tín. Đây là mẫu người của suy tư, nghĩ ngợi và trầm ngâm.

TÓC VÀ RÂU

THEO TƯỚNG HỌC Á ĐÔNG

Theo lý luận của các nhà y học Á Đông thì tóc là gốc con người chỉ cần nhìn tóc một người cũng đủ biết sơ về sức khỏe của người đó một phần nào. Tướng học Á Đông cho tóc râu là cơ sở để suy đoán cá tánh và bệnh lý con người. Sau đây là một số đặc điểm mà Tướng học Á Đông đã đúc kết được sau hàng ngàn năm tổng kết và phân tích được :

1) Điểm căn bản cần thiết cho loại râu tóc gọi là lý tướng:

a- Tóc vừa phải về số lượng (không quá nhiều và cũng không quá ít).

b- Không quá mềm mà cũng không quá cứng.

c– Phải óng mượt, không héo úa, khô dòn, sạm xỉt, rối.

d– Màu sắc phải giống nhau cả ba thứ lông mày, râu, tóc.

2) Tóc xanh đen là biểu lộ cơ thể khỏe mạnh.

3) Tóc bạc ở tuổi thanh niên (từ 15 đến 30) là điều không tốt nhất là ở lãnh vực bệnh lý. Đây là dấu hiệu của thận suy hay bệnh ở thận (theo lý luận của Tướng học Đông phương thì hoạt động của thận liên hệ đến tóc).

4) Sau 30 tuổi nếu tóc có sợi điểm bạc hoặc rụng là chuyện không đáng lo ngại nhất là từ tuổi 40 trở đi.

5) Tóc mọc thẳng đứng ngay đỉnh đầu hay phần trên trán là sức khỏe bình thường. Nếu tóc mọc đứng ở hai bên đầu hoặc hai bên đầu bị sới dần là cơ thể suy yếu.

Xét về râu thì đàn ông phải có râu đi đôi với ria. Nếu có sự lệch lạc thiếu hụt phần này là xấu. Râu ria lông mày và tóc phải cùng một màu và đen lóng mới tốt. Người có râu thưa không đều, khô, xám như tro là cơ thể có bệnh. Đàn ông râu màu vàng ám, mềm, thưa hay không râu là tướng đàn bà.

Đặc biệt hiện nay Y giới đang nghiên cứu kỹ về hai đặc điểm sau đây mà cổ nhân đã ghi nhận đó là:

1) Người có da khô mà tóc mềm như nhung và ít là hung tướng.

2) Người khỏe mạnh nhưng râu tóc khô dòn và nhiều cũng coi là hung tướng. Hai đặc điểm trên chứng tỏ cơ thể có sự nhiễu loạn về các tuyến nội tiết.

THEO TƯỢNG HỌC TÂY PHƯƠNG

Theo Bác sĩ Josef Ranald (Chuyên khoa giải phẫu Y khoa) thì bộ mặt còn bao hàm các phần khác như tóc, sọ, trán, mắt, mũi, miệng, tai. Vì thế, theo Bác sĩ Josef Ranald, vấn đề xác định bệnh lý khi quan sát một người là cả một tổng hợp và suy luận phân tích vô cùng phức tạp, chính điều đó mà các nhà bói toán đôi khi bị sai lạc một cách thảm hại khi họ quyết đoán tương lai và cuộc đời của một người (một việc làm còn phức tạp hơn cả xét đoán bệnh lý ở một mức độ nào đó). Do đó, theo Bác sĩ Josef Ranald, điều quan trọng của người quan sát là phải tổng hợp tất cả các dữ kiện có được trên gương mặt rồi sau đó phân tích, suy luận để đi đến kết luận mới mong đem lại kết quả khá đúng đắn. Sau đây là một số kinh nghiệm của một số Bác sĩ và Chuyên viên giải phẫu bệnh viện thu thập được mà Bác sĩ Josef Ranald đã ghi lại được:

Về tóc, các nhà Nhân chủng học phân ra chín kiểu tóc khác nhau đối với các chủng tộc người trên thế giới gồm có kiểu mọc thẳng, lượn sóng, quăn, xoắn tít... Số lượng tóc nhiều hay ít là do đặc tính của các chủng tộc, dòng giống trong đó người có tóc hung vàng số lượng nhiều hơn cả. Kế đến là người có tóc nâu rồi tóc đen và cuối cùng tóc hung đỏ.

Màu tóc thay đổi theo tuổi. Càng lớn tuổi càng sẫm màu và về già thì tóc bạc đi. Để

chính xác hơn, các nhà Nhân chủng học đã dùng một bảng màu để so sánh và đánh giá.

Theo Bác sĩ Brown và Gerdes (Hoa kỳ) đã công bố một khám phá của họ sau một thời gian dài nghiên cứu về tóc là họ có thể định bệnh của một người nhờ quan sát sợi tóc qua kính hiển vi. Theo hai bác sĩ này thì qua kính hiển vi, họ có thể thấy rõ sự biến đổi của những vảy tròn Pro-tê-in trên sợi tóc. Kết quả rõ nhất cho biết: Những người bị bệnh thần kinh thì các vảy Pro-tê-in đều biến mất hẳn. Nếu bệnh đang chớm phát thì các vảy này giảm thiểu.

Một khám phá khác nữa là sợi tóc càng mịn bao nhiêu thì người mang tóc ấy càng yếu xương bấy nhiêu.

Bác sĩ Brown cho rằng: Những người lùn phần lớn có tóc rất nhỏ và rất mịn mà đường kính của tóc chỉ độ 60 micron so với sợi tóc bình thường có đường kính 120 micron (1 micron = 1/10.000 mm). Các nhà y học đang chú ý về khám phá hữu ích này vì nếu kết quả là đúng thì việc khám phá này sẽ giúp định bệnh tiện lợi hơn là khám phá nước tiểu, thử máu...

Sợi tóc bình thường có đường kính 120 micron (1micron = 1/10.000 mm). Các nhà Y học đang chú ý về khám phá hữu ích này vì nếu kết quả là đúng thì việc khám phá này sẽ giúp định bệnh tiện lợi hơn là khám phá nước tiểu, thử máu...

Theo Bác sĩ Josef Ranald thì người có tóc nhiều, đen láy chứng tỏ sức khỏe dồi dào, chịu đựng giỏi nhưng lại thường yếu sinh lý.

Người kém sức khỏe thì tóc khô, ít.

Tóc rụng nhiều thường do bệnh thương hàn, sùng

phối, giang mai, ngộ độc thủy ngân, bị nấm mốc xâm nhập và tàn hại hoặc cơ thể bị mất quân bình về kích thích tố. Đôi khi bị khủng hoảng tinh thần hay quá lo lắng tóc cũng rụng hay bạc trắng rất nhanh.

Theo các nhà khoa học thì tóc, râu và lông thường mọc nghiêng. Dưới chân tóc, râu đều có một bấp thịt nhỏ có thể co giãn làm tóc, râu dựng lên được.

Bác sĩ André Thomas cũng khảo cứu về tóc và râu rất cẩn thận và ông cũng cho biết là có thể quan sát tóc để định bệnh.

Giáo sư Margarot đã viết trong tạp chí Languedoc Medical rằng: “Một cảm xúc cũng có thể làm tóc rụng, làm hói đầu hoặc làm biến đổi màu đi”.

Những giai thoại sau đây cho thấy rõ điều đó:

– Quan Tể tướng nước Anh là Thomas More vì không chịu bỏ đạo Thiên Chúa nên bị ghép tội và bị tuyên xử chém đầu. Khi nghe tin này tóc ông tự nhiên dần dần bạc trắng.

– Công tước Milan, Ludovic Sforra bị vua Louis thứ XII bắt. Lúc biết sẽ bị lính dẫn ra pháp trường, ông sợ quá nên tóc ông bạc trắng tất cả đến nỗi lính áp giải và viên Đội trưởng cứ ngỡ là người khác bị thay thế.

– Vua Henri IV bạc tóc cả đầu sau khi ra lệnh giết hại tất cả những người theo đạo Gia Tô ở vùng ông ngự trị.

– Hoàng hậu Marie Antoinette khi sắp lên đoạn đầu đài thì tóc tự nhiên bạc trắng.

– Orsini bị vua Nã-Phá-Luân đệ III bắt về tội mưu phản. Khi bị dẫn lên đoạn đầu đài tóc ông bỗng nhiên đổi thành màu xám tro.

– Bác sĩ Aliber cho biết người buồn quá tóc cũng bạc.

– Bác sĩ Parry đã thấy tận mắt một người lính Ấn độ trong đội quân Bengale bị bắt. Nửa giờ sau, tóc anh ta biến thành màu xám tro.



Hình chụp qua kính hiển vi điện tử đầu tóc một người lành mạnh với các vảy Pro-tê-in nằm trên các sợi tóc (xem kỹ thấy da đầu giống như đất đỏ từ đó mọc lên các cây cao thẳng chính là những sợi tóc).

MẮT

a) Màu Mắt.

Theo các nhà Sinh vật học, màu mắt đen, nâu hay xám là màu của mống mắt (mà ta thường gọi là tròng đen) do các tinh thể Mêlanin hiện diện trong mống mắt ở sâu hay cạn. Nếu Mêlanin hiện diện ở sâu thì mắt có màu nhạt khiến ta thấy như có màu xanh. Nếu ở cạn hơn thì màu sẽ trở nên đen. Màu mắt của mống mắt thường thay đổi tùy theo chủng tộc. Điều đáng lưu ý là: khác với màu da và màu tóc, màu của mống mắt ít thay đổi theo tuổi tác.

b) Hình Dáng Mắt.

Người ta thường dựa vào mí mắt để phân loại mắt một mí, mắt hai mí. Các loại mắt mà ta thường nghe nói như mắt xếch, mắt lươn, mắt ti hí, mắt bết, mắt bồ câu, mắt ốc nhồi v.v... thường được dùng trong dân gian trong các văn thơ bình dân hoặc các nhà tướng số dùng để phân loại.

Cho đến nay, mặc dù ai cũng công nhận “Mắt là cửa sổ của tâm hồn”, nhưng các nhà khoa học vẫn chưa đồng ý như các nhà suy đoán tướng mạo là nhìn mắt mà biết tánh tình. Tuy nhiên giới Y khoa đã công nhận rằng hiện nay vấn đề quan sát nghiên cứu mắt để biết được biến chuyển hay sự xuất hiện của bệnh tật là một điều hiển nhiên. Tại Liên xô Giáo sư Bác sĩ Evguéni Velkhover đã nghiên cứu vô cùng tỉ mỉ đôi mắt con người để từ đó suy ra được bệnh lý. Công trình nghiên cứu hiện nay của Bác sĩ đã được cả thế giới lưu tâm hỗ trợ.



(1) Mắt hai mí.

(2) Mắt một mí.



Giáo sư Bác sĩ Evguéni Velkhover đang quan sát mắt và gương mặt của một người qua kính phóng đại.

THEO QUAN NIỆM TÂY PHƯƠNG

c) Mắt Và Bệnh Lý.

Theo Bác sĩ Evguéni Velkhover thì đôi mắt là cái màn ảnh lớn của thiên nhiên. Sự đổi màu sắc của mắt cũng phản ánh phần nào về sự biến đổi sinh lý trong cơ thể. Theo Bác sĩ thì con mắt là cửa sổ của cơ thể đúng hơn là cửa sổ của tâm hồn.

Trong khi đó Bác sĩ Josef Ranald lại ghi nhận các sự kiện liên hệ về bệnh lý ở đôi mắt. Theo Bác sĩ Ranald thì người có đôi mắt lộ thường yếu tướng, dễ bị máu xâm và dễ bị bệnh tim (điều này trùng hợp với nhận xét của Y lý Đông phương). Cũng theo Bác sĩ Ranald thì người có mắt to, sáng lóng lánh là người có sức khỏe. Nếu có lông nheo dài là sống thọ. Nếu mắt to nhưng màu mờ đục, nếu tròng trắng quá nhiều, lấn áp lòng đen là có sự suy sụp sức khỏe và dễ bị bệnh. Điều đặc biệt mà Bác sĩ Ranald cho biết và ông đã nghiên cứu thật nhiều để tránh lầm lạc là hiện tượng mắt luôn luôn có vẻ ướt là đôi mắt của người bất lực tình dục. Ngoài ra những người mà mắt có con ngươi to thường dễ bị căng thẳng thần kinh.

Người có mắt lộ và kết mạc có những chấm, những hạt nhỏ lóng lánh như mỡ, là dấu hiệu chứng trầm trệ, ứ huyết ở tủy sống, tinh thần bị khủng hoảng...

d) Mắt Và Cá Tánh:

Bác sĩ Ranald ghi nhận khoảng sáu mươi đặc điểm của

mắt nói lên cá tính con người. Tuy nhiên chúng tôi chỉ rút ra được một số đặc điểm rõ nét nhất sau đây:

– Người có đôi mắt dang xa nhau (cách 30 mm ở khoảng Sơn căn) là người giàu tưởng tượng và thường có năng khiếu về điêu khắc, hội họa.

– Người có hai mắt gần nhau thường hay lo nghĩ, buồn rầu.

– Người có mắt nhỏ và sâu, thường lăm lì, tính toán, dò xét và buồn rầu.

– Mắt ti hí: nhác, lười, ít thành thật.

– Mắt xếch: dữ, nóng nảy.

– Mắt nhấp nháy, sâu, nhỏ: người có mắt này thường hay châm chọc, không thật tình.

– Mắt ở xa chân mày: người thường mơ mộng, giàu tưởng tượng.

– Mắt ở gần chân mày: hay suy nghĩ, hay phê bình, khó tánh.

– Mắt nửa nhắm nửa mở: người bạc nhược, hay lo âu, ít thành thật.

Bác sĩ Josef Ranald còn lưu ý rằng có thể quan sát cách nhìn của một người mà suy đoán được phần nào cá tính của người đó. Sau đây là một vài thí dụ:

1– Nhìn thẳng: thành thật, can đảm.

2– Nhìn lơ đãng: do dự, phân vân hay đang tìm cách đối phó, người đáng trí, mơ mộng...

3– Nhìn nghiêng lệch: đầy mưu trí và đầy suy tính âm mưu, không thành thật.

4– Nhìn ngược lên: người sôi nổi, ham muốn cầu cạnh...

THEO QUAN NIỆM CỦA TƯỚNG HỌC Á ĐÔNG

Đối với Tướng học Á Đông, mắt vô cùng quan trọng, họ coi mắt là nơi tập trung thần khí vì thế mà sự thọ yếu ở một người có thể biểu hiện rõ ở đôi mắt. Sách cổ về Tướng học Á Đông cho biết như sau:

A. Mắt Của Những Người Sống Lâu:

- Mắt sáng, đồng tử tròn đều, lớn, sáng.
- Mắt dài, nhưng không phải híp.

B. Mắt Những Người Yếu Tướng:

- Có tia máu đỏ như xuyên qua con ngươi.
- Mắt lồi và như không hồn (ngớ ngẩn).
- Lòng trắng ở mắt có màu xám tro, đục mờ (có bệnh).
- Người có mắt sáng nhưng nhìn càng lâu càng như yếu dần chứng tỏ người đó thông minh nhưng yếu tướng.
- Con ngươi mở to và mờ nhạt như sương khói.
- Tròng đen bị gân máu lan vào chứng tỏ cơ thể đang bị bệnh.
- Mắt như người say rượu, ngái ngủ là cơ thể suy nhược nặng.
- Người đang có thai và dưới niết hiện rõ sắc hồng thì nên cẩn thận khi sanh đẻ.
- Tròng trắng mắt có gân máu đỏ là yếu tướng.

– Tròng đen hình như nhô ra như muốn tách rời khỏi lòng trắng là yếu tướng.

– Mắt lơ lơ trông có vẻ mệt mỏi lơ lơ là người thiếu máu, yếu mệnh.

– Khi ngủ mà há miệng mở mắt là tướng không thọ.

C. Mắt Và Cá Tính:

– Mắt lồi: tánh hung dữ, nóng nảy.

– Ánh mắt bình thản: người hiền, thành thật.

– Ánh mắt thường không thẳng liếc ngang, liếc xéo, liếc trộm là người không thật lòng, xảo trá, có mưu đồ, bất chính.

– Con mắt thật ướt, láo liên là người thích dâm.

– Đôi mắt lúc nào cũng có vẻ như say sưa mê đắm rưng rưng. Sách tướng gọi mắt loại ấy là Túy nhãn. Người có mắt loại này thường nhác nhớn chỉ thích vật chất không thích học hỏi hay làm việc. Người có nhiều tật xấu. Ở nơi trà đình tửu điểm hay nơi quy tụ cờ bạc rượu chè thường có hạng người Túy nhãn (mắt rưng rưng như say).

– Người có mắt sáng, dài, đuôi mắt sắc nét là người có tài năng về ca nhạc, hội họa. Người Tàu ngày xưa thường chọn những trai gái đang còn nhỏ có loại mắt này để cho đi học ca múa nhạc hay họa. Những Nghệ sĩ tài danh thường có loại mắt này.

* Tướng học Á Đông ghi nhận mắt của kẻ sát nhân như sau:

+ Mắt lộ và ánh mắt sáng có màu sáng như ánh trắng và viền mắt đỏ.

+ Mắt tam giác hay có hình như lưỡi đao.

+ Mắt lớn tròn, lộ hung quang.

+ Mắt có tròng trắng nhiều, tròng đen ít, nhìn ai thường trừng trừng.

– Mắt của người đa tài: mắt to, đen, sáng, ánh mắt ngay thẳng hai phần trắng đen (lòng trắng, lòng đen) rõ nét.

– Ánh mắt nhìn luôn luôn có tia như nhướng lên là không thành thật hợp với những cái liếc xéo, lảo liên là người bất minh.

– Mắt nhìn lúc nào cũng như dáo dác như muốn tìm kiếm vật gì: người luôn luôn bất định, tâm thần bất ổn, kiến thức không có chiều sâu, nông nổi, đa nghi.

Hiện nay trong ngành Luật pháp, Công an, Cảnh sát, điều tra Hình sự... Người ta áp dụng triệt để mọi hình thức có khả năng để suy đoán cá tánh, thể chất, tâm hồn... của kẻ phạm tội, vì thế việc nhìn mặt nhất là đôi mắt để suy đoán cá tánh một người rất được quan tâm. Sau đây là một số đặc điểm mà Tướng học Đông phương đã mang lại trong khi nghiên cứu và quan sát mắt hàng triệu người qua nhiều thế hệ:

1) Người có tia sáng mắt mạnh, thẳng khiến kẻ đối diện không đủ nhãn lực để nhìn lại là người có tinh thần sung mãn. Nhưng không chắc là người ấy là người đứng đắn.

2) Người thông minh nhưng thích rượu chè có đôi mắt phân biệt rõ tròng đen tròng trắng, ánh mắt sáng nhưng đuôi mắt bị khuyết.

– Người có chí khí cao, kiên cường bất khuất thường

có tròng đen lớn tròn và phân biệt rõ đường viền với lòng trắng và kết hợp với đôi mắt sâu, ánh mắt sáng và ngay.

– Khi gặp tình trạng gay gắt bất thần mà mắt không đảo diên chớp nháy hoảng kinh là người có thần khí, điềm tĩnh.

– Người có mắt lồi, ánh mắt long lanh là đầy dục tính, ham vật chất.

– Mắt nhìn mà lộ vẻ tức giận hằn học là người hấp tấp, nóng nảy, dục tốc, lỗ mãng, hiếu thắng hay ganh tị...

– Người có đôi mắt quá lớn là có dũng khí, thành tâm nhưng lại có tánh buông thả.

– Hai mắt không đều về vị trí và kích thước là người không thành thật hay dùng mưu kế, tính toán, tánh bất thường.

– Cuối đuôi mắt có đường quất lên màng tang là người hay cãi lý, ngoan cố, luôn luôn giữ lập trường của mình dù biết là đã sai. Tánh người hay cợt nhả, chế nhạo, nói móc kẻ khác.

– Mắt có nhãn cầu chuyển động là người nóng nảy hấp tấp không chịu suy nghĩ chín chắn.

Trong sách Nhân tướng học còn lưu ý rằng:

– Kẻ gian hùng nguy hiểm thường có đồng tử lớn, lớn hơn cả những đồng tử nhỏ vì bệnh lý. Điều này cần thiết để các Cơ quan điều tra hình sự lưu ý.

– Dưới mắt có những gân dọc là kẻ xấu tánh.

– Trong mắt có điểm đen ẩn trũng xuống là dấu hiệu của kẻ gian hùng.

– Kẻ có tròng mắt hồng hồng và đồng tử màu vàng là tối ư nham hiểm cần phải đề phòng.

– Người có mắt dài, đầu mắt và đuôi mắt nhọn, mí mắt mở, mắt hình như ướt hay liếc và cười duyên là người đa dâm.

MẮT TAM BẠCH MỘT VẤN ĐỀ CẦN NGHIÊN CỨU

Ở đây chúng tôi xin lưu ý quý vị độc giả một loại mắt mà Nhân tướng học Đông phương gọi là Mắt tam bạch. Đây là loại mắt đã làm hao tổn biết bao giấy mực cùng sự tranh cãi của các nhà nghiên cứu.

Theo các Nhà tướng học Đông phương thì mắt Tam bạch là mắt thuộc loại trắng dã. Ở đây lòng đen mắt như treo lên mí mắt trên khiến để lộ ra ba phần của lòng trắng vì thế mà gọi là Tam bạch. Thật ra không phải nhỡn cầu như bị treo lên ở mí mắt trên mà đôi khi nhỡn cầu hình như chạy xuống mí mắt dưới, lúc ấy ta cũng thấy mắt có ba phần của tròng trắng.



1. Mắt Tam bạch
(nhỡn cầu ở trên)

2. Mắt Tam bạch
(nhỡn cầu ở dưới)

3. Mắt Tử bạch
(nhỡn cầu ở giữa)

Mắt Tam bạch khác với Mắt Tứ bạch. Mắt tứ bạch có nhõn cầu nằm ngay giữa tròng trắng nên khi nhìn vào thấy có bốn vùng màu trắng của tròng trắng mắt.

Theo Tướng học Đông phương thì người có Mắt Tam bạch thường có cá tánh cương quyết, đôi khi tàn nhẫn, nóng tánh và rất thực tế. Tuy nhiên loại người này lại thông minh, thường có ước vọng lớn, và yếu tướng. Bác sĩ G. Ohsawa (Nhật bản) cho rằng những người có Mắt Tam bạch là những người có sự nhiễu loạn âm thầm trong cơ thể. Cơ thể chứa nhiều độc chất và nhiều chất đản bạch tinh làm tổn hại máu.

Bất cứ gặp người nào, Ohsawa bao giờ cũng lưu ý ở họ ba điều. Đó là quan sát cặp mắt, nhìn vào hai tai và khi bắt tay thì ông bấm mạnh vào làn da tay giữa ngón cái và ngón trỏ của người ấy. Qua ba điều ấy, Ohsawa sẽ kết luận được rằng người ấy có bị chứng Tam bạch đản hay không. Nếu có ông sẽ nói một chữ: Sanpaku có nghĩa là mắt có ba phần trắng hay còn gọi là Tam bạch đản. Theo Ohsawa thì mắt Tam bạch đản có ba phần tròng trắng hiện ra rõ rệt ở phần dưới và hai bên do tròng đen như treo dính lên phần trên trong mắt phân chia ra. Mắt của người bị chứng Tam bạch đản có một khoảng tròng trắng ngay dưới con ngươi. Nhà dưỡng sinh Nhật Ohsawa đã từng khuyên những người có Mắt Tam bạch đản như sau:

“Những ai không may bị chứng Tam bạch đản thì hãy chữa chạy cho lành, rồi muốn làm gì thì làm, vì chứng này cho thấy tính mạng bị đe dọa trong thời gian rất gần...”.

Ông đã cho rằng sự mất quân bình của tinh thần và thể xác của cố Tổng thống Kennedy của Hoa kỳ thật ra đã xuất hiện ngay từ thời Đế nhị Thế chiến nghĩa là ông

Kennedy đã bị chứng Tam bạch đản hồi còn trai trẻ và ông đã dùng thuốc để chữa bệnh thường nhật vì cảm thấy cơ thể có cái gì đó mất quân bình nhưng chính ông ta và các Bác sĩ giỏi cũng không biết đó là chứng Tam bạch đản. Tuy nhiên điều làm người thắc mắc là lý do nào đã tạo nên chứng bệnh này ở Tổng thống Kennedy. Có phải Tam bạch đản đã dẫn đến cái chết sau vụ ám sát ở Dallas?

Theo nhà dưỡng sinh Ohsawa thì chứng Đản bạch tinh đã khiến cho Tổng thống Kennedy không có được phản ứng lạnh lẽo theo cách tự nhiên của cơ thể con người trước tình huống nguy khốn khẩn cấp. Điều này, trong bản tường trình của Ủy ban điều tra và nghiên cứu về vụ ám sát này có đoạn như sau:

“...Có tiếng súng nổ liên tiếp và Tổng thống Kennedy vẫn đứng trên xe và đưa tay lên cổ. Người ông như bất động trong giây lát rồi chúi đầu về phía trước. Một viên đạn khác tiếp theo đã xuyên qua gáy Tổng thống...”.

Đáng lý ra là ông thoát hiểm nếu ngồi ngay xuống hay theo phản xạ tự nhiên, khi gặp nguy như vậy người ta phải tìm đủ cách để tránh, hơn nữa chính Tổng thống Kennedy là một Sĩ quan thì sự phản ứng nhanh khi nghe tiếng súng chết người như vậy lại càng vô cùng linh hoạt. Nhưng đây vấn đề lại khác, Tổng thống Kennedy vẫn không phản ứng hoặc nếu có phản ứng thì cũng rất chậm khiến cho viên đạn tiếp theo nữa của hung thủ đã ghim vào đầu và khi ấy ông mới ngã người hẳn về phía trái vào chân bà Kennedy.

Theo các lời trình bày của chính những người đi cùng xe với Tổng thống Kennedy như bà Kennedy, hai vợ chồng Thống đốc Connally, thì họ phản ứng ngay khi có tiếng súng, chỉ có Tổng thống lại khác.

Ủy ban điều tra phân tích cận kề cho biết thì tình huống xảy ra dù khẩn cấp và nguy hiểm nhưng những người ở trên xe kể cả Tổng thống Kennedy cũng có từ 4,8 đến 7,8 giây để phản ứng hoặc bằng ý nghĩ hay lời nói và cử chỉ. Nhưng không hiểu sao chỉ có Tổng thống Kennedy lại đứng yên bất động không biết làm gì hơn là đưa tay lên sờ cổ mình. Theo Ohsawa thì đó chính là do chứng Tam bạch đản (1) đã làm cho Tổng thống Kennedy không còn linh hoạt và phản xạ tự nhiên trong lúc khẩn cấp nữa khiến hung thủ dễ dàng hành động. Ohsawa không tin rằng Tổng thống Kennedy vẫn còn đủ khả năng hồi sinh khi chưa chạy đúng cách tại bệnh viện. Vì theo ông người bị chứng Tam bạch đản thường mất phần lớn bản năng phản ứng tự nhiên của mình trước cơn nguy. Và Tổng thống Kennedy đã chết ngay ở phát súng thứ ba của hung thủ vì bản năng phản ứng đã mất...

Theo Ohsawa thì những nhân vật mà thế giới biết đến sau đây đã chết vì ở mất họ cho thấy rõ chứng Tam bạch đản đó là:

Edward Kennedy, Robert F. Kennedy, John F. Kennedy, Carole Lombard, Tyrone Power, Anna Kashfi, John Diefenbaker, John Barrymore, Marilyn Monroe, Abdul Karim Kassem, Ngô Đình Diệm, Davey Moore, Natalie Wood, Françoise Sagan, Abraham Lincoln, Adolf Hitler, Marie Antoinette...

Theo nhà Dưỡng sinh Nhật bản Ohsawa thì khi một đứa bé mới ra đời, mạnh khỏe, nếu chúng ta lưu ý nhìn

(1) Hiện nay nhiều nhà khoa học cho rằng người có chứng Tam Bạch Đản thường trong máu có chất Đản Bạch tinh

vào mắt bé sẽ thấy một phần dưới của con người có hình cầu màu sậm giữa mắt được che khuất ở mi dưới giống như hình một mặt trời hay mặt trăng đang mọc.

Ở những người sắp chết thì hai bên con người như muốn lẩn trốn sâu vào mi trên mắt vì thế mắt thấy trợn ngược khiến hai vùng trắng hai bên mắt lộ ra rất rõ và vùng trắng thứ ba ở giữa và ngay mi mắt dưới cũng lộ ra nhiều hơn, ba vùng trắng đó chính là Tam bạch đản vậy. Dấu hiệu con người đi dần lên phía trên mí mắt như muốn biến dần đi là dấu hiệu chứng Tam bạch đản ngày càng nặng. Thật ra từ ngàn xưa người Á Đông đã biết đến chứng này rồi và các nhà đoán bệnh xưa cũng thường nhìn vào tròng mắt để suy ra bệnh lý. Chỉ cần thấy có dấu hiệu Tam bạch đản ở một người là chứng tỏ người ấy đang bị mất quân bình trong cơ thể không còn nằm trong trật tự tự nhiên của vũ trụ nữa. Vì thế nhiều tai nạn và bệnh tật sẽ đến với họ.

Theo Ohsawa thì để trị liệu, cách hay nhất là cải thiện cách ăn uống của mình, nên ăn nhiều thảo mộc mà tránh ăn thịt động vật càng nhiều càng tốt. Không nên ăn uống quá no. Ăn ít đường, nhất là đường cát trắng, mỡ. Có thể ăn cá vì cá không tai hại như thịt. Ăn phải nhai kỹ. Uống ít nước. Tránh các thức ăn do kỹ nghệ chế tạo nhất là đồ hộp, đồ pha chế, không nên hút thuốc lá, uống trà đậm, cà phê, đồ gia vị cay nóng, bơ, pho mát, rượu. Không ăn mặn quá. Nếu có thể thỉnh thoảng nên ăn gạo lức với muối mè và nhai thật kỹ (1). (Ở đây chúng tôi không thể trình bày chi tiết về Phương pháp trị liệu của Ohsawa mà chỉ tập trung chính yếu vào nội dung của tập sách nói về những bí ẩn trên bộ mặt và bàn tay, vì thế phần này dùng để bổ



NHỮNG GƯƠNG MẶT BỊ CHÚNG TAM BẠCH ĐÀN (để ý mắt)

From left to right: Carole Lombard / Ngo Dinh Diem / Tyrone Power
/ Aneur Kevan / Anna Kashfi / Senator Edward Kennedy / John
Diefenbaker / John F. Kennedy / John Barrymore / J. Paul Getty /
Marilyn Monroe / Senator Robert Kennedy

túc thêm cho những điều bí ẩn ở đôi mắt con người theo sự nghiên cứu của Nhà dưỡng sinh Nhật Bản Ohsawa để quý độc giả tìm hiểu thêm).

(1) Ghi chú: tài liệu và hình ảnh chụp phần này rút từ cuốn "Thuật Dưỡng sinh hay Đời người qua Tướng mắt của G. Ohsawa do Tôn Thất Hanh, Nguyễn Đình Cung, Ngũ Minh dịch – Sài Gòn 1974–1975.

LÔNG MÀY

THEO TƯỚNG HỌC Á ĐÔNG

Từ xưa, tướng học Á Đông lưu ý nhiều về lông mày vì cho rằng lông mày rất quan trọng đối với cá tính và sự thọ yếu của con người. Do đó tướng học ngày xưa gọi là Bảo thọ quan. Sau đây là vài đặc điểm liên hệ đến đời sống dài hay ngắn ở một người qua hình dáng và đặc tính của lông mày mà các nhà tướng học Á Đông ghi nhận được:

1) Đặc Điểm Ở Những Người Yếu Tướng:

- Hai lông mày không đồng đều về vị trí lẫn hình dáng.
- Lông mày có nhiều sợi xoắn rối và mọc thành nhúm không đều.
- Lông mày thưa, màu vàng xám hay hung hung.
- Lông mày ngắn.

– Hai đầu lông mày mọc lan qua nhau.

2) Lông Mày Ở Những Người Sống Lâu:

– Lông mày dài (khỏe mạnh và sống lâu).

– Hai lông mày cân xứng đều nhau.

– Mọc đầu trẻ mà lông mày xuất hiện vài sợi màu bạc.

– Sợi lông mày ở cuối dài hơn ở phía đầu lông mày.

– Nhiều sợi lông mày mọc dài rủ xuống mắt (khi còn trẻ).

(Lưu ý khi đã già nếu bỗng nhiên trong đám lông mày mọc ra một vài sợi dài rủ xuống là coi chừng cơ thể có sự xáo trộn hay bệnh).

Ngày xưa, người Trung quốc gọi lông mày là Mi vũ. Vũ có nghĩa như cái mái nhà. Nếu xương sọ ở lông mày (Mi cốt) cao khiến lông mày mọc cao thì người nóng tính thích phô trương. Ngược lại nếu Mi cốt mà lõm thì người tầm thường. Chỉ có Mi cốt bằng phẳng, lông mày mọc thanh tú mới tốt mà thôi.

– Người có lông mày rậm lại thô giống như một con sâu róm lông lõm chồm tán loạn khô cứng là người có kiến thức nông cạn, tầm thường.

– Lông mày rậm có dáng mềm mại với mắt sáng mới tốt.

– Lông mày dài quá mắt là người thông minh, tài giỏi, đàn ông. Tuy nhiên nếu lông mày quá mắt mà mọc lộn xộn, rời rạc thì cuộc đời lại vô cùng gian nan vất vả.

– Cuối lông mày các sợi thưa dần là xấu, người dục tốc, không chịu cân nhắc suy nghĩ nên việc làm thường thất bại.

THEO TƯỚNG HỌC TÂY PHƯƠNG

Tướng học Tây phương cũng rất chú trọng đến lông mày. Theo họ lông mày thường chuyển động theo với gương mặt đổi thay: vui buồn lo sợ hốt hoảng đều khiến lông mày chuyển động theo và sự chuyển động ấy còn lệ thuộc vào tim và não nữa. Sau đây là một số đặc điểm của lông mày liên hệ đến cá tánh và bệnh lý con người mà tướng học Tây phương đã ghi nhận được:

1) Người ít lông mày hay không có lông mày là người lãnh đạm ngớ ngẩn, hay quên, nhu nhược và kiến thức nông cạn hoặc đôi khi bị lệch lạc ở Tuyến nội tiết (phần lớn là Tuyến giáp trạng).

2) Người có lông mày rậm thường nóng tính, hấp tấp, hay hồi hộp sôi nổi, dục tốc, ưa phê bình chỉ trích. Về bệnh lý thì Tuyến giáp trạng quá hoạt động.

3) Người có lông mày nằm ngang: thường hay suy tư mưu kế, không thành thật, hay hờn tủi nhưng thông minh, ưa tìm hiểu, có óc thứ tự, tánh ngang.

4) Người có lông mày hình dấu mũ: hăng hái, nóng nảy, hấp tấp, ưa huyền bí, hoạt động nhiều.

5) Người có lông mày hình vòng cung (vòng nguyệt): người ủy mị, sống nội tâm, hiền hậu, thích kể chuyện.

– Lông mày ở gần mắt: người tập trung tư tưởng, ưa nghĩ ngợi, trầm mặc, hướng nội, thích phê bình lý luận, có óc gia đình.

112 những bí ẩn trên bộ mặt và bàn tay

– Lòng mày ở xa mắt: người mơ mộng, ngớ ngẩn, hay kinh ngạc, lo lắng, bất nhất, kém hoạt động, hướng ngoại, thích quan sát, trang hoàng, vẽ, họa và thích đi đây đó.

– Lòng mày có đuôi quất lên: vui tính, can đảm, hay châm chọc.

– Lòng mày có đuôi kéo xuống: hay chán nản, bi quan, tính toán, buông thả, nhác nhỡm...

– Lòng mày rậm, đậm nét: người mạnh khỏe bạo dạn.

– Lòng mày mỏng, ngắn: người thờ ơ lãnh đạm.

– Lòng mày xám, thưa: người bất thường, ít hoạt động.

LƯƠNG QUYỀN

Tây phương thường không chú ý đến lương quyền trong Tướng học của họ. Trái lại Đông phương xem lương quyền là phần đáng quan tâm khi nói về Diện tướng vì lương quyền chính là hai trong năm phần nhô cao của gương mặt (thường gọi là Ngũ nhạc). Chính lương quyền (Đông nhạc và Tây nhạc) là hai bình phong bảo vệ 2 hướng cho Trung nhạc là Mũi. Các nhà tướng số khi xem về niên hạn 46, 47 tuổi thường lưu ý đến lương quyền (năm 46 tuổi ứng vào lương quyền trái còn năm 47 tuổi ứng vào lương quyền phải).

Lương quyền phải đều đặn không bị xẹp, khuyết lệch lạc là tốt. Các nhà nghiên cứu về Cốt tướng học (coi tướng qua việc xác định xương cốt) cho rằng lương quyền là phần nhô lên của khối xương vành tai và xương đỉnh đầu (theo Tướng pháp Nhật Bản). Vì thế lương quyền biểu thị

cho tánh tự tôn hay tự ty mặc cảm là tùy theo sự phát triển nhiều hay không.

Theo tướng học Á Đông thì lưỡng quyền được gọi là nằm cao khi nó nằm phía trên đường thẳng phân ngang mũi thành hai phần bằng nhau và thấp khi nằm dưới đường này.

Theo Nhân tướng học ngày xưa thì người có lưỡng quyền cao thường hay tự tin, tự cao tự đại và hăng hái trong vấn đề tranh chấp. Còn người có lưỡng quyền thấp thì hay an phận ưa hòa nhã.

Người có lưỡng quyền nhô cao nổi gò thường ương nghạnh, hay chanh chấp, đôi khi trở thành nông nổi, luôn luôn muốn nắm trọn quyền, hách dịch nếu là đàn bà, lại có mũi dài và cao thì quả là người đàn bà khuynh loát mọi thứ. Nhà nghiên cứu Hy Trương trong cuốn Nhân tướng học đã nêu lên hình ảnh người đàn bà lưng danh có lưỡng quyền cao ứng với mũi dài và cao là Từ Hy Thái Hậu, người đàn bà xuất chúng khuynh loát cả một triều đại Trung Hoa đời Thanh mạt. Về mặt tình cảm, người có lưỡng quyền cao thường khổ trên bước đường tình ái nhất là đàn bà. Đây là những kinh nghiệm được thu nhặt qua hàng chục thế hệ loài người mà Nhân tướng học đã ghi nhận và chứng minh. Tuy nhiên không phải bất cứ ai có lưỡng quyền cao đều phải kết luận dứt khoát là như vậy mà thật ra còn cần phải phối hợp với nhiều bộ vị và tướng cách khác nữa. Theo các nhà tướng học Á Đông thì người có lưỡng quyền vừa phải (nghĩa là không quá lõm, xẹp hay quá thấp sò với trán và môi cộng thêm với mũi ngay ngắn vừa phải về cho bề cao và bề dài) thì đó là một trong những nét tướng tốt của một con người.

MŨI

THEO TƯỚNG HỌC Á ĐÔNG

Theo Nhân tướng học thì mũi giữ vai trò trung ương trên bộ mặt và gọi là Trung nhạc. Vì thế điều cốt yếu là luôn luôn mũi cao ráo, đầy, dày rộng, ngay thẳng Tuy nhiên mũi làm chủ 4 núi không nên cao quá có thể trở thành trơ trọi, cô độc mà phải hoà hợp. Tướng học chia mũi ra làm 6 phần:

1. Sơn căn (dưới Ấn đường): Sơn căn phải đầy đặn không tì vết hay khuyết hãm mới tốt.
2. Niên thọ: phải cao thẳng sáng sủa mới tốt.
3. Chuẩn đầu (đầu mũi): phải nở nang mới gọi là tốt
– Mũi giống như túi mật là phú quý.

– Mũi hếch (hai lỗ mũi ngược lên trời) theo tướng học Á Đông là quá xấu.(1)

– Mũi phải thẳng, không được lệch, gãy (vì mũi thông với phổi, xét về mặt khoa học thì vấn đề mũi thẳng, cao, không lệch lạc là để mọi sự lưu thông không khí được dễ dàng) nhỏ, hẹp.

Theo Tướng học Á Đông thì Chuẩn đầu là biểu tượng của trí lực. Nếu Chuẩn đầu phát triển thì trí lực phát triển.

Người có sống mũi và cánh mũi cứng là người kiên cường

– Mũi rộng, dài, chắc: sức khỏe tốt.

– Mũi cong như móc câu, hoặc quặp như chim ưng là xấu.

– Mũi nhỏ mà hẹp là không có óc tự lập, luôn luôn lệ thuộc vào người khác.

Nhìn mũi để suy ra thọ yếu:

A. Dạng Mũi Chỉ Khả Năng Sống Lâu:

– Mũi dài, thẳng, cứng.

– Sống mũi cao và tròn.

– Hai cánh mũi nở nang cân phân.

B. Dạng Mũi Chỉ Sự Yếu Mệnh:

– Mũi cong queo, thấp, xẹp.

– Mũi có gân máu đỏ chằng chịt: có máu độc.

(1) Nhiều người cho rằng đi sửa mũi (nếu mũi xấu) thì sẽ giải trừ được mọi điều xấu nếu có trong Tướng học. Tuy nhiên nếu cho Tướng học là đúng chẳng hạn thì vấn đề sửa mũi để làm biến đổi bộ mặt là không đúng vì thật ra ngay trong cơ thể đã có những phần mà Tướng học gọi là Cốt khí, đã định sẵn.

- Mũi có màu xám đen hay xám xanh.
- Có những đốm những vết là bệnh ở nội tạng.
- Sơn căn xẹp lép hay gầy, hẹp, có dấu vết.
- Mũi lõm, lệch, mũi rất nhỏ so với khuôn mặt.
- Trên mũi có gân xanh chạy lên Sơn căn, Ấn đường là điều xấu sắp xảy ra.

Theo Tướng học Á đông thì còn có một loại mũi nên lưu ý đó là mũi lộ khổng. Đây là dạng mũi mà hai lỗ hình như bị khoét vạt lên hai bên cánh mũi. Tướng học gọi là hữu danh vô thực, hữu quý vô phú.

- Mũi hếch lên thường dễ bị bệnh nội thương.

THEO TƯỚNG HỌC TÂY PHƯƠNG

Bác sĩ Josef Ranald đã ghi nhận 3 trường hợp mà ông cho là rất đúng đó là:

* Người có mũi rộng từ gốc đến lỗ mũi thường có sức khỏe rất tốt.

* Người có mũi rộng thường đa dâm, can đảm và sống lâu.

* Người có mũi màu xám đục với các chấm đen nhỏ thường dễ bị bệnh bao tử.

Ngoài ra Bác sĩ Ranald còn cho biết rằng màu sắc trên mũi đôi khi cũng cho biết được cá tánh của con người:

– Người có mũi tím bầm là người dùng quá nhiều rượu hoặc nghiện ma túy.

– Người có mũi hồng là người hay ăn nhậu, cộc cằn...

118 *những bí ẩn trên bộ mặt và bàn tay*

– Người có mũi xanh tái: người hay hờn giận, ganh tị, ghen tuông.

Bác sĩ Josef Ranald cho rằng đó là những điều mà chính ông đã theo dõi và ghi nhận được và một số Bác sĩ khác cũng đã và đang tiếp tục quan sát và nghiên cứu thêm.

MIỆNG

THEO TƯỞNG HỌC ĐÔNG PHƯƠNG

Trong Nhân tướng học, miệng được lưu ý nhiều nhất, đôi khi hơn cả mắt vì miệng đóng vai trò quan trọng trong đời sống của con người. Miệng là nơi đem nguồn dinh dưỡng cho cơ thể, là nơi bộc lộ cá tính và tình cảm, là nơi tạo sự gian ác hay nhân đạo. Dịch hệ từ ghi rằng: “Kẻ tốt bụng và biết nghĩ suy thì ít nói, kẻ thất tiết thì hay nói nhiều, kẻ hấp tấp thì lăm lờ, kẻ sắp làm điều xấu thì nói lời ấp úng then thùng, kẻ lòng nghi hoặc thì nói lời không mạch lạc, kẻ sắp vu khống thì nói nhẹ nhàng và ngọt xớt”. Từ ngàn xưa khoa tướng học nhận định thể cách của một kẻ dối trá dùng miệng lưỡi để làm điều xằng bậy như sau:

– Vừa nói vừa cúi đầu xuống là kẻ thâm hiểm gian manh.

– Luôn luôn nói tốt về mình và tỏ ra can đảm không sợ ai, không sợ đói sợ khát, không sợ chết, trung thành và nhân đạo chính là kẻ phản trắc và nhút nhát hơn ai.

– Luôn luôn chê bai tất cả là hạng không ra gì v.v...

Nhân tướng học Á Đông gọi miệng là Thủy tinh và cho rằng miệng tốt, đúng tướng cách phải là: vuông vắn (không phải hình vuông mà là góc cạnh) khi há miệng ra thì rộng nhưng ngậm lại thì nhỏ nhắn. Màu sắc hồng nhuận tự nhiên kèm theo Nhân trung sâu, dài (Nhân trung là phần lõm sâu ở giữa mũi và môi trên), răng phải đều và trắng sáng.

Xấu nhất là môi hếch, môi trề, lệch, méo, răng hô, lộ xỉ, khóe miệng cong lệch về dưới.

Miệng có dạng chiếc thuyền lật là nét tướng kỵ nhất trong tướng học Á Đông. Nghĩa là môi cúp xuống dưới cầm chỉ cuộc đời khó phát triển. Nhân tướng học đã ghi nhận từ ngàn xưa những đặc điểm sau đây về miệng nói lên cá tính của mỗi người như sau:

1) Miệng cân xứng về bề dày 2 môi (dù dày hay mỏng). Nếu môi dày: thường có phản ứng chậm chạp nhưng điềm tĩnh, tốt bụng, thành thật và giữ lời hứa. Nếu môi mỏng: phản ứng nhanh, ít thành thật nhất là vấn đề tình cảm.

2) Miệng cân xứng đều đặn: người có tính cẩn thận. Nếu có những nét hướng lên trên (khóe môi nhếch lên) là người trung tín, vui vẻ tốt bụng. Nếu nét ngang là người khoan hòa.

3) Miệng lệch lạc, hai môi không ngay ngắn là người ít thành thật.

4) Miệng bình thường vẫn hở lộ răng là người khó giữ kín chuyện mật.

5) Chưa nói mà môi mấp máy là người hay ngồi lê đôi mách và vất vả.

6) Đan bà mà hai môi đều có những lần dọc rõ ràng đẹp đẽ là tướng có lắm con và lại dễ nuôi. Nếu hai môi không có lần dọc, trơn tru là hiếm con (Nhân tướng học Á Đông đã từng áp dụng trong Y học cổ truyền).

7) Khóe miệng có những đường vạch dọc là điều tối kỵ cũng như những nếp nhăn ở hai bên khóe miệng (không phải những nếp nhăn ở người già lão).

8) Môi có màu tím: bệnh tim mạch, tính tình cương quyết khó khăn. Môi thâm: nham hiểm, bệnh.

9) Miệng chụm lại như thối lửa: gian nan.

Ngoài ra Nhân tướng học còn ghi nhận những nét đặc biệt ở miệng, môi giúp suy đoán bệnh lý và thọ yếu.

a) Môi trắng bệch: thiếu máu hay bệnh phổi.

b) Môi thâm tím, tái, bệnh tim, thiếu máu.

c) Môi có sắc tia pha đen, khô xạm: tì vị suy nhược.

d) Môi và quanh miệng có màu vàng như trính mỡ là dấu hiệu đau gan, nội tạng tổn thương, sinh khí suy kiệt.

e) Đầu lớn nhưng miệng quá nhỏ là yếu tướng.

f) Môi chụm lại, chầu tới trước là yếu tướng.

g) Hai môi ngay ngắn hồng nhuận là sức khỏe tốt, sống lâu, ít tật bệnh.

h) Miệng rộng, lớn có khóe miệng làm thành đường ngang rõ nét là vô bệnh, sống lâu.

THEO TƯỚNG HỌC TÂY PHƯƠNG

Một Bác sĩ Y khoa Đại học Oxford cũng như các Chuyên viên nghiên cứu về Tâm thần học trên thế giới đều công nhận rằng những người có môi trên trề hay môi ngắn để răng lộ hoặc môi có dạng như bị những lần nứt dọc ở hai khóe là mẫu người suy đồi hay cuồng loạn. Bác sĩ Josef Ranald phụ trợ bằng đặc điểm khác nữa đó là người này thỉnh thoảng nhếch môi nhếch mép (hay nhếch lông mày) và gật gù lẩm bẩm trong miệng đó là chứng rối loạn tinh thần.

Ngoài ra màu sắc xuất hiện trên miệng cũng rất quan trọng.

Người đau gan, quanh miệng có màu vàng sẫm.

Người mắc bệnh đái đường có hàm trên thật lồi, răng dài và rộng. Người bị phong thấp răng không đều.

Người đau tử cung có đôi môi thường xanh mét.

Người bị chứng bại, mặt môi thường mở hé.

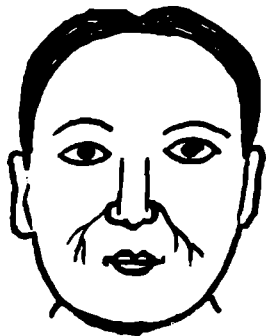
Người sắp chết môi thường xệ xuống.

PHÁP LỆNH LÀ GÌ?

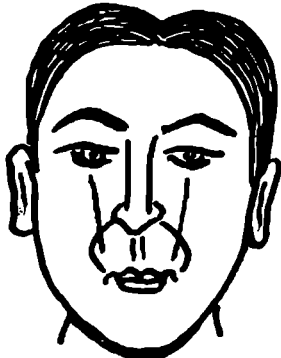
Diên Khánh, July 28, 2017

Chỉ có Tướng học Đông phương là lưu ý đến Pháp lệnh, trong khi đó Tướng học Tây phương chỉ lưu ý đến môi, mắt, mũi... mà không để ý đến Pháp lệnh, tuy nhiên Tây phương lại lưu ý đến các nếp nhăn trên mặt. Pháp lệnh là đường lằn chạy từ hai bên cánh mũi xuống dưới miệng hay cằm. Theo tướng học Đông phương thì Pháp lệnh có thể cho biết cá tánh và bệnh tật của con người như sau:

- 1– Người có Pháp lệnh mờ nhạt thường sức khỏe yếu.
- 2– Người có Pháp lệnh chạy vào miệng là điều tai hại (Nhân tướng học gọi là Đẳng xà nhập khẩu: Rắn bò vô miệng) thường bị bệnh không ăn được (chết đói). Tuy nhiên tướng học lại lưu ý rằng cần phải quan sát các bộ vị khác để kết luận chung cuộc.
- 3– Người có Pháp lệnh nói trên (kiểu số 2) mà lại có



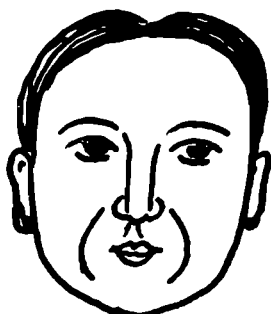
PHÁP LỆNH PHÂN NHẦN



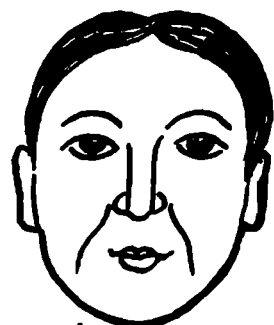
PHÁP LỆNH YẾU TỬ



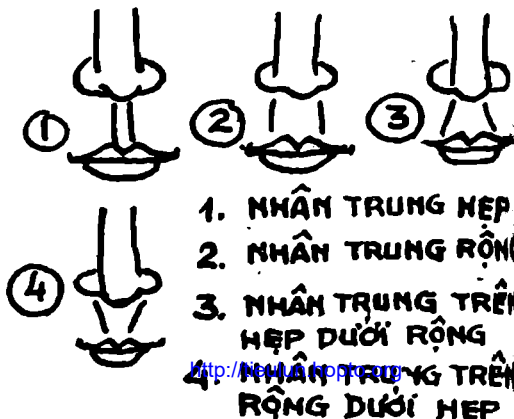
PHÁP LỆNH TOẢ KHẨU



PHÁP LỆNH TRƯỞNG THỌ



PHÁP LỆNH MỞ RỘNG



1. NHẦN TRUNG HẸP
2. NHẦN TRUNG RỘNG
3. NHẦN TRUNG TRÊN HẸP DƯỚI RỘNG
4. NHẦN TRUNG TRÊN RỘNG DƯỚI HẸP

thêm một đường lằn mờ nhạt chạy từ mắt dưới tới khóe miệng thì cần phải để ý đến việc ăn uống vì dễ bị ngộ độc. Người xưa gọi đó là đường Pháp lệnh tử vong hay Pháp lệnh thảm tử.

4- Nếu hai Pháp lệnh chạy từ hai cánh mũi xuống gần khóe miệng lại tỏa ra xa thì đó là Pháp lệnh quý hiếm. Người có Pháp lệnh này thường sống thọ và thích sống yên tĩnh, cô độc.

5- Pháp lệnh trường thọ là hai đường phát xuất từ hai cánh mũi xuống bao lấy dưới miệng. Nhớ để ý hai đường này phải đều đặn rõ ràng không vụn vẹo đứt khoảng mới được.

6- Pháp lệnh chẻ đôi hay chấp nối:

Khi nhìn nghiêng sẽ thấy rõ đường này chạy từ cánh mũi xuống và có nhiều đường tẻ ra, chấp nối không đều. Đây là biểu tượng của cuộc đời vất vả rày đây mai đó.

Tướng pháp Đông phương ngoài việc nghiên cứu các Pháp lệnh, còn lưu ý quan sát kỹ Nhân trung. Phần này Tướng học Tây phương cũng không nghiên cứu. Mãi đến nay, một vài nhà nghiên cứu ở Pháp và Anh đã nhắc đến phần Nhân trung nhưng không giải thích gì nhiều liên quan đến Nhân tướng học mà chỉ liên hệ đến bệnh lý mà thôi.

Nhân trung là phần lõm dọc ăn sâu từ chót mũi xuống môi trên. Đối với Nhân tướng học Đông phương thì nhân trung coi như là phần quan trọng trong việc xác định sức khỏe, thọ yếu cũng như thai sản. Vì thế họ gọi nhân trung là Thọ mạng cung. Sau đây là các đặc điểm của nhân

126 những bí ẩn trên bộ mặt và bàn tay

trung tương ứng với cá tánh và bệnh lý cũng như thai sản con người:

– Người có Nhân trung sâu đậm, dài, thẳng, trên hẹp dưới rộng là tốt về sức khỏe và cuộc đời.

– Nhân trung dài, sâu không lệch là trường thọ.

– Nhân trung ngắn, cạn, lệch lạc là yếu tướng.

– Người có nhân trung ngắn thường thích kẻ khác khen ngợi mình, tăng bốc mình. Phụ nữ có nhân trung ngắn thường tham danh lợi đến độ mất cả lễ nghĩa, liêm sỉ (theo Nhà tướng học Tô Lăng Thiên).

– Người có nhân trung dài luôn luôn có óc tự lập, tự quyết và đứng đắn, ghét kẻ xua nịnh và điều gian dối.

– Người có nhân trung rộng rõ nét: sống lâu.

– Người có nhân trung trên hẹp dưới rộng: có khả năng sinh nhiều con (nhất là phụ nữ), dễ sinh sản. Về cá tánh: người vui vẻ, khoan hòa.

– Người có nhân trung trên rộng dưới hẹp: đàn bà hiếm con hay sinh đẻ khó khăn. Cá tánh: thường hay nhăn nhó bực bội cáu kỉnh.

– Người có nhân trung đều đặn: cuộc sống bình thường.

CẨM

Sách tướng Đông phương gọi cằm là Địa các. Và theo tướng pháp này thì Địa các chính là biểu tượng cho hậu vận (tính từ 50 tuổi trở đi). Ở đây có sự trái ngược so với tướng học Tây phương. Theo tướng học Tây phương thì muốn tìm tương lai một người, thường phải chia khuôn mặt ra làm ba khu vực: khu vực từ cằm lên mũi là khoảng từ 20 đến 30 tuổi. Từ chót mũi lên chỗ giao nhau giữa hai lông mày là từ 31 đến 40 tuổi. Phần trên là từ 41 tuổi trở đi.

Sau đây là một số đặc điểm mà Tướng học Đông phương ghi nhận sau hàng ngàn năm tổng hợp và so sánh:

- 1) Cằm vuông vức, nảy nở, tươi sáng là sức khỏe và hậu vận tốt đẹp.
- 2) Cằm nhọn, nhỏ, lệch lạc, u ám là yếu tướng, bần hàn, cô đơn.

Khi về già (để có kết luận chắc chắn chính xác cần kết hợp luôn các bộ vị khác ở trên mặt như mắt, mũi, tai, miệng và khí sắc...).

3) Cầm quá vương, người mạnh ý chí và đôi khi trở nên độc tài, cố chấp, cương quyết, cộc tánh.

4) Cầm tròn mập: thích ăn nhậu, tình cảm ướt át, vui tính.

5) Cầm nhọn: trầm mặc, thiên về triết lý văn chương, thần bí, gian nan vất vả trên đường đời...

Đối với Tướng học Tây phương, cầm được coi là nơi để xác định khả năng trí thức và cá tánh con người. Bác sĩ Josef Ranald đã ghi nhận được các đặc điểm chính yếu sau đây khi nghiên cứu sự liên hệ giữa cá tánh và kiến thức của con người:

1) Cầm vương, rộng: sức khỏe dồi dào nhưng thường sống vì mình, cứng rắn khô khan, cương quyết, ít tình cảm và nóng tính.

2) Cầm tròn: người thích đi đây đó, hiền lành, thích tìm hiểu, đổi mới.

3) Cầm hẹp nhọn: khó tánh, mẫu mực, sống nội tâm, tỉ mỉ, ít hoạt động, có khiếu thẩm mỹ, thích tìm tòi khảo cứu.

4) Cầm mập: người mê ăn uống, thích vật chất đến độ có thể hy sinh những gì có tính cao thượng.

5) Cầm có núm lún sâu ở giữa: người giỏi ngoại giao, thông minh, can đảm. Nếu núm lún nằm ngang là người hiền hậu.

TAI

Cổ tướng học gọi là Thám thính quan. Theo Tướng học Á Đông thì tai ở gần óc não lại thông với tim và thận nên sự liên quan ảnh hưởng với nhau rất rõ rệt. Nếu thận khí tốt thì tai sáng, nếu thận khí hư thì tai không đảm trách được nhiệm vụ mình. Ngoài ra tai có ba phần liên quan đến ba chức năng: phần tai trên biểu tượng Trí lực (Mentalité), phần giữa biểu tượng cho Động lực (Mobilité) và phần cuối biểu tượng của Năng lực hoạt động hay còn gọi là Sinh lực (Vitalité). Phần nào phát triển là khả năng nơi ấy tăng cao.

TAI VÀ CÁ TÍNH THEO TƯỚNG HỌC Á ĐÔNG

– Người có các phần của tai đều đặn, phân biệt rõ ràng màu sắc tươi nhuận là chứng tỏ thông minh, sức khỏe, nhân hậu.

– Người có tai lệch lạc, quá nhỏ, mềm, hắc ám: bất tài, bệnh, xấu tính.

– Tai cao hơn mắt là quý tướng cũng như tai nở, sáng, trai tai lớn, đỏ có lông tai dài, tai trắng hơn mặt và dày đều là tốt.

*** Tai Và Bệnh Tật, Thọ Yếu:**

– Tai dày, mập, khí sắc hồng nhuận là sống lâu.

– Tai mọc thấp, cong queo, ám khói là yếu tướng.

– Lỗ tai nhỏ xíu, ngón tay út đứt không vào là yếu tướng.

– Trái tai dày, rủ xuống và uốn về phía trước là thọ.

– Trong tai có những sợi lông mọc dài ra là thọ tướng.

– Tai mỏng, nhỏ, khô, có gân xanh nổi rõ, vành tai có những đốm đen là bệnh nội tạng, yếu tướng, cơ thể suy nhược.

Thông thường, các sách tướng xưa ghi về tai có đoạn như sau:

Tai có dạng thể khác lạ, khiếm khuyết đều là xấu.

Tai cao hơn chân mày là phát triển nhiều về trí lực.

Tai thấp hơn mắt là bình thường hay kém cõi.

Cặp trái tai lớn là người hiền triết đạo đức.

Tai màu hồng là sức khỏe tốt. Xanh, vàng là bệnh.

Thâm xám là đang bị bệnh nhưng chưa lộ hẳn ra.

Sách Ma Y thần tướng thường lưu ý người có vành tai khô và có màu đen xám là bệnh dữ đang phát lộ.

Ngoài ra có một dạng thể kỳ lạ về tai mà các Nhà tướng pháp Á Đông thường cho rằng qua kinh nghiệm đã chứng minh là đúng. Đó là người có tai dày, hồng nhuận và áp chặt vào sát đầu là người giàu có.

TAI VÀ CÁ TÁNH THEO TÂY PHƯƠNG

Tướng học Á Đông chú trọng nhiều về việc nghiên cứu tai như đã nói trên trong lãnh vực Tướng mệnh trong khi đó Tây phương lại tập trung vào việc nghiên cứu tai trong lãnh vực Y khoa.

Giáo sư Pardo Costello, nhà nghiên cứu nổi tiếng tại Trung tâm Đa liễu thuộc Đại học Havane đã vừa nghiên cứu về bàn tay và gương mặt, đã nói rằng tai là một bộ phận quan trọng trong cơ thể không những về Y khoa mà còn về lãnh vực Tâm lý học và Nhân tướng học nữa. Chính ông và các bạn ông đã sưu tập được hàng ngàn kiểu tai qua ảnh chụp. Bác sĩ Josef Ranald thì tập trung nghiên cứu tai liên hệ tới cá tánh và bệnh trạng của cơ thể.

TẠI VÀ Y HỌC

Mới đây Tiến sĩ Khoa học Liên xô là Vitali Ivanov đã nghiên cứu tỉ mỉ về tai và đã thực hiện một Luận án Chuyên đề về việc xoa bóp các vùng, các điểm ở tai để trị bệnh. Công trình của ông đã được các giới Y khoa chú ý. Theo Tiến sĩ Vitali Ivanov thì tai người là một trung tâm qui tụ hầu hết các đường thần kinh, mạch máu liên lạc với các cơ quan và bộ phận trong cơ thể. Ví dụ ở trái tai là nơi liên hệ với mắt, miệng, lưỡi, răng, hàm dưới. Phía trên tai ngay dưới đường viền vành tai ngoài là vùng liên hệ với bàn tay, bàn chân, đầu gối, xương bánh chè, xương chậu. Hơi chếch vào phía trong sát với màng tang là vùng liên hệ với vòm họng v.v... (xem hình 1) Hiện nay các nhà khoa học đã tìm thấy hơn 200 vị trí liên hệ.

Theo Tiến sĩ Vitali Ivanov thì mỗi ngày ta nên dùng tay để tự chà sát lên bề mặt của loa tai rồi lần lần đi vào phần giữa loa tai rồi tiếp tục chà sát lên sau đó xoa dần xuống đến trái tai từ năm đến sáu lần như thế. Khi xoa có thể chỉ dùng ba, bốn ngón tay để xoa và ấn thôi. Xoa và ấn cho đến khi da tai đỏ hồng (không nên chà xát quá mạnh hoặc làm tai quá đỏ) và nóng là được. Việc xoa nắn chà sát và ấn này có mục đích là điều hòa sự hoạt động của các cơ quan trong cơ thể.

Theo Tiến sĩ Vitali Ivanov thì ở loa tai có mười ba vùng chính, mỗi vùng liên hệ tới một số cơ quan bộ phận trong cơ thể. Khi bị đau nhức, viêm tấy ở phần nào thì chỉ

việc xoa, ấn vào các vùng liên hệ là giảm đau. Sau đây là mười ba vùng ở loa tai (xem hình 2):

Vùng 1: Trái tai (Le Lobe de l'Oreille).

Chà xát theo kiểu xoay vòng trái tai giúp làm giảm viêm, xung tấy ở vùng xoang miệng, đau răng, cận thị và đặc biệt trị được chứng mất ngủ rất hay. Muốn mau kết quả nên dùng móng tay cạo nhẹ lên trái tai để tạo những cảm giác rần rần (lâm râm) nơi chỗ xoa.

Vùng 2: Vành tai (L'hélix).

Chà xát theo cách đã nói trên trên suốt vành tai ngoài (đường viền dày ngoài tai) sẽ giúp làm giảm sự phát triển của những vùng bị viêm nhiễm, đau họng, viêm hồng hạt, chứng tăng huyết áp, sốt cao và rối loạn tiêu hóa. Mỗi ngày nên chà xát ở vành tai vài lần để giúp các cơ quan liên hệ được điều hòa.

Vùng 3: Vùng cuối của vành tai mà khoa học gọi là Racine de l'hélix (xem hình).

Chà xát vùng này giúp điều hòa hệ thống tim mạch, rối loạn tiêu hóa, những bệnh da liễu và máu huyết.

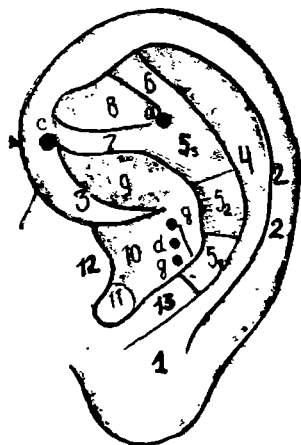
Vùng 4: Dưới vành tai.

Chà xát vùng này sẽ giảm hẳn đau ở tay, vai, xương bả vai, đầu gối, cùi chỏ và cả cổ họng nữa. Nhờ chà xát ở vùng này mà các chứng đau nhức gây ra bởi phong thấp được giảm rất nhanh.

Vùng 5: Vùng này ở ngay trên đường nổi lên như một đường đê trong loa tai (xem hình) và gồm có ba phần:

Vùng 1/5: Ở dưới cùng: xoa nắn chà xát vùng này sẽ giảm chứng đau cột xương sống ở cổ.

134 những bí ẩn trên bộ mặt và bàn tay



13 vùng quan trọng trên loa tai



Cấu tạo bên trong của tai với những bộ phận thu âm và khuếch đại

Vùng 2/5: Ở giữa vùng năm: xoa nắn chà xát sẽ giảm đau cột sống lưng.

Vùng 3/5: Ở trên: xoa nắn chà xát cho người bệnh hay những người bị thương về cột sống hay bắp thịt bị tổn thương nhất là chứng liệt khớp ở một vùng nào đó của cơ thể.

Vùng 6: Vùng trên cùng của vùng 5:

Chà xát vùng này sẽ giảm đau rất nhanh chứng đau nhức (Tê thấp) ở vùng bàn chân, cẳng chân và đầu gối.

Vùng 7: (xem h.) Vùng này nhánh rẽ hai của vùng 5.

Chà xát vùng này sẽ giúp giảm hẳn chứng đau nhức thần kinh. Điều đáng lưu ý là ở đây còn có một “điểm tụ” quan trọng mà trong hình ghi là điểm C. Châm cứu hay ấn vào điểm này sẽ làm ngưng lại sự phát triển của Ung thư dạ dày hay Ung thư thập nhị chỉ tràng. Ngoài ra điểm C này còn là nơi mà ta có thể làm điều hòa mạch máu và dây thần kinh nữa.

Vùng 8: Vùng nằm ngay giữa loa tai:

Chà xát vùng này sẽ giúp giảm chứng hen xuyễn, chứng tăng huyết áp, chứng động kinh (Épilepsie)... Ở đây nên lưu ý đến một điểm tụ khác ở giữa vùng 6 và 8 đó là điểm tụ “a”: Chà xát điểm tụ này trong trường hợp có tổn thương ở khu thần kinh Tam thoa (bị đau nhức, viêm...), đau răng dữ dội, ngoài ra còn chống lại tất cả những sự đau nhức, viêm xung và những hôn mê chóng vánh xảy xấp hoặc thác loạn thần kinh.

Vùng 9: Vùng tập trung nhiều cơ quan bộ phận của cơ thể. Vùng 9 nằm giữa loa tai kề với vùng 3 và vùng 7.

Chà xát vùng này sẽ giúp gan, thận, tì tạng... được điều hòa, tránh được viêm nhiễm.

Vùng 10: Dưới vùng 9 và ở trước lỗ của loa tai.

Khi chà xát vùng này nên nhẹ nhàng để gây kích thích về chuyển động của nhịp tim giúp những người bị máu xâm, bất tỉnh mau hồi tỉnh. Việc chà xát làm điều hòa chứng tim đập không đều (Arythmie) giúp trị được các bệnh phổi mới chớm phát và nhất là các chứng ho, những bệnh kinh niên...

Ở vùng này có những điểm tụ rất quan trọng được gọi là điểm trung tâm trong đó điểm tụ "d" đáng chú ý hơn cả vì khi chà xát, ấn vào điểm tụ "d" này thì lập tức tạo được sự điều hòa lượng máu cho cơ thể tránh được sự tăng hay giảm của huyết áp. Hiện nay bệnh Tăng huyết áp đang là mối đe dọa lớn cho sinh mạng loài người nhất là ở các nước tiên tiến, nơi mà người dân dùng quá nhiều chất béo.

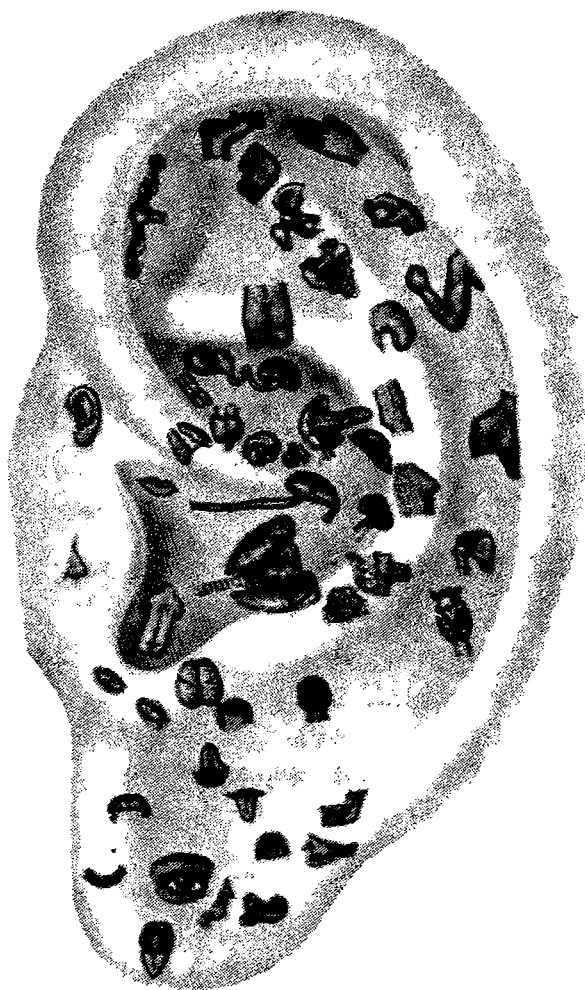
Ngay phía trên và phía dưới của điểm tụ "d" này, còn có hai điểm tụ khác nữa lấy cùng một tên đó là điểm tụ "g". Hai điểm tụ "g" này gọi là điểm tụ của hai lá phổi. Chỉ cần chà xát lên hai điểm tụ này là đã thấy sự hiệu nghiệm đối với các chứng bệnh về phổi, tức ngực, ho cũng như những hiện tượng Quá mẫn (Les Allergies).

Vùng 11: Vùng này nằm ở chỗ uốn của vành tai dưới (xem hình).

Khi chà xát vùng này phải làm nhiều lần để giúp giảm đau ở phần bụng hoặc khi bị ù tai.

Vùng 12: Là vùng ngoài vành của loa tai nối liền với màng tang.

Xoa, chà xát vùng này trong trường hợp bị đau cổ,
<http://tieulun.hopto.org>



Sơ đồ cho thấy ngay trên một loa tai của lỗ tai có những vùng hay những điểm tương ứng với các cơ quan của cơ thể

viêm xoang, viêm xương hàm. Nói tóm lại: những bệnh về xương hàm mặt.

Vùng 13: Vùng này ở cuối cùng của vùng 5.

Khi chà xát nên nhẹ nhàng. Việc chà xát lên vùng 13 sẽ giúp cơ thể chống lại tất cả những triệu chứng bệnh đau nhức (les Syndromes douloureux), chứng mất ngủ (Insomnies), chứng nhức đầu như búa bổ và nhất là những chấn thương sọ não...

Mỗi ngày nên chà xát vài lần loa tai để các mạch máu được luân lưu, các cơ quan trong cơ thể thực hiện các chức năng được điều hòa, các bắp thịt được linh hoạt...

TAI VỚI CÁ TÁNH VÀ BỆNH LÝ

Bác sĩ người Áo, Ranald không những nghiên cứu các mẫu tai để xếp loại bệnh lý, định bệnh mà còn nghiên cứu sự liên hệ giữa tai với cá tánh. Điều này thật ra cho đến nay, ngoài các nhà nghiên cứu về Nhân tướng học Á Đông, chưa có nhà khoa học nào công nhận là đúng hoàn toàn.

Theo Bác sĩ Ranald thì khi tiếp xúc với những Nhà khoa học nổi tiếng ông đều làm một thống kê chi tiết và nhận thấy rằng những người này phần lớn đều có tai nằm ở vị trí thấp so với gương mặt.

Theo ông, chiều cao của tai thường tính bằng chiều dài của mũi từ tâm điểm giao nhau của cặp lông mày (gốc

mũi) đến chót mũi. Vây vành tai trên phải ngang chân mày và viền chót trái tai phải ngang chót mũi.

Bác sĩ Ranald cho biết rằng ông đã gặp nhiều nhà Bác học có tai ở vị trí rất thấp, có khi trái tai nằm ngang với nhân trung.

Ngoài ra Bác sĩ Ranald còn ghi nhận các đặc điểm về tai như sau:

- Tai lớn (cao 65mm, rộng 30mm): sức khỏe dồi dào, sôi nổi và có trí nhớ tốt.

- Tai dính sát vào sọ: người có trí nhớ kém, ít hoạt động, thần kinh yếu, tánh tình bất thường.

- Tai quá nhỏ, người rất tiêu cực, vụng về. Nếu người có tai quá nhỏ lại kết hợp với hộp sọ quá lớn thì coi chừng dễ bị chứng loạn thần kinh. (Bác sĩ Ranald đã cho biết ông quan sát được điều này ở một số bệnh viện Tâm thần).

Ngoài ra Bác sĩ Ranald còn quan sát màu sắc đổi thay trên tai mỗi người để kết luận cá tánh hay bệnh lý. Ví dụ ông cho rằng người có tai hiện rõ màu hồng là đang bị cảm sốt. Còn người có tai màu chì sẽ dễ bị bệnh thần kinh. Đặc biệt hơn cả là những người có tai lạnh và màu xanh hay tái mét lại thường rất cộc tánh.

Nhưng dù thế nào, các đặc điểm được nêu trên do Bác sĩ Ranald trình bày cũng chỉ là một khám phá mới mẻ, dĩ nhiên những khám phá ấy sẽ được các Nhà khoa học nghiên cứu thêm để xác định trong tương lai điểm đúng điểm sai và chắc chắn những khám phá ấy sẽ góp phần không ít vào cuộc sống con người ở hai lãnh vực Y khoa và Tâm lý học...

NHỮNG NẾP NHĂN TRÊN GƯƠNG MẶT

Theo Bác sĩ Cornay và Victor Rocine thì nếp nhăn trên gương mặt đôi khi nói lên cá tính của con người rất rõ rệt. Bác sĩ Cornay đã thu thập vô số các nếp nhăn ở các người mà ông đã gặp và đã thống kê rất đầy đủ để có thể phân tích xếp hạng được một số cá tính. Bác sĩ Victor Rocine và Bác sĩ Josef Ranald lưu ý rằng: Không nên nhầm những nếp nhăn biểu hiệu của cá tính với những nếp nhăn gặp ở các gương mặt người già, ốm yếu. Những nếp nhăn ông gọi là “nếp nhăn cá tính” là những nếp nhăn tự nhiên đôi khi xuất hiện ngay trên gương mặt của những người trẻ tuổi chứ không phải hoàn toàn ở những người già lão.

Bác sĩ Victor Rocine, Cornay và Josef Ranald đều đồng ý ở điểm là chia các nếp nhăn ở khuôn mặt ra làm ba loại:

MỤC LỤC.

Lời mở đầu	9
Nhân tướng học dưới mắt các nhà khoa học	15
Đặc điểm của Nhân tướng học	18
Ứng dụng thực tế của Nhân tướng học	22

Phần I: BỘ MẶT

Bộ mặt con người theo quan niệm Đông phương	27
Ý nghĩa của từng bộ vị theo Đông phương	29
Giải thích bộ mặt theo một số nhà nghiên cứu Âu Tây	32
– Sự bất cân xứng về phía bên	35
Mặt và những mẫu người căn bản theo Tây phương	38
Một số bệnh lý biểu lộ qua gương mặt	42
Diện tướng	51
Suy đoán bệnh lý qua bộ mặt	54
Những suy đoán khác	57
Sự liên hệ giữa bệnh lý và tính tình	59
Khí sắc:	
– Khí sắc theo quan niệm Đông phương	67
– Khí sắc theo quan niệm Tây phương	76

302 những bí ẩn trên bộ mặt và bàn tay

Đầu:

– Nghiên cứu đầu theo quan niệm Tây phương . . . 82

Trán:

– Quan niệm Đông phương và Tây phương về trán . 85

Tóc và Râu:

– Theo tướng học Đông phương 87

– Theo tướng học Tây phương 89

Mắt: 93

– Theo quan niệm Tây phương 95

– Theo quan niệm Đông phương 97

Mắt tam bạch 101

Lông mày 109

Luống quyền 113

Mũi 115

Miệng 119

Pháp lệnh là gì? 123

Cằm 127

Tai: 129

– Tai và cá tánh 130

– Tai và y học 132

Những nếp nhăn trên khuôn mặt 141

Những đặc điểm chính về tướng cách về thọ yếu . 147

Những đặc điểm sức khỏe ghi nhận về trẻ con . . 149

Sự liên hệ giữa môi trường và con người 151

Tám khuôn mặt ảnh hưởng của tinh tú 159

Một số tướng cách tốt xấu của phụ nữ 163

Diên Khánh, July 28, 2017

Phần II: BÀN TAY

Những mẫu bàn tay	.169
Tính chất vật lý của bàn tay	.177
– Giải phẫu sơ lược bàn tay	.181
Móng Tay	.183
Thêm những đặc điểm ở móng tay	.204
Thử tìm hiểu các đường trong lòng bàn tay	.209
Phân tích một số loại bàn tay	.218
Hệ thống hóa sáu kiểu bàn tay	.234
Phương pháp thực hành để giải đoán bàn tay	.237
Sắc thái của bàn tay	.251
Một số đặc điểm trên bàn tay có liên hệ đến bệnh lý	.257
Phần thực hành	.263
Những chuyển động ở bộ mặt và bàn tay	.287

Phần III:

Kết luận chung	.297
Mục lục	.301
Tài liệu tham khảo	.304